

NGUYỄN CHÍ THIỆN

và

HOA ĐỊA NGỤC



Cuốn sách này ra đời để kỷ niệm về người bạn của tôi là nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, một người đã đem hết cuộc đời mình ra để đấu tranh cho tự do và nhân quyền.

*Anaheim, 10-26-2014 Đỗ Thị Thuần
Copyright ©2014*

Tiểu sử Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện

Giáo Sư Nguyễn Xuân Vinh



Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện



GS Nguyễn Xuân Vinh

Người ta có thể dùng nhiều danh từ để gọi Nguyễn Chí Thiện, vì anh là một người đa dạng, từ làm thơ chống độc tài cộng sản, cho đến kiên cường không chịu khuất phục trong lao lý khi anh còn ở trong nước, rồi đến khi ra nước ngoài anh còn đi diễn thuyết khích động tình yêu một quê hương có tự do và dân chủ trong lòng các sinh viên ở các đại học, hay điều trần trước quốc hội các siêu cường quốc về những vi phạm nhân quyền ở Việt Nam, điều gì anh làm cũng xuất sắc, nhưng vì tôi biết anh qua những bài thơ chống cộng nẩy lửa khi được đọc tập thơ “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” lần đầu tiên xuất hiện ở

hải ngoại vào năm 1980, nên quen nhắc đến anh như là một thi sĩ có chân tài. Cho đến nay, Nguyễn Chí Thiện đã viết được vào khoảng 700 bài thơ, và qua một phần tư thế kỷ, thơ của anh đã được in dưới đủ hình dạng, trên sách báo hay thành những tập ngắn, tập dài, và được dịch ra thành nhiều thứ tiếng, để phổ biến ở những nước có người Việt tỵ nạn cộng sản cư trú. Bản dịch thơ sang Anh ngữ đặc sắc nhất là bản dịch của giáo sư Huỳnh Sanh Thông và tập thơ song ngữ được Council for Southeast Asia Studies [1] ở Đại Học Yale phát hành vào năm 1984 với tên nguyên thủy là Flowers from Hell/Hoa Địa Ngục để bắt đầu cho Tập sách Lạc Việt. Năm sau đó, 1985, tập thơ được Giải thưởng Thơ Quốc Tế ở Rotterdam, Hoà Lan, và tên tuổi của Nguyễn Chí Thiện trở nên sáng chói trên vòm trời văn học thế giới khi sách được Đại Học Yale in lại lần thứ hai, và nhiều bản dịch ra các thứ tiếng như Đức, Pháp, ... tiếp tục ra đời.

Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện bước vào đời sống văn học và chính trị của cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản một cách đột ngột, nhưng không phải như là một ngôi sao băng chỉ bùng sáng lên rồi lại heo hút biến mất. Những năm đầu, sau khi thơ của anh được giới thiệu ra ngoài đời, chân dung và cuộc đời ngục tù của anh hiện ra rất mờ mờ, đôi khi có người chỉ dựa vào một câu thơ mà quyết đoán ra tuổi của người viết thì rất có thể nhầm lẫn. Nhưng cùng với sự phổ biến của 400 bài thơ đầu tiên bằng nhiều thứ tiếng, qua những tiếng thơ được đọc lên ở khắp mọi nơi, hình ảnh kiên cường chiến đấu của nhà thơ, đã nói lên sự thật tàn bạo của đời sống dân Việt dưới chế độ cộng sản, đã dần dần hiện ra một cách trung thực và, kể từ ngày mùng Một tháng Mười Một năm 1995 khi, dưới áp lực của nhiều đoàn thể chính trị và sự vận động của nhiều nhân sĩ Hoa Kỳ, cộng sản Việt Nam phải để anh ra nước ngoài theo chương trình HO, và sau đó Nguyễn Chí Thiện đã có dịp đi khắp năm châu để gặp gỡ và nói chuyện với đồng bào đã quý mến và chờ đón anh, thì giờ đây ta có thể nói là, trong thi đàn tiếng Việt, thơ của anh được nhiều người đọc nhất và cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản đã dành cho anh một sự ngưỡng mộ khác thường. Để giới thiệu thi sĩ Nguyễn Chí Thiện, phần tiểu sử văn tắt của nhà thơ ghi dưới đây đã được dựa lên những tài liệu chính xác nhất mà người viết nhận được [2].



Đêm đọc thơ “Tiếng vọng từ đáy vực” tại Đại học Berkeley, tháng 5.1981

Nguyễn Chí Thiện sinh ngày 27 tháng Hai năm 1939 ở Hà Nội, thân phụ là một tiểu công chức, tổng sự tại toà án của thành phố, và thân mẫu buôn bán thêm để phụ giúp vào sự chi tiêu của gia đình. Anh là con trai út trong nhà, ở trên có hai người chị và kế đến là một người anh trai là ông Nguyễn Công Giân, sinh năm 1932, sau này là một trung tá trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Sau khi miền Nam sụp đổ, người anh cũng phải đi các trại tù cộng sản mười ba năm (1975-1988) trước khi được đi định cư cùng gia đình ở tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ vào năm 1993 theo chương trình HO. Nhà thơ học xong trung học năm mười bảy tuổi (1956), nhưng sau đó anh nhiễm bệnh phổi, và theo gia đình về Hải Phòng nên từ đấy anh chỉ tự học để trau dồi

thêm kiến thức, đặc biệt là môn Pháp văn mà anh nói và viết được khá thông thạo khi quen biết và trao đổi với một số cựu chiến binh Pháp đã chọn ở lại Việt Nam sau chiến tranh.

Trong khoảng thời gian ba mươi năm, từ năm 1961 cho tới năm 1991, Nguyễn Chí Thiện bị nhà cầm quyền cộng sản bắt ba lần và bị giam giữ trong ngục tù một thời gian tổng cộng là hai mươi bảy năm chỉ vì tội đã nói lên sự thực và làm thơ đề trình bày tội ác của cộng sản. Anh chỉ thực sự bị đưa ra toà và kết án một lần về tội phản tuyên truyền cách mạng. Vào khoảng cuối năm 1960, một người bạn là giáo sư môn Sử-Địa bậc trung học của lớp bổ túc văn hóa ở gần nhà đã nhờ anh dạy giúp hai giờ khi ông ta bị ốm. Cuốn sách được dùng cho lớp học là “Cách Mạng Tháng Tám 1945” do nhà xuất bản Sự Thật ở Hà Nội phát hành. Vì thấy cuốn sách đã xuyên tạc sự thật khi viết rằng Đệ Nhị Thế Chiến được kết thúc là nhờ Quân đội Sô Viết đã chiến thắng Quân Đội Hoàng Gia Nhật Bản, nhà thơ với hào khí của tuổi trẻ, và vì tôn trọng sự thật đã giảng giải cho học viên trong lớp anh dạy biết rằng Nhật đã đầu hàng vô điều kiện với Đồng Minh sau khi Hoa Kỳ thả hai quả bom nguyên tử lên những thành phố Hiroshima và Nagasaki. Vào khoảng hai tháng sau đó anh bị bắt và đưa ra toà kết án hai năm tù về tội phản tuyên truyền. Trên thực tế, bản án này đã giam giữ anh ba năm và sáu tháng ở những trại khổ sai ở Phú Thọ và Yên Bái. Nguyễn Chí Thiện bắt đầu làm thơ từ dạo ấy. Lần đầu tiên bị giam giữ này anh làm được vào khoảng 100 bài về tình cảnh trại tù và sự giả dối và tàn ác của cộng sản. Đôi khi anh đọc và chia sẻ một cách kín đáo với các bạn tù. Khi được trả tự do vào năm 1964, anh tiếp tục làm thơ chống cộng và đọc cho nghe với một số bạn thân thường hội họp buổi tối ở các công viên sau những giờ làm việc lam lũ ban ngày để kiếm sống. Thơ của anh được truyền miệng giữa các bạn thân ở Hải Phòng và Hà Nội và đến tai bọn công an để anh bị bắt lại vào tháng Hai năm 1966. Lần này anh được coi như là thuộc thành phần nguy hiểm và không cần xét xử họ đưa anh thẳng tới những trại giam ở Phú Thọ, Yên Bái và Lào Cai, xa hẳn những thị thành. Sau mười một năm bị giam giữ, và bị chuyển qua nhiều trại giam, Nguyễn Chí Thiện được tha và trả về nguyên quán vào năm 1977 khi những trại giam ở miền trung du Bắc Việt được chỉnh trang lại để tiếp nhận những tù khổ sai mới thuộc thành phần quân, cán chính của Việt Nam Cộng Hoà sau ngày Quốc Hận 30 tháng Tư năm 1975. Trong khoảng thời gian bị giam giữ lần thứ hai này nhà thơ làm thêm được chừng 300 bài nữa. Anh có một trí nhớ khác thường, và nhờ cái năng khiếu tuyệt vời này mà không cần giấy bút, Nguyễn Chí Thiện đã có thể làm những bài thơ nhẩm trong đầu, không cần phải đọc ra mà vẫn nhớ lại được. Tuy đã được trả tự do, nhưng đời sống của anh vẫn luôn luôn bị đe dọa, và khi bị coi là “thành phần xấu” mọi hành động của anh đều bị công an theo dõi, nhất là sau trận chiến Trung-Việt, khi vào tháng Hai năm 1979, Trung cộng đưa quân sang xâm chiếm sáu tỉnh thuộc biên giới. Anh sợ có thể bị bắt lại lần thứ ba và nghĩ khó lòng có ngày được trở về, và tìm cách lưu truyền lại đời sau những bài thơ đã làm trong hai mươi năm qua, di sản tinh thần của mình. Để thực hiện ý định này, Nguyễn Chí Thiện đi từ Hải Phòng lên Hà Nội, nơi sinh quán của anh và tìm cách nhờ sứ quán Pháp hay là Anh quốc chuyển thơ của anh ra hải ngoại. Anh để ra ba ngày để nhớ lại và viết trên giấy tất cả 400 bài thơ đã làm. Định mệnh đã giúp cho anh hoàn thành được tâm nguyện khi vào ngày 16 tháng Bảy năm 1979 Nguyễn Chí Thiện chạy được vào tòa Đại Sứ Anh Quốc ở phố Lý Thường Kiệt và trao tay được cho ba nhân viên ngoại giao của sứ quán tập thơ của anh, kèm theo một bức thư và ba tấm hình với lời yêu cầu được phổ biến ở hải ngoại.

Những bài thơ thống thiết và cay đắng của Nguyễn Chí Thiện đã và sẽ còn làm rung cảm nhiều thế hệ trẻ Việt, dù các bạn đọc bằng tiếng nước nhà hay tiếng nước người. Những bài thơ đó cũng sẽ góp phần cốt cán để làm tan rã một chế độ phi nhân hiện nay đang thống trị trên quê hương ta. Sau chuyến mạo hiểm vào Tòa Đại Sứ Anh quốc ở Hà Nội Nguyễn Chí Thiện bị nhân viên công an canh gác ở ngoài bắt đưa vào nhà Hỏa Lò là trại giam trung ương ở Hà Nội và giữ anh ở đó sáu năm, một nửa thời gian ở kiên

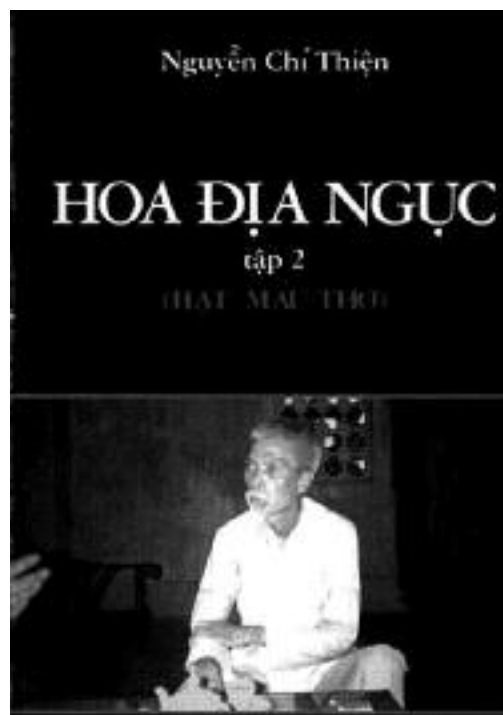
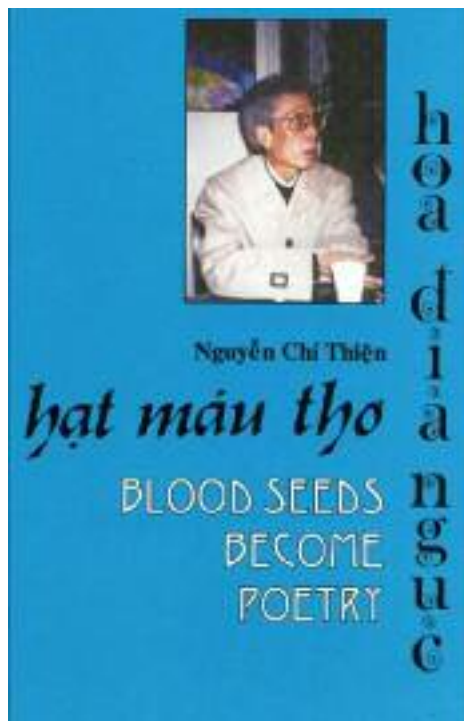


giam trong ngục tối. Sau thời gian ở Hỏa Lò, vào năm 1985 anh được chuyển trại về Ninh Bình và hai năm sau, vào năm 1987 anh được đưa về trại Thanh Liệt ở Hà Đông, gần Hà Nội, nơi đây giam giữ nhiều tù nhân chính trị. Sức khỏe của nhà thơ cũng yếu dần, và ảnh hưởng đến tinh thần và ý chí sáng tác. Vào khoảng thời gian này tiếng tăm của Nguyễn Chí Thiện đã lây lung ở hải ngoại. Nhờ sự can thiệp và theo dõi của những cơ quan và đoàn thể quốc tế bảo vệ nhân quyền như Amnesty International và Human Rights Watch mà một phần nào sinh mạng của nhà thơ trong ngục tù cộng sản được bảo vệ. Anh được trả tự do năm 1991 và như ta đã biết anh được chiếu khán đi Hoa Kỳ vào năm 1995.

Dù ở trong nước hay ra hải ngoại, con người Nguyễn Chí Thiện không bao giờ ngừng sáng tác. Trong khoảng thời gian từ năm 1977 cho đến năm 1988 anh viết và nghĩ thêm được trong đầu chừng 400 bài thơ. Khi được trả tự do vào năm 1991 anh cố nhớ lại và chỉ còn nhớ được 300 bài và được anh viết lại trên giấy khi tới Hoa Kỳ và toàn tập thơ Nguyễn Chí Thiện có 700 bài sẽ được in ra trong năm nay. Vào năm 1998 Nguyễn Chí Thiện được Văn Bút Quốc Tế bảo trợ để sang Âu châu nghiên cứu và thuyết trình ở nhiều nơi và trong khoảng thời gian ba năm (1998-2001) sống ở Pháp anh đã viết sáu truyện về đời sống trong tù ở Hỏa Lò. Tập truyện “Hỏa Lò” đã được Cảnh Nam ở Arlington, Virginia xuất bản năm 2001, và một ấn bản được giới thiệu kỳ này ở Úc châu. Tôi đã viết mấy lời giới thiệu tác giả cho ấn bản văn xuôi này và gọi anh là thi sĩ. Như vậy có gì là nghịch lý hay không? Tôi nghĩ là không, vì văn tức là người. Tôi đã viết mở đầu là Nguyễn Chí Thiện là một người đa dạng. Anh nói cũng dễ dàng như anh viết. Và khi Nguyễn Chí Thiện nói hay viết dù bằng văn xuôi hay văn vần, điều truyền đạt tới người nghe hay người đọc, cũng đều là những lời tâm tình trung thực đáng để chúng ta lắng nghe.

[1] Theo đề nghị của giáo sư Huỳnh Sanh Thông chúng tôi giữ nguyên bằng tiếng Anh tên gọi của Hội Đồng này ở Đại học Yale.

[2] Tài liệu về Nguyễn Chí Thiện được bà Jean Libby chuyển cho người viết.



Hạt Máu Thơ tức Hoa Địa Ngục 2 bao gồm khoảng 300 bài thơ mà Nguyễn Chí Thiện làm trong những ngày bị giam lần thứ 3, sau khi chuyển tập thơ Hoa Địa Ngục 1 vào tòa Đại Sứ Anh. Hạt Máu Thơ / Blood Seeds Become Poetry do GS Nguyễn Ngọc Bích giữ bản quyền và in, Hoa Địa Ngục tập 2 do Nguyễn Chí Thiện giữ bản quyền và in, cả hai cuốn được xuất bản vào năm 1996.

Tự điển bách khoa mở Wikipedia viết về nhà thơ Nguyễn Chí Thiện như sau:

“Ông sinh 27 tháng 2 năm 1939 tại Hà Nội, là một nhà thơ phản kháng người Việt Nam. Ông từng bị nhà chức trách của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam bắt giam tổng cộng 27 năm tù vì tội “phản tuyên truyền”.

Ông được phóng thích ngày 28 tháng 10 năm 1991 và đến tháng 1 năm 1995 thì được xuất cảnh sang Hoa Kỳ”.

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã xuất bản:

“Tập thơ **Hoa Địa ngục** của ông xuất hiện ở hải ngoại vào năm 1980 sau khi tác phẩm này được lên đưa vào toà đại sứ Anh tại Hà Nội và được giáo sư Patrick J. Honey thuộc Đại học Luân Đôn (University of London), nhân chuyến đi Việt Nam năm 1979, mang được ra ngoài nước để phổ biến. Kèm trong tập thơ 400 trang viết tay này là lá thư mở đầu với lời ngỏ: *‘Nhân danh hàng triệu nạn nhân vô tội của chế độ độc tài, đã ngã gục hay còn đang phải chịu đựng một cái chết dần mòn và đau đớn trong gông cùm cộng sản, tôi xin ông vui lòng cho phổ biến những bài thơ này trên mảnh đất tự do của quý quốc. Đó là kết quả 20 năm làm việc của tôi, phần lớn được sáng tác trong những năm tôi bị giam cầm’*. Vì tập thơ không ghi tên tác giả, nên lần in đầu tiên năm 1980 do “Ủy ban Tranh đấu cho Tù nhân Chính trị tại Việt Nam” phát hành tại Washington D.C. ghi tác giả là “Khuyết danh” hay “Ngục Sĩ” với tựa Tiếng Vọng Từ Đáy Vực. Năm 1981, ấn bản khác của báo Văn nghệ Tiền phong phát hành ở hải ngoại được ra mắt dưới tựa Bản Chúc thư Của Một Người Việt Nam.

Năm 1982 tại Paris, nhà xuất bản Quê Mẹ in một số bài thơ trong Hoa Địa ngục đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc trong tập "Chants de Prison, Ngục Ca, Prison Songs." Bản dịch Ý Lan Penelope Faulkner và Phương Anh. Nhan đề Hoa Địa ngục được dùng đầu tiên năm 1984 khi Yale Center for International & Area Studies in bản tiếng Anh **Flowers from Hell** do Huỳnh Sanh Thông dịch. Sau này người ta mới biết đến tên Nguyễn Chí Thiện.

Cũng nhờ vì tập thơ này năm 1985 Nguyễn Chí Thiện đoạt giải “Thơ Quốc tế Rotterdam” (Rotterdam International Poetry Prize).

Trong khi ông bị giam cầm vì tên tuổi ông được biết đến nhiều, những hội đoàn như Tổ chức Ân xá Quốc tế (Amnesty International), Tổ chức Theo dõi Nhân quyền (Human Rights Watch) cùng những chính khách như Léopold Senghor (cựu tổng thống Sénégal), John Major (cựu thủ tướng Anh) và vua Hussein của Jordan từng lên tiếng tranh đấu cho ông được thả.

Năm 2006 tập thơ gồm hơn 700 bài của ông được đúc kết lại với đúng tên tác giả đã ra mắt độc giả người Việt hải ngoại một lần nữa và được đón nhận nồng nhiệt.

Tập thơ Hoa Địa ngục còn được dịch ra tiếng Đức với tựa Echo aus dem abgrund, tiếng Pháp: Fleurs de l’Enfer, và tiếng Hà Lan: Bloemen Uit de Hel. Cái tên này tác giả đã chọn ghi ở mặt sau lá thư đính kèm với tập thơ khi đột nhập tòa đại sứ Anh ở Hà Nội”.

Ngoài làm thơ, Nguyễn Chí Thiện còn viết văn. Nguyễn Chí Thiện được phóng thích năm 1991 và sang định cư ở Mỹ năm 1995. Năm 2001, tập truyện **Hoả Lò** của ông được nhà xuất bản Cảnh Nam ở Arlington, Virginia đem in cùng Tổ hợp Xuất bản miền Đông Hoa Kỳ phát hành năm 2001, rồi tái bản năm 2007.

Cũng trong năm 2007, tập truyện cùng với thơ ông được dịch ra tiếng Anh, nhan đề **Hoa Lo/Hanoi Hilton Stories** do Yale University Southeast Asia Studies xuất bản. Bản dịch có sự đóng góp của Nguyễn Ngọc Bích, Trần Văn Điền, Vann Saroyan Phan và Nguyễn Kiếm Phong.

Năm 2008 **Hai Truyện Tù/Two Prison Life Stories**, một tác phẩm song ngữ Việt-Anh được xuất bản ở Mỹ với sự cộng tác của Jean Libby và Trần Trung Ngọc. Allies for Freedom publishers, Palo Alto, California.



Hình trên: Nguyễn Chí Thiện rất gầy gò ốm yếu trong nhà tù Ba Sao chụp năm 1991

Dưới đây là ba (3) bức hình gửi kèm với cuốn thơ Hoa Địa Ngục vào tòa Đại Sứ Anh:



Hình 1: Hình Nguyễn Chí Thiện chụp năm 1951 (12 tuổi)



Hình 2: Hình Nguyễn Chí Thiện chụp năm 1959 (20 tuổi)



**Nguyễn Chí Thiện,
Nhà Đấu Tranh Nhân Quyền bất khuất và
dũng cảm**

Nguyễn Thanh Trang

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, một trong những cố vấn tâm huyết và khả kính của Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam đã vĩnh viễn chia tay chúng ta từ ngày 2-10-2012, hưởng thọ 73 tuổi. Giờ đây thân xác của ông đã trở về với cát bụi, nhưng ông đã để lại cho đời những bài thơ bất tử mà ông đã sáng tác trong gần ba mươi năm bị giam cầm, tra tấn và đàn áp man rợ trong lao tù Cộng Sản. Ông cũng đã để lại cho thế giới và cho chúng ta một tấm gương về tinh thần bất khuất trước đối trá và bạo lực, phi nhân. Thật vậy, Nguyễn Chí Thiện là một nhân vật kiệt xuất, vì ông là một nhà thơ lấy lòng và là một chiến sĩ nhân quyền kiên cường, dũng cảm khó có ai bì kịp.

Nguyễn Chí Thiện đã được quần chúng xem như một trong những nhà thơ nổi tiếng trên văn đàn Việt Nam hiện nay và ông cũng đã từng được nhiều thân hữu trên văn đàn thế giới đề cử Giải thưởng Nobel Văn Chương. Với tư cách là một bạn đồng chí đã từng sát cánh hoạt động với Nguyễn Chí Thiện trong tổ chức Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam trong hơn 15 năm

Hình 3: Nguyễn Chí Thiện năm 39 tuổi sau khi ra tù: Vì bị hành hạ trong tù khiến một con mắt ông bị lác. (1978)

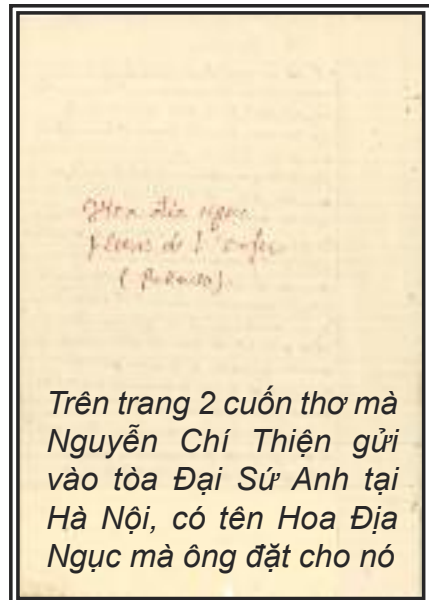
qua, hôm nay chúng tôi chỉ xin trình bày cùng quý vị sự đóng góp to lớn và quan trọng của nhà thơ này trên mặt trận Nhân Quyền. Còn về những đóng góp giá trị của Nguyễn Chí Thiện trong lãnh vực văn chương sẽ được quý vị khác am tường hơn trình bày cùng quý vị.

Vào cuối năm 1960, Nguyễn Chí Thiện trong giờ dạy lớp sử ký thay một thầy giáo bị ốm, thấy sách giáo khoa do CSVN biên soạn ghi rằng đệ nhị thế chiến đã kết thúc sau khi quân Nhật bị hồng quân Nga đánh bại và phải đầu hàng, Nguyễn Chí Thiện đã đính chính cho các em học sinh rõ sự thật không phải như vậy. Nhật đầu hàng đồng minh sau khi bị Hoa Kỳ ném hai quả bom nguyên tử có sức tàn phá khủng khiếp chưa từng thấy xuống hai thành phố của Nhật. Sau đó, Nguyễn Chí Thiện đã bị CSVN bỏ tù bốn năm vì tội đã nói lên sự thật trái với chủ trương đối trá của Đảng Cộng Sản!

Là một người trầm tĩnh, ít nói, nhưng ông lại là một người nhạy cảm, trực tính và can trường. Ông không thể làm ngơ và chịu khuất phục trước những đối trá, bất công và đàn áp nhân quyền của CSVN, vì thế, ngay từ hồi còn vị thành niên, Nguyễn Chí Thiện đã từng sáng tác nhiều bài thơ chỉ trích chế độ. Đến khi ông bị bỏ tù, sau những lần ném mui và chứng kiến sự đàn áp, đối xử dã man của nhà cầm quyền Hà Nội đối với cá nhân ông và đồng bào, ông càng hiểu rõ và thông cảm hơn sự uất hận và oan khiên của dân oan vô tội. Dù không có giấy bút để ghi chép, trong suốt 27 năm qua nhiều lần bị giam giữ trong ngục tù Cộng Sản, trong đó có những ngày tháng ông bị lột trần như nhộng và xiềng xích, biệt giam và bỏ đói, thi sĩ Nguyễn Chí Thiện đã

sáng tác trên 700 bài thơ trong đầu. Sau đó, ông sửa đổi, hoàn chỉnh lại cũng trong đầu rồi ghi khắc vào tâm khảm.

Đến năm 1977, sau khi được ra khỏi tù, Nguyễn Chí Thiện đã lập tức cố moi lại trong ký ức những bài thơ mà ông đã sáng tác để ghi lại trên giấy, vì ông lo sợ không biết ngày nào sẽ bị bắt và bỏ tù trở lại. Ông tìm mọi cách để gởi các bài thơ của ông ra khỏi Việt Nam cho cộng đồng người Việt hải ngoại và thế giới biết được hoàn cảnh nghiệt ngã, oan khiên của nhân dân Việt Nam dưới chế độ CSVN, một chế độ chủ trương dối trá, lừa bịp và chà đạp nhân quyền tàn bạo chưa từng thấy. Nhưng mọi phương tiện truyền thông đều bị nhà nước kiểm soát chặt chẽ, cuối cùng, ngày 16-7-1979, ông đã lên đến tòa Sứ Quán Anh để xin tị nạn chính trị và nhờ họ chuyển tập thơ gồm 400 bài thơ của ông ra hải ngoại. Họ chỉ nhận sẽ chuyển tập thơ ra hải ngoại, nhưng không thể chấp nhận cho ông tị nạn. Hôm đó, ngay khi vừa bước ra khỏi cổng Sứ Quán Anh, ông đã bị công an cộng sản bắt và đưa vào tù trở lại.



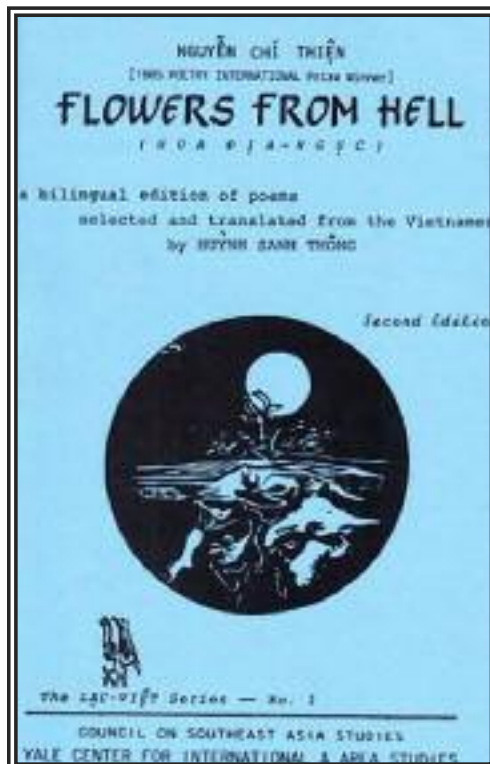
Trên trang 2 cuốn thơ mà Nguyễn Chí Thiện gửi vào tòa Đại Sứ Anh tại Hà Nội, có tên Hoa Địa Ngục mà ông đặt cho nó

Trong bức thư ngỏ Nguyễn Chí Thiện viết tay bằng tiếng Pháp và trao cho Sứ Quán Anh cùng với tập thơ của ông, có những đoạn viết như sau:

“Thưa Ông!

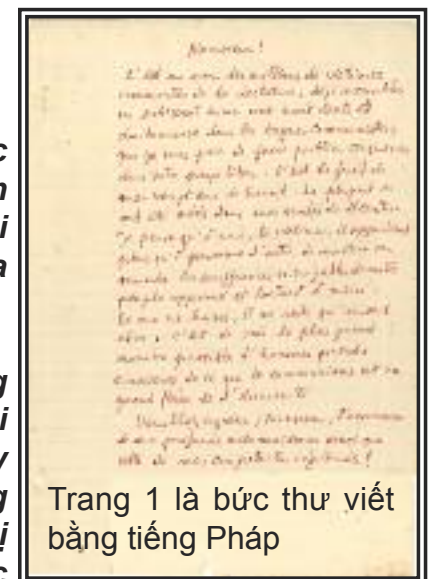
Nhân danh hàng triệu triệu nạn nhân vô tội của chế độ độc tài, đã ngã gục hay còn đang phải chịu đựng một cái chết dần mòn và đau đớn trong gông cùm cộng sản, tôi xin ông vui lòng cho phổ biến những bài thơ này trên mảnh đất tự do của quý quốc.

.... Tôi nghĩ rằng không ai khác mà chính chúng tôi, những nạn nhân có nhiệm vụ phải phơi bày cho thế giới thấy niềm đau đớn khôn cùng của cả một dân tộc đang bị áp chế và đầy đọa. Cuộc đời tan nát của tôi chỉ còn một ước mơ duy nhất là được thấy càng nhiều người ý thức được rằng Cộng Sản là một tai họa khủng khiếp của nhân loại.” (Bản dịch của Nguyễn Ngọc Bích in trong tác phẩm Hoa Địa Ngục-The Flowers of Hell, do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản năm 1996).



Sau khi tập thơ của Nguyễn Chí Thiện được mang về Anh vài tháng, vào đầu năm 1980 Hoa Địa Ngục đã được xuất hiện trên sách báo Việt Nam tại hải ngoại. Năm 1981, tổ chức Ân Xá Quốc Tế tuyên bố Nguyễn Chí Thiện là một tù nhân lương tâm và bắt đầu chiến dịch trên toàn thế giới viết thư đòi hỏi nhà cầm quyền Hà Nội trả tự do cho ông.

Năm 1984, tập thơ Hoa Địa Ngục được dịch giả Huỳnh Sanh Thông tại Đại Học Yale dịch sang Anh ngữ, với tên sách “Flowers



Trang 1 là bức thư viết bằng tiếng Pháp



Dịch giả Huỳnh Sanh Thông và nhà thơ Nguyễn Chí Thiện trong lần gặp gỡ duy nhất vào tháng Tư năm 2005, tại New Haven. Hình do Quảng Phú Vân chụp.

from Hell". Sau đó một năm, năm 1985 Nguyễn Chí Thiện được trao Giải thưởng Thi Ca Quốc Tế tại Rotterdam, Hòa Lan. Song song với nỗ lực của dịch giả Huỳnh Sanh Thông, giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, cũng đã dày công thu thập tất cả các bài thơ đặc sắc của Nguyễn Chí Thiện để dịch sang Anh ngữ. Đến khi Nguyễn Chí Thiện được sang Mỹ tị nạn ngày 1-11-1995, thì chỉ ba tháng sau, ngày 2-2-1996, tập thơ song ngữ dày hơn 550 trang với tựa đề Hoa Địa Ngục- The Flowers of Hell của Nguyễn Chí Thiện và dịch giả Nguyễn Ngọc Bích, đã được trình làng.

Nguyễn Chí Thiện không làm thơ với lời lẽ văn hoa, bóng bẩy mà chỉ dùng những ngôn ngữ bình dân mộc mạc và chân thành. Tất cả là tiếng nói từ trái tim

nhân bản của ông. Ông thẳng thắn chỉ trích và lên án chế độ Cộng Sản vì họ chủ trương dối trá, độc tài và phi nhân. Thơ của ông là những bức tranh rất thực, vẽ ra các cảnh đời đen tối, oan khiên của người dân thấp cổ bé miệng. Ai đọc thơ ông cũng có thể cảm thông và xúc động trước những bất công, tàn bạo của nhà cầm quyền Hà Nội. Chính vì thế, thơ của ông có sức thu hút độc giả rất mạnh, không những chỉ đối với đồng bào ông, mà ngay cả với độc giả ngoại quốc cũng thế. Cho nên chúng ta không lấy làm lạ, thơ của Nguyễn Chí Thiện đã được dịch sang rất nhiều ngoại ngữ như Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Hòa Lan, Tiệp Khắc, Trung Hoa, Đại Hàn, v.v. Tại vài quốc gia, như ở Đức người ta đã đưa thơ ông vào giảng dạy tại học đường.

Sau khi đến Mỹ được đúng một tuần, ông đã được mời đến Quốc Hội điều trần về tình trạng vi phạm nhân quyền tại Việt Nam, dưới sự chủ tọa của Dân biểu Chris Smith. Sau đó, ông đã được mời đi diễn thuyết tại nhiều thành phố ở Mỹ, Canada, Úc Châu và Âu Châu trước các diễn đàn của người Việt hải ngoại và của thế giới. Trong những lần đi diễn thuyết đó, có lần ông đã tranh luận với Jean- Louis Margolin, tác giả bài viết về tội ác của CSVN trong sách Le Livre Noir du Communisme. Theo ông, Margolin chưa kể hết các tội ác tày trời của CSVN, và ông đã đưa ra những sự kiện lịch sử để chứng minh cho lời nói của ông. Trong một lần ông đến Pháp diễn thuyết về nhân quyền, Tổng Thống Pháp Jacques Chirac đã là một trong những quan khách danh dự.

Trong tất cả các buổi thuyết trình, dù đề tài là Nhân Quyền hay thuần túy văn chương, bao giờ Nguyễn Chí Thiện cũng đề cập đến bối cảnh nhân quyền, để qua đó, ông gởi đến thính giả một thông điệp rất rõ ràng không những về thảm trạng vi phạm nhân quyền tại Việt Nam mà còn cả sự báo động của ông về hiểm họa của chủ nghĩa cộng sản đối với nhân loại khắp nơi!

Theo thiện ý của chúng tôi, những chuyến du hành để diễn thuyết tại nhiều nơi trên thế giới của Nguyễn Chí Thiện và sự hiện diện của các tập thơ Hoa Địa Ngục- Flowers from Hell và The Flowers of Hell của Nguyễn Chí Thiện phải được xem là các biến cố quan trọng hàng đầu về văn học và nhân quyền của cộng đồng người Việt và của thế giới trong 20 năm qua. Nhờ các hoạt động đó, dư luận người Việt khắp nơi và thế giới đã biết rõ hơn về sự vi phạm nhân quyền có hệ thống và trầm trọng của chế độ Cộng Sản Việt Nam.

Nói tóm lại, Nguyễn Chí Thiện là một người yêu nước và là một kẻ sĩ can trường đã trọn đời hy sinh tranh đấu không biết mệt mỏi vì lý tưởng Nhân Quyền và Dân Chủ cho dân tộc Việt Nam.

(Nguyễn Thanh Trang, ngày 6-1-2013)

Lời “TỰA” tập truyện Hỏa Lò của Nguyễn Chí Thiện

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Cuối năm 1996, thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện và tôi được Cộng- đồng Người Việt Tự do Úc-châu mời đi nói chuyện một vòng chung quanh nước Úc. Mới ra khỏi Việt-Nam được một năm, và lại có lợi-điểm là thơ ông đã được khắp năm châu đón nhận như một tiếng nói sâu sắc và đích-thực nhất về một Việt- Nam ngục tù, đến đâu ông cũng được tiếp đón nồng hậu và rất thành công dù là đem những chuyện tâm-tình ra nói với người Việt ở Sydney, Melbourne, Canberra, Brisbane, Adelaide (Nam-Úc) hay tận Perth (miền Viễn-tây của nước Úc) hay là đem chuyện Việt-Nam ra nói với người bản-xứ, từ các dân-biểu nghị-sĩ quốc-hội đến các nhà văn, nhà báo hoặc giới đại-học (sinh-viên cũng như giáo-sư). Về Mỹ, có người hỏi tôi tại sao mà ông có thể thành công như vậy được?

Câu trả lời, tôi thiết nghĩ, thật đơn giản: ông đem con tim ông ra nói chuyện với mọi người. Sẵn có một trí nhớ phi thường, ông lại có một bộ óc rất khoa-học, tuyệt-đối tôn trọng sự thật, không ngoa-ngôn, không đại-ngôn, sự việc như thế nào ông trình bày đúng như thế, không thêm, không bớt nên ông đã khắc phục được mọi ngờ vực và chiếm lĩnh được niềm tin trọn vẹn của người nghe. Tất cả những dối trá về ông - như bảo ông là Nguyễn Chí Thiện giả - đã sụp đổ nhanh chóng sau khi người ta tiếp cận và nói chuyện với ông.



Ông không chỉ nói về ông hay thơ của ông. Ông nói về đất nước, về những trại tù ông đã đi qua, về chế- độ dựng xây trên sự man trá. Ông nói chuyện về thơ văn không chỉ của Việt Nam mà còn của cả thế-giới, nhất là thơ Tàu, thơ Pháp, thơ Anh mà ông thuộc rất nhiều, hoặc truyện Tàu, tiểu-thuyết Pháp, tiểu-thuyết Nga. Về khách-sạn hay nhà trọ, hai chúng tôi nhiều khi còn nói chuyện đến khuya mà chưa dứt. Thì ra tôi mới rõ, dù như ông đã trải qua 27 năm tù hay nửa đời người tính đến ngày ông được ra khỏi Việt-Nam, vốn sống của ông vẫn vô cùng phong phú. Cái mà người khác coi là giới-hạn - bốn vách tường xà-lim - thì

ở nơi ông đã nở ra những bông hoa rất quý, “hoa địa-ngục,” để cảnh tỉnh con người và đem lại một thông-điệp hy-vọng cho tương-lai.



Thấy sức khỏe ông sau bao năm lao lung xem chừng đáng lo ngại, tôi đã hơn một lần thúc giục ông nên ghi lại những chuyện tù mà ông đã từng sống qua hay chứng-kiến, tối-thiểu thì cũng như chứng-nhân của một thời-đại. Hoặc những nhận xét đôi khi rất tinh tế của ông về văn-chương, văn-học Việt- Nam, nhất là dưới thời Cộng-sản. Ông suy nghĩ rồi quyết-định: “Tôi sẽ viết về Hỏa Lò!

Những truyện hàng ngày thôi nhưng sẽ động lòng người.”

Sau khi về Mỹ, thấy ông vẫn giữ một lịch-tình đi nói chuyện rất bận rộn, từ Đông sang Tây, từ Edmonton,

Canada, sang đến 6-7 nước Âu-châu mỗi bận ông nhận đi nói chuyện, tôi không khỏi ái ngại lo cho sức khỏe của ông. Rồi đôi lần gặp ông ở Virginia giữa những chuyến đi, ông lại than là mắt của ông hồi này rất kém, chỉ đọc 10-15 phút là đã nhức đầu không thể nào đọc tiếp được, nói gì đến viết. Nhiều bạn đã tìm cách giúp ông bằng cách đem máy điện-toán đến nhà và lắp tiếng Việt vào để cho ông dùng, người thì đề nghị ông nếu mắt kém hãy nói vào băng để đưa cho người khác chuyển-tả. Nhưng mọi đề nghị, ông đều từ chối. Có thể là do tính độc-lập sẵn có của ông, không quen nhờ vả. Cũng có thể là mỗi người ưa một cách viết, viết bằng tay vẫn sướng hơn vì nó như cho ta cảm-tưởng đi thẳng từ óc qua các dây thần-kinh tay, nhập vào ngòi bút rồi dần trải ra mặt giấy. Vả lại, viết xuống giấy hình như vẫn có cái gì thật hơn, nắm bắt được hơn là loại chữ viết “ảo” của máy.

Đến khi ông lại nhận được lời mời của Nghị-viện các Nhà văn (*Parlement des Ecrivains*) ở Âu-châu mời sang năm thứ hai đến ở một thành-phố tá-túc, nghĩa là St-Lô ở gần bờ biển Normandie ở Pháp, thì chúng tôi ít có liên-lạc thường-xuyên để mà theo dõi công việc làm của ông. Tháng 11 năm 1999, tôi có dịp qua St-Lô thăm ông, hỏi chuyện, ông vẫn chưa viết được gì nhiều. (Chỉ vui là ông



Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện gặp Tổng Thống Pháp Jacques Chirac, người đã giúp đỡ nhà thơ được xuất ngoại. Phía sau là Thị Trưởng thành phố St. Lô, nơi nhà thơ được giúp đỡ để nghỉ dưỡng sức trong 3 năm, từ 1998 đến 2001, để viết hồi ký.

sang đến trời Tây rồi mà vẫn không thoát được cái dấu Việt-Nam hay cái dấu ấn Địa-ngục: Thành-phố ông ở viết “ô” có dấu mũ tử tế và trạm xe buýt trước cửa bin-dinh ông ở lại mang tên “Enfer.”) Rồi ông đem cho xem một số bài thơ dịch sang tiếng Pháp từ hai cuốn *Hoa Địa Ngục* của ông mà Nghị-viện các Nhà văn có nhã-ý muốn in ra cho ông.

Quay về Mỹ, tôi đinh-ninh là bận như thế, giỏi lắm năm nay ông chỉ hoàn-tất được tập thơ dịch sang tiếng Pháp của ông là cùng. Vì ngoài chuyện làm việc với hai dịch-giả, một nhà thơ Pháp và một bác-sĩ Việt-Nam yêu thơ ông, ông còn đi dự nhiều “colloques” hay “conférences” về thơ văn thế-giới, hoặc đi sang tận Béc-lin để bàn về cuốn sách *Le livre noir du Communisme* (“Tập Sách Đen về Cộng Sản”), cãi nhau với cả những người như sử-gia Pierre Margolin, người viết phần về Việt Nam trong sách kia. Nhưng đến tháng 2 năm nay, sau khi nhận được hai tin vui về ông (cuốn song-ngữ *Fleurs de l’Enfer* đã in ra và sách *Who’s Who in Twentieth century World Poetry* in ở Anh có mục nói về ông, dành cho ông một bài viết trang trọng hơn cả cho Pablo Neruda, nhà thơ Chi-lê và Giải Nobel Văn-học 1971) thì bỗng nhiên bưu điện cũng mang đến cho chúng tôi đĩa thu toàn-bộ tập truyện mà bạn đọc đang cầm trong tay.

Thật là một sức làm việc phi thường, hiếm có. Và sau khi đọc, chúng tôi đã quyết-định cố gắng tới-đa để kịp làm quà đón ông về Mỹ vào tháng Sáu tới đây. Nói thế có nghĩa là dù như tập truyện đã đánh máy rồi, chúng tôi vẫn phải tranh thủ thời-gian mới kịp lịch-trình mong muốn. Thêm vào đó, ông cũng ngỡ ý muốn tôi có mấy lời để giới thiệu đứa con tinh- thần mới nhất của ông.

*

Giới-thiệu Nguyễn Chí Thiện? Liệu có bằng thừa không?

Đúng, nếu nói về thơ ông. Nhưng một Nguyễn Chí Thiện viết truyện, viết hư cấu thì sao? Tôi chắc chắn những vị nào theo dõi sát sinh-hoạt văn hóa ở hải-ngoại trong những năm gần đây hẳn đã bắt gặp một số

bài luận-chiến của ông về chính-trị, nhất là trong những báo của các anh em Đông Âu, hay là bài “*Phùng Cung*” mà ông viết về bạn ông, in lần đầu trên báo Khởi Hành của Viên Linh, vừa đề gợi một số kỷ-niệm về một con người tài-hoa và có tư cách mới nằm xuống vừa để làm Tựa cho tập truyện mà Phùng Cung đã giao cho Nguyễn Hữu Hiệu để đem ra ngoài này. Nhưng một Nguyễn Chí Thiện đi vào ngành Tiểu-thuyết thì sao?

Tập truyện gồm sáu truyện ngắn và một truyện có lẽ phải gọi là truyện vừa (novelette) mới đúng, truyện “*Sương Buồn Ôm Kín Non Sông*.” Một chủ-đề xuyên suốt hơn 300 trang, chuyện Hỏa Lò, nhà tù có lẽ nổi tiếng nhất miền Bắc.

Có người sẽ hỏi: Lại chuyện tù? Có lạc hậu không, có là một đề-tài cũ quá rồi không? Biết bao nhiêu người viết về tù tội, “học tập cải tạo” rồi, ra thêm một cuốn nữa có nhàm chán không?

Tôi xin thưa ngay:

Dù như các tác-giả xuất thân từ miền Nam trong chiến- tranh đã có hàng chục tác-phẩm lớn về chế-độ tù tội hay “học tập cải tạo” của người Cộng-sản, bắt đầu từ *Trại Đầm Đùn* của Trần Văn Thái trong thời chiến đến những *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh, *Đáy Địa Ngục* của Tạ Tỵ, hay *Ánh Sáng và Bóng Tối* của Hoàng Liên sau này, sau năm 75, những tiếng nói ra đi từ miền Bắc về đề tài này nói chung hãy còn hiếm và khá muộn màng. Chẳng thế mà một tập truyện như *Thằng Người Có Đuôi* của Thế Giang khi được báo *Người Việt* tung ra cách đây hơn 10 năm cũng đã được đón nhận như một mặc- khải nhưng rồi phải đợi gần một thập niên, ta mới lại có *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên (ra năm 1998) rồi năm ngoái, *Chuyện Kể Năm 2000* của Bùi Ngọc Tấn. Sự đón nhận vô cùng nồng-nhiệt đối với những tác-phẩm này cho thấy là Nguyễn Chí Thiện quả đã không sai khi ông viết trong lời tựa cho tập *Hạt Máu Thơ* (tức Hoa Địa Ngục II) là không có đề-tài nhàm chán, chỉ có những tài-năng không đạt tiêu-chuẩn khi viết thất bại về một đề-tài nào.

Bắt tay vào việc mà biết trước là khó, là sẽ có những người so sánh ông với những tác-phẩm đi trước mà viết về cùng một loại đề-tài, Nguyễn Chí Thiện không phải là không biết sẽ đứng trước một thử thách gay go. Nhưng ông vẫn nhận thách thức đó và từ một ngòi bút thơ, ông đã chuyển sang văn xuôi, sang một phong-cách thật sống động, thành công đặc-biệt trong những vai phụ nữ. Đây là một nét rất mới trong hầu hết các tác phẩm viết về trại tù hay nhà tù, kể cả các trại “học tập cải tạo,” ngoại-lệ có chăng là hồi-ký của Nhã Ca.

Nhưng Nguyễn Chí Thiện viết rất “con người,” các vai nữ trong truyện của ông nhiều khi hơn hẳn các vai nam về mưu trí hay tình người, kể cả tình yêu trong ngục tù và khi đứng trước cái chết. Nếu các hồi-ký về ngục-tù hay “học tập cải tạo” phần lớn là viết về mình hay một hai cá-nhân nào đó mà mình biết nhiều thì truyện tù, truyện *Hỏa Lò* của Nguyễn Chí Thiện lại tái-tạo được cả một thế-giới với những vui buồn, sân hận, với cả một ngôn ngữ rất đặc-thù của tù miền Bắc, rồi với cả những mẫu người còn giữ được nhân-phẩm trong tù để đôi khi cải tạo được người khác, thậm chí cả những tên quân giáo hắc ám (*như Ngưu-Ma-Vương*) để chúng trông ra cái huyền-nhiệm của cuộc đời. Truyện của Nguyễn Chí Thiện, cuối cùng, là một khẳng-định về lòng nhân của con người để cho phép chúng ta, người đọc, vẫn còn tìm được một tia hy-vọng.

Springfield, Virginia

Ngày 23 tháng Tư 2001

Nguyễn Ngọc Bích

TỰA tập truyện Hỏa Lò

(Tổ hợp xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ, 2001)

Nguyễn Chí Thiện (nguồn: Internet)

- Sinh năm 1939 tại Hà Nội
- 1960: tù lần thứ nhất. Khi dậy thay người bạn bị ốm, ông nói với học sinh việc sách giáo khoa ghi Nhật đầu hàng trong đệ II thế chiến vì Liên Xô đánh bại quân Nhật ở Mãn Châu là sai. Ông nói Nhật đầu hàng đồng minh vì Hoa Kỳ thả 2 quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki. Học sinh báo cáo, ông bị đưa đi cải tạo 3 năm 6 tháng về tội tuyên truyền phản động
- 1966: đi tù lần thứ hai khi nhà nước buộc tội ông phổ biến, lưu hành thơ phản động ở Hà Nội và Hải Phòng. Lần này là 11 năm 5 tháng trong các trại tập trung cải tạo, không bao giờ được đem ra xét xử chính thức
- Năm 1977, ông được thả ra để có chỗ cho các tù nhân từ miền Nam vào. Ông chép lại theo trí nhớ các bài thơ đã làm trong tù
- Ngày 16 tháng 7 năm 1979, ông mang tập thơ viết tay, chừng 400 bài, chạy vào Toà Đại Sứ Anh ở Hà Nội. Người Anh từ chối cho ông được tị nạn nhưng hứa sẽ đem tập thơ ra ngoại quốc. Khi trở ra, ông bị bắt và được đưa ngay vào Hỏa Lò Hà Nội. Tập thơ đưa ông vào tù, nhưng chính nó, 12 năm sau, đã chấp cánh cho ông đến được với thế giới Tự Do
- Tập thơ được mang ra khỏi Việt Nam, đến tay Giáo sư Patrick Honey, University of London. Nhờ tập thơ vượt thoát ra ngoài mà tên tuổi của ông được thế giới biết đến. Ông được gọi là Solzhenitsyn của Việt Nam. Các hội đoàn Amnesty International (Tổ chức Ân xá Quốc tế), Human Rights Watch (Tổ chức Theo dõi Nhân quyền)... các chính khách như Cựu Tổng thống Sénégal Léopold Senghor, Cựu Thủ tướng Anh John Major, Quốc vương Jordan King Hussein... lên tiếng yêu cầu Việt Nam phóng thích ông
- Năm 1985, ông được chuyển từ Hỏa Lò đến trại B14 ở Thanh Liệt, cùng bị giam với các tù nhân chính trị khác như Dương Thu Hương, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Võ Đại Tôn, Hà Sĩ Phu...
- Năm 1988, ông được chuyển đến trại tù Z10 ở Ninh Bình, giam cùng nơi với các thân nhân của tướng Chu Văn Tấn
- Năm 1990 ông được chuyển đến trại tù Ba Sao, Nam Hà
- Được phóng thích tháng 10 năm 1991, sau khi các chế độ cộng sản ở Đông Âu sụp đổ và ngay trước khi có cuộc thanh tra của Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế
- Trong 12 năm tù lần 3 (cũng không xét xử, với 8 năm biệt giam), ông làm thêm khoảng 400 bài thơ
- Tổng cộng 3 lần là 27 năm tù
- Sang Mỹ định cư năm 1995 nhờ sự can thiệp của đại tá không quân Mỹ hồi hưu Noburo Masuoka, định cư ở California

Tác phẩm

- Hoa Địa Ngục (tên khác: Chúc Thư của Một Người Việt Nam, Tiếng Vọng Từ Đáy Vực) gồm khoảng 400 bài thơ, xuất hiện lần đầu tiên ở hải ngoại vào năm 1980. Đã được dịch các thứ tiếng Anh (Flowers from Hell), Pháp (Fleurs de l'Enfer), Đức (Echo aus dem abgrund), Hà Lan (Bloemen Uit de Hel), Tây Ban Nha, Triều Tiên, Trung Hoa, Tiệp... Một số bài đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc trong tác phẩm Ngục Ca (và được dịch sang tiếng Anh - Prison Songs - và Pháp - Chants de Prison)
- Hoa Địa Ngục 2 (hay Hạt Máu Thơ) xuất bản năm 1996, sau khi ông sang Mỹ, gồm những bài ông sáng tác trong 12 năm giam cầm lần thứ 3
- Hỏa Lò (2001, Cảnh Nam xuất bản). Bản tiếng Anh là Hoa Lo - Hanoi Hilton Stories (Yale University Southeast Asia Studies ấn hành)
- Cuộc Sống, Thi Văn Và Tù Đày - Life, Poetry, and Prison (2007 - tác phẩm song ngữ Việt-Anh)
- Hai Truyện Tù - Two Prison Life Stories (2008 - tác phẩm song ngữ Việt-Anh)

Giải thưởng

- Giải Thơ Quốc Tế Rotterdam (Rotterdam International Poetry Prize) được trao năm 1985 khi ông còn ở trong tù, và người ta không biết ông còn sống hay đã chết
- Giải thưởng Tự Do Văn Chương (Freedom to Write) năm 1988
- Giải Thưởng Hội Nhà Văn Quốc Tế (International Parliament of Writers Award) năm 1998
- Có tên trong Who's Who in Twentieth Century World Poetry (Ai là ai trong Thi ca Thế giới Thế kỷ XX)



Nguyễn Chí Thiện hồi còn đi học và gia đình. Ông đứng phía sau, giữa bà chị Nguyễn Thị Hảo và người anh rể

ghi ngày sinh

- 1, Hoàn, sinh năm Lũng Hới tháng: ngày 11 hồi 1 giờ 30 (giờ mìn)
- 2, Hảo, sinh năm Ất Sửu tháng: ngày 8 hồi 2 giờ 30 (giờ thên)
- 3, Giản, sinh năm Bính Thìn tháng 11 ngày 29 q 3 Hới.
- 4, Thiện, sinh năm Kỷ Mão tháng giêng ngày 9 hồi 7 giờ 10 (giờ thên)
- 5, Phó Chi, sinh năm Canh Tý tháng 6 ngày 18 hồi 23 giờ 20.
- 6, Linh Bội, sinh năm Bính Thìn tháng 11 ngày 13 hồi 8 giờ 50.

Đây là bút tích của Bố, chị con ghi lại -

Nguyễn Thị Hảo

Thủ bút của người cha, ghi lại ngày sinh các con, trong đó có Nguyễn Chí Thiện (dòng thứ 4)



Nguyễn Chí Thiện chụp hình với các bạn tù, sau khi ra tù được 2 tháng



Nguyễn Chí Thiện và các bạn tù, hình chụp ở Hà Nội; bên phải bức hình là Kiều Duy Vĩnh



Hình Nguyễn Chí Thiện chụp với cháu gái, con ông Nguyễn Công Giân, trước khi đi Mỹ (1995)



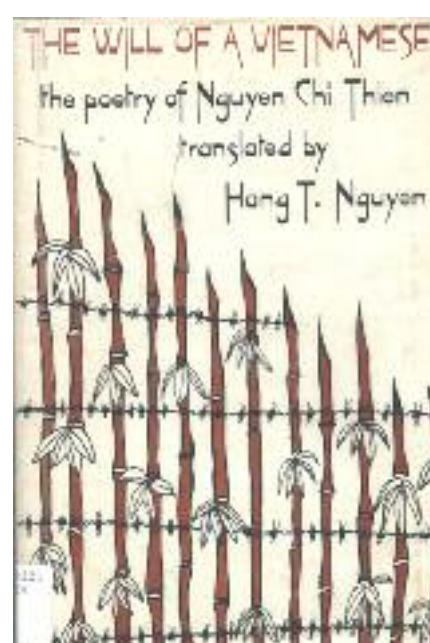
Hình Nguyễn Chí Thiện chụp với Dinah PoKempner, cố vấn của tổ chức Human Rights Watch



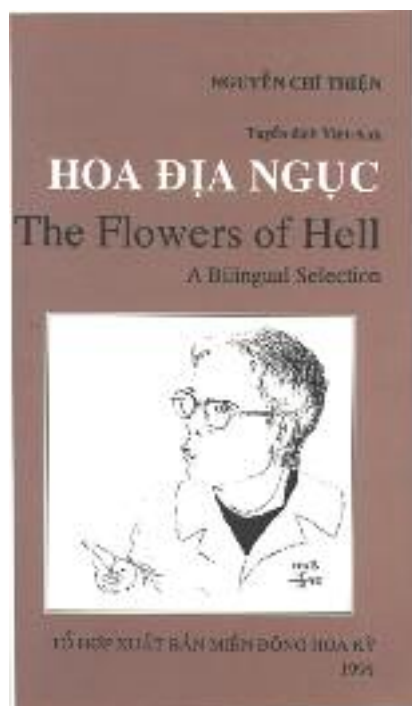
Tập thơ khi mới ra hải ngoại không có trang bìa nên cả tên tập thơ cũng như tác giả đều không rõ. Thời Tập khi in ra (thg 9/1980), do đó, đã lấy một câu thơ trong phần ‘Những Ghi Chép Vụn Vặt’ để làm tựa.



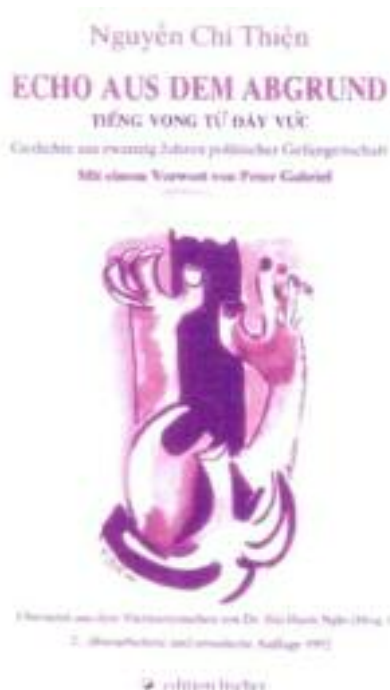
Ba ấn bản tập Ngục Ca / Prison Songs đầy đủ, gồm 20 bài, từ tháng 9/1982 (VICANA xb ở Mỹ) đến tháng 11/1996 (Hoa Niên xb ở Úc), chưa kể một bản tam ngữ do Quê Mẹ in ra ở Pháp (cuối năm 1982).



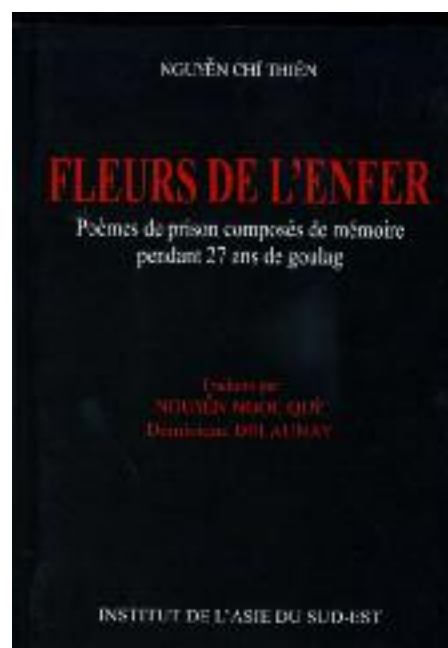
Cuốn sách dịch đầu tiên thơ Nguyễn Chí Thiện sang tiếng Anh, do Nguyễn Thị Hằng (129 bài, Carleton Press, NY, khoảng năm 1984).



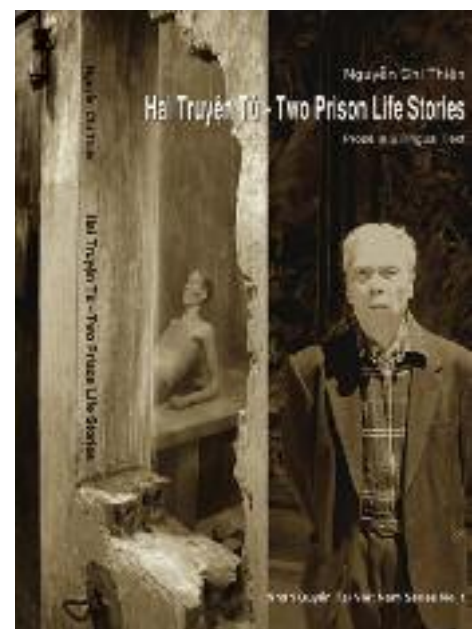
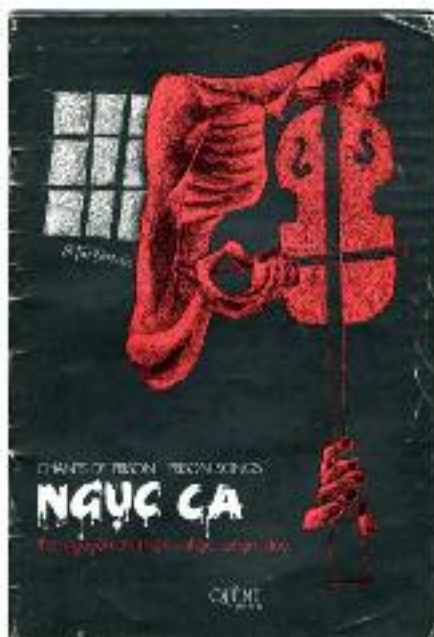
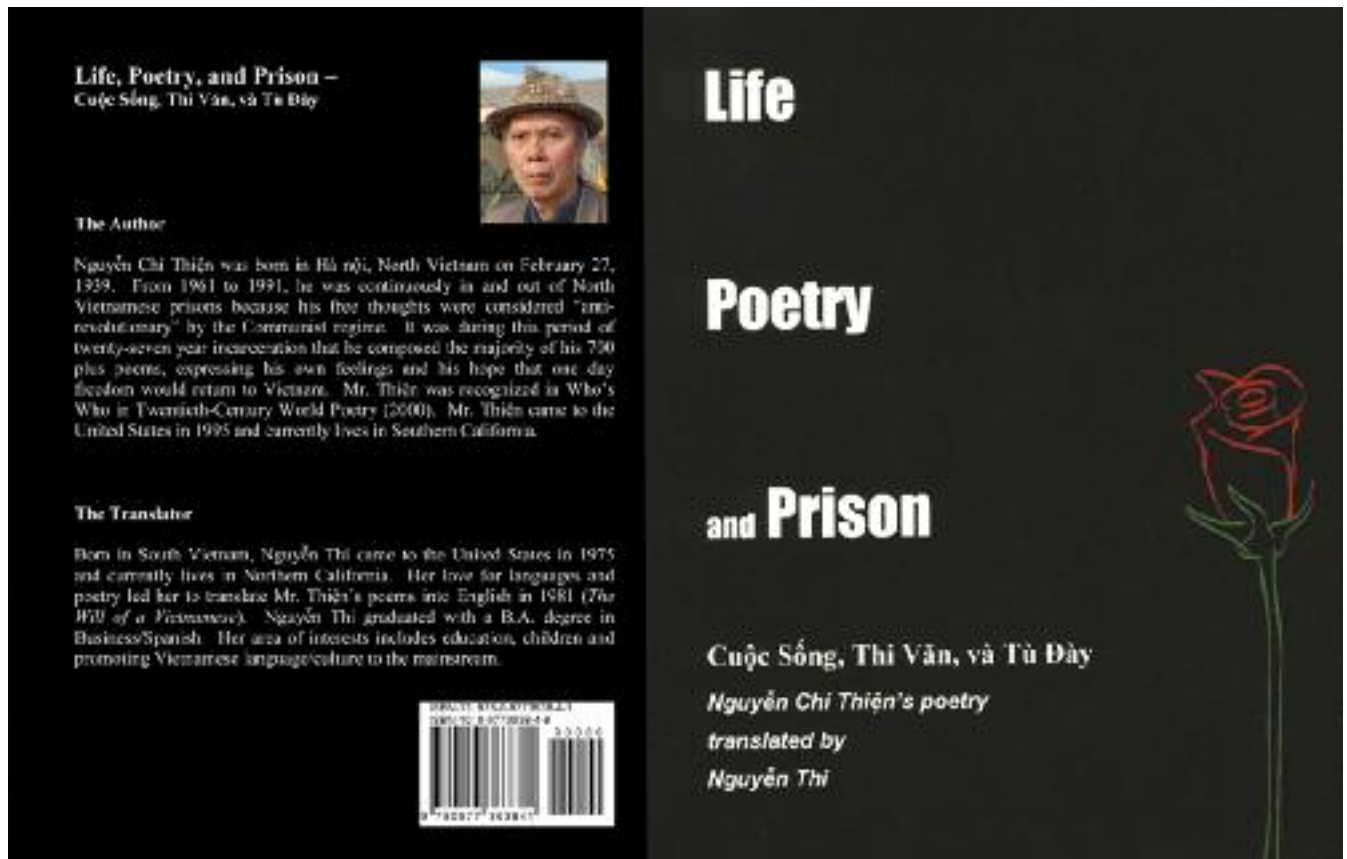
Bản dịch đầy đủ nhất sang tiếng Anh của Nguyễn Ngọc Bích, dịch khoảng 5/6 cuốn Hoa Địa Ngục (1996)



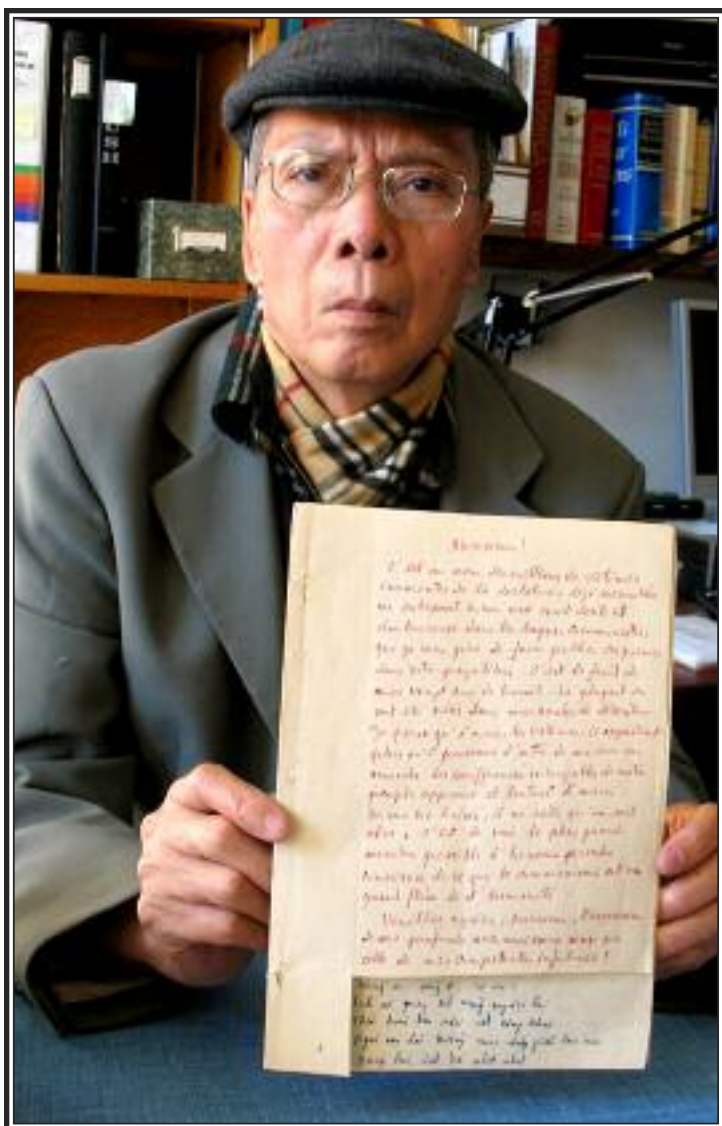
Bản dịch sang tiếng Đức của Tiến sĩ Bùi Hạnh Nghi còn mang tên Tiếng Vọng Từ Đáy Vực (Ấn bản lần 2 có bổ sung và tăng cường, nhà xuất bản Fischer, 1992)



Bản dịch sang tiếng Pháp do Nguyễn Ngọc Quỳnh và Dominique Delaunay (Institut de l'Asie du Sud-est, 2000)



Hình phía trên, bên phải, là hình bìa cuốn sách *Hai Truyện Tù*, trên đó có hình chụp một cảnh tượng ở trong Viện Bảo Tàng Hòa Lò tại Hà Nội do nhiếp ảnh gia Chris McCooey chụp vào năm 2004. Chính quyền cộng sản Việt Nam lên án người Pháp là họ đã làm ra những phòng giam như vậy, nhưng Nguyễn Chí Thiện nhận ra cửa phòng giam số 2 trong hình chính là căn phòng mà nhà thơ đã bị giam nhốt từ năm 1979 đến năm 1985. Phần nhiều thời gian trong đó nhà thơ bị cùm xích chân như hình người đang nằm trong phòng giam. ISBN 0-9773638-6-4



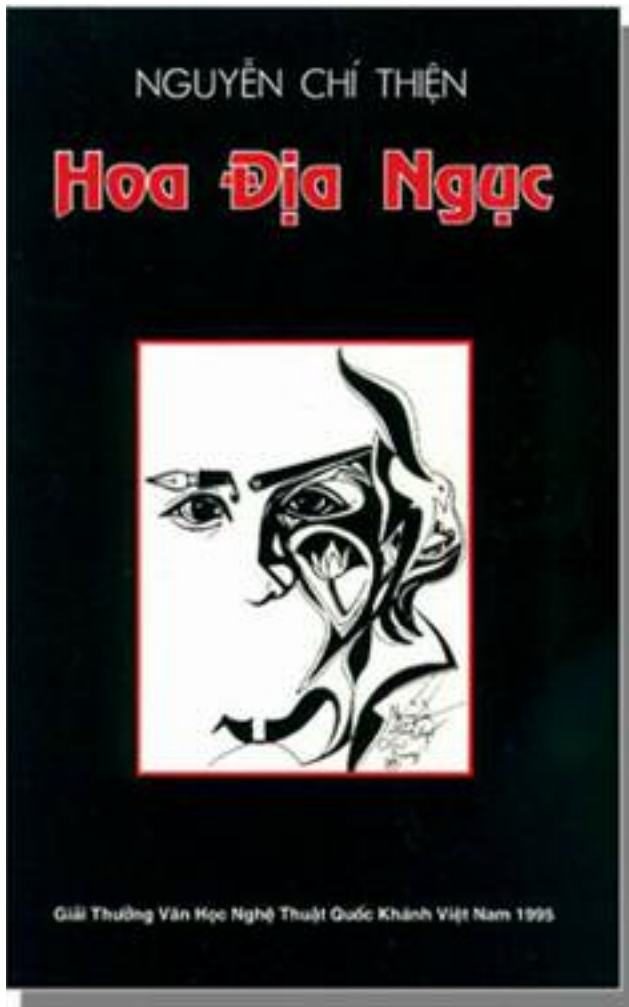
Để bảo vệ danh tính nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, để ông khỏi bị Cộng Sản Việt Nam trù dập thêm, tòa Đại Sứ Anh (hoặc những người giữ cuốn thơ) đã cắt đi phần đề tên tác giả, trước khi làm những bản copy để đưa người Việt tung ra trên thế giới, nên cũng vì thế mà không ai biết tác giả thật của cuốn thơ Hoa Địa Ngục là ai, thậm chí cũng không biết tên nó là Hoa Địa Ngục (có ghi trên trang 2 cuốn thơ nhưng không được copy lại), vì thế họ đặt tên cho nó là "Tiếng Vọng Từ Đáy Vực" và tác giả là Thi Sĩ Vô Danh! Tuy nhiên, cộng sản Việt Nam vẫn biết nó là của ông, nên họ lập tức vào trong tù để hỏi cung ông (vì ông đã bị bắt sau khi ra khỏi tòa Đại Sứ Anh), và bắt ông chép lại các bài thơ mình đã viết, vì họ muốn điều tra xem có thực ông là tác giả, hay còn những tác giả khác nữa, để họ còn bắt thêm! (lời ông Nguyễn Chí Thiện qua cuộc phỏng vấn ngày 8 tháng 10, năm 2008)

Với Ý Lan Penelope Faulkner và Võ Văn Ái, Nhà Xuất Bản Quê Mẹ tại Paris, người đã in cuốn Ngục Ca, do Phạm Duy phổ nhạc từ những bài thơ của Nguyễn Chí Thiện, hình chụp ngày 18 tháng 12 năm 2005 tại San Gabriel, California



Nguồn: Internet: “Dòng Suối Mơ”

Sinh năm 1939 tại Hà Nội, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện được mọi người biết đến qua biệt danh "ngục sĩ" từ năm 1980, khi tập thơ của ông xuất hiện ở hải ngoại, mang tựa đề “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực”, do Ủy Ban Tranh Đấu cho Tù Nhân Chính Trị tại Việt Nam xuất bản. Tập thơ của ông cũng đã được dịch giả Huỳnh Sanh Thông dịch ra Anh ngữ với tên "Flowers From Hell" tức Hoa Địa Ngục, được Yale Center for International & Area Studies ấn hành. Tác phẩm này sau đó cũng được dịch ra nhiều thứ tiếng khác như Pháp, Đức, Hòa Lan...



Tập thơ Hoa Địa Ngục (Tiếng vọng từ đáy vực)

Tập thơ thoát ra khỏi Việt Nam khi ông mang tay đột nhập vào được Tòa Đại Sứ Anh tại Hà Nội vào tháng 7 năm 1979, và được Giáo Sư Patrick J. Honey thuộc đại học London mang ra khỏi Việt Nam. Sau đó, ông bị công an bắt lại ngay sau khi rời khỏi cổng Tòa Đại Sứ Anh, và bị giam giữ thêm gần 12 năm.

Từ năm 1981, nhiều tổ chức nhân quyền trên thế giới đã phát động chiến dịch kêu gọi quốc tế can thiệp với Hà Nội để ông được tự do. Nhờ sự vận động lên tiếng của thế giới tự do, ông được thả khỏi tù ngày 28-10-1991. Đến năm 1995, nhờ sự can thiệp đặc biệt của quốc tế, ông đã được chế độ Hà Nội cho đi Mỹ định cư. Trong thời gian sống ở phần đất tự do, ông đã tiếp tục sinh hoạt đấu tranh cho tự do dân chủ cho đất nước Việt Nam. Năm 2001, ông đã cho xuất bản tập truyện Hỏa Lò, kể lại những kinh nghiệm về chế độ Cộng Sản cũng như kinh nghiệm tù đầy khắc nghiệt mà ông đã chịu đựng trong gần cả đời ông.

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã được vinh danh với nhiều giải thưởng quốc tế cũng như của tổ chức trong cộng đồng người Việt. Năm 1985 ông được tặng thưởng khiếm diện giải thưởng thơ quốc tế tại Rotterdam. Năm 1995 ông được trao giải Văn Học Nghệ Thuật Quốc Khánh VN. Sau khi ra hải ngoại, ông được Hội Nhà Văn Quốc Tế trao giải thưởng năm 1998

Người tù 27 năm

Diễn Đàn Giáo Dân:

Ông Nguyễn Chí Thiện sinh năm 1939 tại Hà Nội. Ông có một người anh là sĩ quan cao cấp VNCH đang ở sống ở tiểu bang Virginia, hai người chị ở Việt Nam. Ông bị tù cộng sản tổng cộng 27 năm qua nhiều nhà tù miền Bắc, đặc biệt là nhà tù nổi tiếng Cống Trời. Lặn ra khỏi tù sau cùng của ông là ngày 28 Tháng Mười 1991.

Khi ông chạy vào Tòa Đại Sứ Anh Quốc ở Hà Nội đưa tập thơ và xin tị nạn chính trị, viên chức tòa đại sứ chỉ nhận tập thơ để chuyển ra ngoại quốc và cho biết họ không giúp ông tị nạn chính trị được. Bước ra khỏi trụ sở Tòa Đại Sứ Anh thì ông bị công an CSVN bắt giữ liền. Nhờ sự can thiệp đặc biệt của nhiều nhân vật quốc tế, ông đã được chế độ Hà Nội thả cho đi Mỹ định cư Tháng Giêng 1995. Ông đã đem kinh nghiệm về chế độ Cộng Sản, kinh nghiệm tù đầy trình bày với các cộng đồng người Việt khắp nơi từ Hoa Kỳ, Canada, Âu Châu và Úc Châu.

Tập thơ Hoa Địa Ngục đã được dịch ra Anh, Pháp, Đức và Hòa Lan.

Sau khi đến Mỹ, năm 2001 ông cho xuất bản tập truyện Hỏa Lò. Tập truyện Hai Chuyện Tù được ông xuất bản năm 2008.

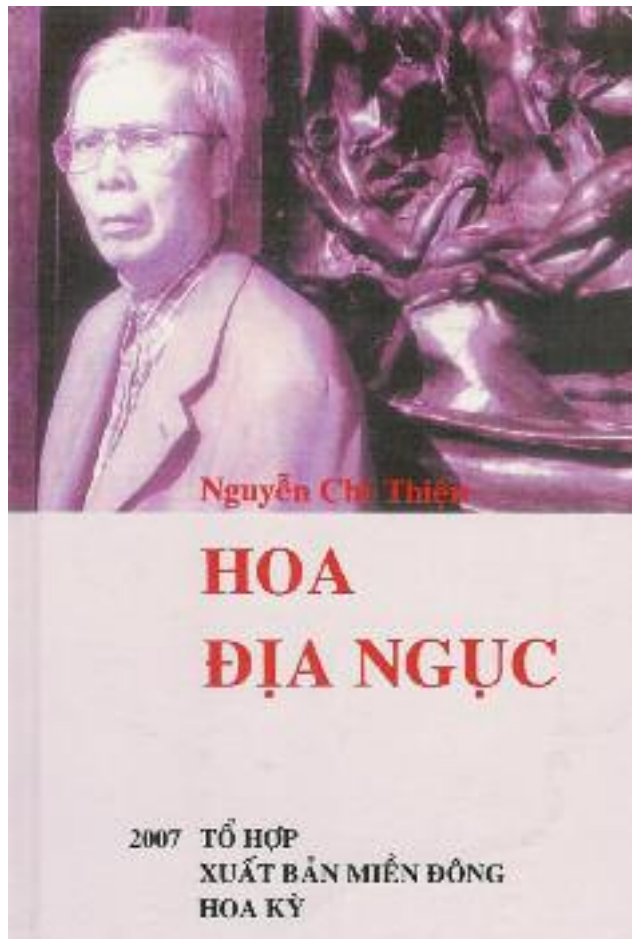
Ông Nguyễn Chí Thiện từng gặp cha Chính Vinh, cha Nguyễn Văn Lý trong nhà tù CSVN. Nhân cách và cái chết của cha Chính Vinh tại nhà tù Cống Trời (tỉnh Hà Giang) được nhiều người viết hồi ký kể lại trong đó có ông Kiều Duy Vĩnh. Ông Vĩnh là một trong rất ít người thoát chết trở về sau nhiều năm bị giam ở trại Cống Trời, mới qua đời hồi Tháng Bảy vừa qua và cũng đã chịu các phép bí tích để trở thành tín đồ Thiên Chúa Giáo. Những kỷ niệm cũng như nhân cách của cha Chính Vinh, Linh Mục Lý đã gây ấn tượng sâu sắc thúc đẩy nhà thơ Nguyễn Chí Thiện chọn đức tin Công Giáo và lấy tên thánh là Thomas More.

Tác giả Hoa Địa Ngục

Vào năm 1980, người ta thấy xuất hiện ở hải ngoại một tập thơ không có tên tác giả, xuất bản bởi “Ủy Ban Tranh Đấu cho Tù Nhân Chính Trị tại Việt Nam”. Tập thơ mang tựa đề *“Tiếng Vọng Từ Đáy Vực”* mà tác giả là *“Ngục sĩ”* hay khuyết danh. Ít tuần lễ sau, tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong đưa ra một ấn bản cùng một nội dung nhưng với tựa đề *“Bản Chúc Thư Của Một Người Việt Nam”*.

Tựa đề tập thơ Hoa Địa Ngục có từ khi Yale Center for International & Area Studies ấn hành bản Anh ngữ *Flowers From Hell* do ông Huỳnh Sanh Thông dịch. Sau người ta mới biết tác giả tập thơ là Nguyễn Chí Thiện. Những bài thơ của ông trong tập Hoa Địa Ngục gây xúc động sâu xa trong tâm thức người đọc về cái đói, sự đầy dẫy ác độc, sự gian ác của chế độ Cộng Sản đối với con người.

Tập thơ thoát ra khỏi Việt Nam khi nhà thơ lén lút mang tới Tòa Đại Sứ Anh tại Hà Nội và được Giáo Sư Patrick J. Honey thuộc đại học London sang Việt Nam Tháng Bảy năm 1979 và mang về. Kèm trong tập thơ 400 trang viết tay này là lá thư mở đầu với lời ngỏ: *“Nhân danh hàng triệu nạn nhân vô tội của chế độ độc tài, đã ngã gục hay còn đang phải chịu đựng một cái chết dần mòn và đau đớn trong gông cùm cộng sản, tôi xin ông vui lòng cho phổ biến những bài thơ này trên mảnh đất tự do của quý quốc. Đó là kết quả 20 năm làm việc của tôi, phần lớn được sáng tác trong những năm tôi bị giam cầm.”*



Thơ / Poetry

Đối với ai còn tin ở nhiệm-mẫu của cuộc sống thì cuốn sách này phải xem là một phép mẫu trong hơn một nghĩa. Ngồi trong đày địa-ngục Gulag Việt Nam mà vẫn tin là có ngày ông sẽ thắng được CS là một nhiệm-mẫu đầu tiên. Đưa được thơ ông cho Tù Đai-sơ Anh để chuyển ra hải-ngoại, dù như sau đó ông phải trả giá bằng 12 năm tù, cũng đã là một nhiệm-mẫu thứ hai. Rồi chính tập thơ lại cứu ông, đưa ông sang Thế-giới Tự do, đó là một nhiệm-mẫu thứ ba. Còn nhiều điều khác lạ hơn nữa trong trường-hợp cuốn sách thơ để đời của ông nên Nguyễn Chí Thiện chỉ muốn được biết như là tác-giả của một tập thơ duy nhất: tựa như Balzac là tác-giả bất hủ của tập *Le-hoa* ("Les Fleurs du Mal"), ông chỉ mong tên tuổi ông gắn liền với một cuốn, *Hoa Địa Ngục*.

Tập này, do đó, là tác-nguyên của ông được thành hình. Nếu được đây cuốn sách, vì nhiều lý-do, đã phải in ấn làm hai phần khác nhau, thì giờ đây nó đã trở về hình dạng nguyên-thủy mong muốn của nó. Đây là bản độc-nhất chứa được hàng trăm lời in ấn trong những lần trước (vì tác-giả đã không được dự phần duyệt lại), qua các phụ-bấm nó còn cho ta thấy cả lịch-sử của một cuốn sách lạ đời nhất của Việt Nam trong thế-kỷ XX.

Ấn-phí 25 Mỹ-kim (bìa cứng)
Ở xa xin cộng thêm cước-phí

ISBN 0-9772129-5-5



9 0000



9 780977 212958

VĂN BÚT QUỐC TẾ TƯỞNG NHỚ VÀ TIẾC THƯƠNG THI SĨ NGUYỄN CHÍ THIỆN

Từ ngày qua Mỹ đến nay nhà thơ Nguyễn Chí Thiện được mời đi nói chuyện khắp nơi trên thế giới để tố cáo tội ác CSVN, tiếp xúc nhiều với các chính trị gia, các đảng phái, các vị trong giới lãnh đạo...đâu đâu ông cũng được đón tiếp niềm nở.

Ông được Nghị Viện Quốc Tế các Nhà văn (International Parliament of Writers) mời đến nghỉ ở miền Đông nước Pháp, đài thọ cho ông qua hai năm liên tiếp chỉ để "ngồi viết cái gì mà ông muốn" và **tập truyện ngắn Hoả Lò ra đời từ đó.**

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện được vinh danh và nhận lãnh nhiều giải thưởng quốc tế như :

- Giải thưởng Thơ Rotterdam Hoà Lan (1984),
 - Giải thưởng "Tự Do Để Viết (" Freedom To Write") của Trung tâm Văn Bút Hoa Kỳ,
 - Giải Nhân Quyền của tổ chức Human Rights Watch (1995),
- Và tên tuổi ông được ghi vào từ điển "Who's Who in Twentieth- Century World Poetry" in ở Anh Quốc tháng 2-2001 và lần 2 ở Đức năm 2002.

Thơ ông đã được dịch sang nhiều thứ tiếng, được các văn thi sĩ quốc tế ngợi khen trong đó đa số là các nhà văn trước kia sống dưới chế độ CS như Paul Goma(Lỗ Ma Ni), Pierre Kende (Hung Gia Lợi), Vladimir Maximov(Nga), Leonid Plioutch (Ukraine), Alexandre Smolar (Ba Lan),

Pavel Tigrid (Tiệp Khắc), Erich Wolfgang Skwara (Đức)

Và đặc biệt hơn cả là bản dịch ra tiếng Đức của giáo sư Tiến sĩ Bùi Hạnh Nghi đã được đưa vào chương trình "Độc Sách hay" trong các trường trung học đệ nhị cấp ở tiểu bang Bayern Đức Quốc.

Ngoài ra trong số này còn có 14 bài thơ cũng được Gunter Mattitsch, nhạc sĩ người Áo phổ nhạc trình diễn trước công chúng Áo ở Klagenfurt ngày 20-10-1995.

*Theo tài liệu trong Hoa Địa Ngục
1&2 xuất bản năm 2006)*

Anh Thiện ơi! Hãy ngồi nghỉ nhé!

Nhật Tiến

Sáng ngày 2 Tháng Mười, 2012, tôi vào Internet đọc Người Việt Online thì sững sờ thấy bản tin “Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện bệnh nặng” với một vài chi tiết như sau: “Sáng sớm ngày Thứ Tư, 26 Tháng Chín 2012, ông cảm thấy ngộp thở nên được đưa gấp vào bệnh viện.

*Nhà văn Nhật Tiến (trái) và nhà thơ Nguyễn Chí Thiện tại nhà hàng Nguyễn Huệ, California.
(Hình: Tác giả cung cấp)*

Tại đây, bệnh viện điều trị chứng nhiễm trùng đường phổi nhưng ông vẫn thấy đau ở ngực. Một số xét nghiệm về tim mạch, chụp phim và lấy mẫu phổi (biopsy) truy tìm ung thư cũng đã được thực hiện. Tuy nhiên, những tin tức cho đến sáng ngày Thứ Hai, 1 Tháng Mười 2012, thì xét nghiệm mẫu phổi chưa rõ ràng để kết luận là ông bị ung thư hay không trong khi ông vẫn thấy đau và cần thuốc giảm đau. Mấy ngày đầu, ông nói rất khó, không ra lời, nhưng nay đã có thể nói tương đối dễ dàng.”



Nhưng rồi bản tin lại cho biết: “Mười giờ sáng Thứ Hai, Linh Mục Cao Phương Kỳ đã làm các nghi thức cần thiết để ông trở thành một tín đồ Công Giáo theo ước nguyện trước sự chứng kiến của ông bà Bác Sĩ Trần Văn Cảo, Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Trang, bà Lâm Thiên Hương, nhà văn Trần Phong Vũ.”

Tôi hoảng hốt vì nếu nhà thơ đã nhận phép Xức Dầu Thánh như thế thì tình hình nguy ngập mất rồi. Tôi hết sức đau buồn khi anh Nguyễn Chí Thiện đã nằm trong bệnh viện hơn cả tuần nay rồi mà tôi không hề hay biết để có cơ hội vào thăm anh.

Thế rồi, sáng nay 2 Tháng Mười, XNV Nhã Lan gọi cho tôi thông báo là nhà thơ vừa mất. Tin đau thương này do nhà báo Đinh Quang Anh Thái text qua điện thoại cho Nhã Lan vì Thái đang đi công tác ở miền Đông. Rồi cũng một lát sau, chính nhà báo Đinh Quang Anh Thái gọi cho tôi khi anh đang còn trên một chuyến xe bus từ Philadelphia về Washington DC. Anh xác nhận tin nhà thơ đã mất và cho hay báo Người Việt sẽ ra số đặc biệt về nhà thơ Nguyễn Chí Thiện. Anh cũng đề nghị tôi viết một bài cho số báo đặc biệt này. Đây là lý do tôi ngồi khởi thảo ngay những dòng chữ này, trong lòng còn vô cùng xúc động khi nghĩ đến sự thật đau lòng, “Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã không còn nữa,” và càng đau buồn hơn khi tôi đã

không có cơ hội được nhìn anh lần cuối khi anh đang hấp hối trên giường bệnh.

Thái có bảo tôi bài viết chỉ cần độ 1,000 chữ thôi. Tuy ngắn ngủi vậy, nhưng tôi biết viết gì đây, khi mà toàn bộ cuộc đời đầy gian nan và khổ ải của nhà thơ đã được mọi phương tiện truyền thông đề cập tới trong suốt vài chục năm qua với những nội dung đầy đủ về cuộc đời cũng như tác phẩm, trong đó vui ít, buồn nhiều, nhất là trong những thời gian anh bị nhục mạ, vu khống, cáo gian và vấy bùn lên cả cuộc đời lẫn sự nghiệp thơ, văn sáng chói của anh.

Về tác phẩm của Nguyễn Chí Thiện, tôi có tạm đầy đủ, cả truyện (Hỏa Lò - Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông-2001) lẫn thơ.

Riêng về thơ, tuy tôi không còn giữ được ấn bản đầu tiên mang tên “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” do Thời Tập in vào Tháng Chín 1980, nhưng tôi có bản in 1 tháng sau đó, tức Tháng Mười 1980 với tựa “Bản Chúc Thư Của Một Người Việt Nam” do báo Văn Nghệ Tiền Phong ấn hành. Trong cả 2 ấn bản kể trên, chưa một ai biết tên tác giả, đến nỗi có nhiều người, khi cần nêu tên tác giả thì đành phải lấy cái tên nghe rất ngộ, là “Ngục Sĩ.”

Cho đến Tháng Mười Một năm 1995, Nguyễn Chí Thiện sang được miền đất tự do, độc giả mới biết ông là tác giả của tập thơ nói trên, mà tên chính thức của nó ngay từ dạng bản thảo đã là “Hoa Địa Ngục” (Fleurs de L' enfer). Tập này do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông in năm 2006 rất trang trọng và đầy đủ, gói trọn “ba mươi năm thơ” là bốn chữ mà chính tác giả viết ra khi ký tặng tôi một bản.

Dù đã nghiền ngẫm rất nhiều bài thơ của Nguyễn Chí Thiện, nhưng tôi không hề bỏ qua một chương trình on air nào ghi lại những cuộc đàm thoại về Thơ giữa Đinh Quang Anh Thái và Nguyễn Chí Thiện được phát trên đài Little Saigon Radio từ nhiều năm trước đây. Riêng đối với tôi, đọc thơ của Nguyễn Chí Thiện đã thấy hay, nhưng phải nghe được chính anh diễn tả bài thơ và phân tích nội dung thì mới thấy hết được cái thế giới hải hùng đã bao phủ lên cuộc đời khốn khổ của anh trong suốt 27 năm bị cầm tù trong chế độ CS. Có thể nói, không một buổi phát thanh nào về cuộc đàm thoại này mà khi nghe tôi không ràn rụa nước mắt.

Về chuyện đời thường, thỉnh thoảng tôi có tới nhà anh Nguyễn Chí Thiện ở đường Flower, thành phố Santa Ana, khu building 11 tầng dành cho những người có lợi tức thấp, để chờ anh đi dùng chung một bữa cơm trưa ở vùng Little Saigon.

Hai nơi mà chúng tôi hay lui tới là quán Nguyễn Huệ và nhà hàng Song Long, ở cùng trên một con đường. Thời gian ngắn ngủi cho một bữa trưa, thế mà cũng đủ cho chúng tôi trao đổi được những thông tin cần thiết về sức khỏe, về đời sống hằng ngày, và cả về công việc của nhau đang tiến hành. Đây là những giây phút ấm áp mà tôi tìm được ở nơi anh, và những phút trầm ngâm ở bên cạnh tôi trên đường tôi lái xe chờ anh về, hẳn anh cũng nhận biết được như thế.

Nhân đã viết bài về anh, tôi tìm thêm được tấm hình mới nhất, chụp chung với anh ở ngoài cửa quán ăn Nguyễn Huệ vào Tháng Tư 2012. Nom anh vẫn giữ phong độ trầm tĩnh, tự tin nhưng cũng trĩu nặng những tâm tình u uất. Mà không u uất sao được, khi mà cuộc đời sau 27 năm bị vùi dập trong chốn lao tù CS, tưởng qua đến bên này sẽ chỉ gặp toàn những tình nghĩa, tình người. Nhưng hỡi ơi, anh đã lại bị vùi dập tiếp bằng những luận điệu giả trá, xuyên tạc... không chỉ một lần mà nhiều lần, không chỉ thu gọn trong một khoanh báo mà um sùm, nhồn nháo.

Tuy nhiên, anh cũng biết rõ đây chỉ là thiểu số. Còn những người quý anh, trọng anh, kể cả nhớ ơn anh về những đóng góp của anh trong lãnh vực thi ca thì là số rất đông, nhất là đa số thâm lặng.

Cho nên, tôi hy vọng là anh đã từ giã cõi đời hệ lụy này với một tâm trạng an bình và tha thứ.

Lịch sử Việt Nam sẽ mãi mãi ghi tên tuổi của anh.

Và trong lòng mọi người thân quen hẳn sẽ ghi nhớ mãi mãi hình bóng của anh, một vì sao trên trời đi lạc xuống bề trâm luân và nay đã tìm thấy đường trở lại cõi bình an vĩnh hằng.

Vậy, anh Thiện ơi! Hãy ngơi nghỉ nhé!

Nhật Tiến

(Garden Grove ngày 2 Tháng Mười 2012)



Lê Duy Cán, Bút Vàng Đỗ Thị Thuần, người soạn tập sách nhỏ này, Nguyễn Chí Thiện, Nhật Tiến (tại tư gia nhà văn Nhật Tiến). Hình do bà Lê Duy Cán chụp



Little Saigon tại Westminster, CA, thủ đô mới của những người Việt tị nạn cộng sản. Nơi đây nhà thơ Nguyễn Chí Thiện sống những ngày cuối cùng của đời mình. Hình chụp người Việt đón mừng năm mới, chờ xem đoàn xe hoa chạy qua đại lộ Bolsa.

Nguyễn Chí Thiện tự thuật bằng Anh ngữ

The Autobiography of Nguyen Chi Thien

I was born in Ha Noi on 27 February 1939. My natal village is My-Tho, in the district of Binh-Luc, Ha-Nam Province, North Viet Nam. When my parents died, I was in a concentration camp called Phong-Quang in Lao-Cai Province. After their death, my sister Hao visited me once. My sister visited for the purpose of telling me of the death of my mother—the only family visit that I received while imprisoned for fifteen years. This was not due to callous disregard on the part of my family; it was due to deliberate and constant changes of prisons and camps by the regime. Because I was not sentenced at trials, my family did not know where I was going to be sent. They had to learn of my whereabouts from released prisoners, but by then I was most likely somewhere else. Political prisoners were shuffled regularly by jailers so they would not form associations for rebellion or escape. After the Geneva agreement of 20 July 1954, nearly one million people left the North for the South, fleeing communism. My parents decided to stay in Ha Noi, believing that the Vietnamese communists were patriots; they had led the people in the fight for national independence from the French. Moreover, the communist doctrine supported the poor.

That naivete would have disastrous consequences. My brother, who had been mobilized in the *quan doi quoc gia* (National Army) in 1954, was the only one who went to the South, by traveling with the Army. He later became a lieutenant colonel. After the fall of Saigon, he was put in a reeducation camp in North Viet Nam for thirteen years. He was arrested in 1960 by the Communist regime, accused of so-called antipropaganda, and condemned to two years in prison. In actuality, I had to live three years and six months in labor camps in Phu-Tho Province and Yen-Bai Province. Although labor was hard in these camps, I was still young. We prisoners could talk to each other on our way to and from work, which was primarily agricultural, growing vegetables. About ten of us enjoyed gathering in the yard at dusk to secretly read poetry and discuss literature. This was necessarily secret because the guards would break up groups, especially those that met regularly.

During those years in detention, I created about a hundred poems on the subjects of the prison scene and anticommunism. When I was released in 1964, I continued to write poetry and recite it to my closest friends, who then recited it to people in Haiphong and Ha Noi. We did not have much money—my job at this time was bricklaying, especially the carrying of bricks in a basket across my shoulders—so we met in parks, on benches, in the evening. Whenever anyone would pass by while we were discussing poetry or politics, we would change the subject until the person was out of hearing range. We were given careful surveillance by Security Forces at all times because we were suspected of being saboteurs; however, the only sabotage that we undertook was that of keeping our minds free of the demands of communism. All over North Viet Nam, everyone was required to glorify the regime, especially in schools. If a student remained silent, that student would be reported to the Party. Many friends of mine were put in prison because of their mouths. In February 1966, I was arrested again. The Security Forces suspected that I was the author of the poems that were transmitted from mouth to mouth in Haiphong and Ha Noi. When interrogated, I denied it, saying that I knew nothing about these “reactionary poems.” Without receiving a trial, I was sent to the concentration camps in Phu-Tho, Yen-Bai, and Lao-Cai Provinces.

I never think that I am talented. Instead, I feel that I was able to write poems that affected people because of inspiration or a sacred fire inside me. My vitality was put into creating poems even if I was in stocks or irons. I used to work on poems at night because in the daytime it was too noisy. The poems took several nights to write, and memorize, and carefully revise before completion. If a poem was not good, I would throw it out of my mind. First I would consider the

necessary rhythm of the poem. Then I would place the words, the verses, and memorize them. The following night I would repeat them and revise them and commit them to memory. After work in the evening, I would recite them to my prison friends who were also poets. We would help each other. It was at the Phong Quang camp, in Lao-Cai Province, that I gained my closest friend in life: the poet Phung Cung. Because writing on paper was not allowed, everyone had ways to meter the verses. Phung Cung would use his fingers to count. He would do this with such concentration that other prisoners and jailors thought he was crazy. I did not use body methods—even reciting aloud—just my memory. Most of my poems (about three hundred) were created during my second period of imprisonment, the eleven years between 1966 and 1977.

In July 1977 (two years after the surrender of South Viet Nam), a dozen prisoners and I were temporarily liberated to make room for the increasing number of prisoners who arrived from the South. These dozen included friends and fellow writers who had come to know each other at the Phong-Quang concentration camp, where I had been taken in 1970. Returning to my elder sister and her family, I lived at their home at number 136 Station Street in Haiphong. I was dismayed to find ten families crammed into the house. The ward police, the district police, and the city police often came to “inquire about my health.” Under those circumstances, I did not dare to shut myself in my room of eight square meters to write. I often rode my rickety bicycle to an outer suburb to buy a few liters of rice brandy to sell to the dog-meat stalls. I went to Ha Noi to get a job delivering flour. That’s how I managed to scrape through. Friends were so preoccupied with survival that they rarely met with each other. Denied any form of regular employment, I made ends meet with difficulty. People under the Communist regime always had very little food because of government policy. Instead of feeding our own people, the government exported rice grown in the conquered South Viet Nam provinces to other Communist regimes. Even when not in prison, I often went to bed with an empty stomach.

When Red China invaded the six border provinces, Security Forces tormented me ceaselessly. Afraid of being unable to survive if jailed a third time, I made up my mind to send my poems abroad. These poems represented the first twenty years of my work. It was impossible to let them be buried with me! It took me three days to transfer four hundred poems from my memory to paper. So on 16 July 1979, I put my manuscript under my shirt and went to the British Embassy in Ha Noi. Passing a guard, I entered the Embassy. One Vietnamese woman and three Vietnamese men were sitting around a table in a large room. They were civil servants hired by the British to work in the reception office. I told them that I was there to see the Ambassador. “Where are you from?” one of them asked. “From the foreign office,” I answered. They demanded the required paper. I told them I had forgotten to carry it. With that, rushed toward the door at the other side of the room. The woman stood up and lunged at me. I pushed her down. Two men barred my way into the room. The third Vietnamese man dashed out to alert the police. On my right, there was a young British girl combing her hair in an open boudoir. I said to her quickly in English, “I need to meet the Ambassador. Don’t fear, I am an honest man.” But she was so frightened that she dropped her comb. The two men chased me. I ran to the table and lifted it up, making everything on it fall to the floor. Hearing the noise, three English diplomats came out. One Vietnamese man said that I was a madman. I said to the three Englishmen that I was not crazy and that I had important documents to give them. I immediately ran in the back door. The Englishmen followed me, closing the door. I handed them my manuscript and told them about my prison life and the sufferings of my oppressed people under the totalitarian yoke. I begged them to have my poems published in their free country. Finally, I asked if I could stay in the Embassy. They replied that I could not because the police were waiting for me outside. Then they promised solemnly that they would arrange for my poems to be published. I shook hands with them, said good-bye, and left the Embassy.

The Security Forces of the government of Viet Nam arrested me in front of the British Embassy and drove me to Hoa-Lo-prison, which had been ironically called ‘Hanoi Hilton’ by U.S.

pilots who had been shot down by Russian SAM missiles when bombing or flying reconnaissance over North Viet Nam between 1967 and 1973. The original handwritten manuscripts are in the protective custody of the British government in London. They will be returned when Viet Nam is free. The Hoa-Lo prison is the setting of my short stories, which are based on real situations and people I knew when I was sent there for six years. The first three years, I was kept in a solitary cell in darkness. The second three years, I was jailed with common criminals. Sometimes women were in cells nearby, but most of the time, prisoners were separated by gender into large rooms containing about two hundred people each. I was able to communicate with women when they were nearby and especially enjoyed hearing them sing the folk songs of my youth. When the jailers were not there, we would communicate with each other by yelling back and forth and by using a system of 'driving' items, such as toothbrushes, for trade. These were tied onto strings, which were thrown from cell to cell. Each person was honor bound to deliver the item to the cell of its intended recipient. I survived the terrible ordeal of prison conditions because my companions, even common criminals, admired my resistance to the communist authority. They protected me as much as they could by giving up some of their small space so that I did not have to always sleep on my side. In 1985, I was transferred from Hoa-Lo prison to B-14, in Thanh-Liet Village, eight miles from Ha-Noi. I was sharing cells with Mr. Vo Dai Ton, a fighter for democracy. Other political prisoners at B-14 included Hoang Minh Chinh, Duong-Thu-Huong, Ha-Si-Phu, and Nguyen-Thanh-Giang.

My health deteriorated badly due to additional solitary confinement and malnutrition. The interior fire of creation went out, and after 1988 I composed no more poems because I could not concentrate. I did not expect to survive. Thanks to the collapse of the socialist regimes in Eastern Europe and the pressure of the Vietnamese Diaspora to call my situation to the attention of international opinion, I was released in October 1991. My third period of being jailed without trial had spanned more than twelve years. For eight of those years, I was kept in solitary confinement, in very dim light. When I was released, I weighed only eighty pounds; today I weigh 139 pounds. By the time of my release, I knew that my poems had been published as promised by the Englishmen. I learned this in 1980, when angry prison officials showed me a book and asked if the poems were mine. I said that I was the author. I was very happy because I had attained my goal. The poems were later submitted to an international poetry competition and awarded the 1985 International Poetry Award in Rotterdam. Unknown to me, they were translated into several languages: English, French, German, Dutch, Chinese, Spanish, Czech, and Korean. The English translation was published by Yale University as *Flowers from Hell*. The Vietnamese musician Pham Duy, who had found refuge in America, set many of the poems to music. Calling them "Prison Songs," he performed them around the world.

Most of this was unknown to me while I was in solitary confinement for creating verses with the rhymes and rhythms of freedom. My whereabouts and my condition, whether alive or dead, were unknown to the translators and publishers. However, I was given the Freedom to Write Award in 1988. Perhaps it was for this reason that I was not killed. During the last years of my imprisonment, I was transferred to Ba Sao camp, in Ha Nam Province, close to my natal village. This was a transition point for my return to the outside world in 1991. I was living with Father Ly, the Catholic priest, who was loved and respected by all the prisoners. We were in a large room; I had a top bunk and he the bottom. We had dinner together every night except that my organs were so emaciated that I could not eat normal food.

After diplomatic relations between the U.S. and Viet Nam resumed, I was given asylum under the Humanitarian Operation Program in 1995. In the ten-year period between 1977 and 1988, I had created four hundred poems. However, I forgot a hundred of them when I was reciting them to myself after my release in 1991. I spent one year living under house arrest trying to call back to memory the three hundred poems that I would write down on paper on a single day after I came to the United States: 1 November 1995. I had the poems published in 1996.

I lived with the family of my brother Gian in Herndon, Virginia, until 1998, when I went to France at the invitation of the International Parliament of Writers. From then till 2001, I wrote six stories about life in Hoa-Lo prison. These stories were not fiction; they were based on real experiences. They were published in Vietnamese by Canh Nam Press in Arlington, Virginia, in 2001. During my twenty-seven years of imprisonment, I had no books or magazines to read, so I devoted all my spare time (especially at night) to composing my poems.

*Flowers from Hell – real blood has watered them,
blood mixed with animal sweat, with parting tears.
Blooming in prison, sickly, starved, and cold,
they reek of damp and mold, look gray as mud.
(Translation by Huynh San Thong)*

Yet my solitude continues because I am away from so many friends in my homeland, and it grows deeper as they age and pass away. Since settling in the United States, I often make telephone calls to inquire about my family, my friends. In January 1997, on a Saturday evening, my friends gathered together, waiting for my phone call. Right at the beginning of our conversation, I was told that my closest friend, the poet Phung Cung, had just passed away. He had been severely ill for two weeks, and my friends were about to go to his funeral. I was thunderstruck and heartbroken. So he had gone forever, and I would never have the chance of seeing him again, of watching his pensive look, of drinking a cup of tea with him and listening to his poetry. Death is inevitable, but still I could not help feeling an excruciating sense of loss and I wept! That night, I lay down, my face against the wall. I recalled the day we met for the first time. It was a somber winter day at the concentration camp, and he was standing before a red-pepper plant and gazing at the leaden sky with an equally leaden look on his face. On the day when I was to leave for Saigon on my way to the United States, I said good-bye to him. He held my hands, not wanting to let go, his eyes brimming with tears. One day, after I return to Viet Nam, there will be nothing I can do but stand in silence before a cattle-trodden mound at the end of a hamlet, where his body has been laid to rest. Graves are everywhere on the hills around the camps. Over one million people have left our homeland for Europe, Australia, and America. At least half that number died in attempts to escape the Communist regime. Many friends of mine, much healthier and stronger than I, died from hunger, cold, and hard labor. I have always thought it was a miracle that I could survive.

*“Autobiography” was published in Beyond Words: Asian Writers on Their Work, Manoa 18:1
University of Hawaii Press,
2006:85-92. ISBN 0-8248-3058-X*

Copyright registered: Nguyen Chi Thien



Nguyễn Chí Thiện và Phùng Cung tại Hà Nội, 1994.

Lễ thành minh 1994, khi trước
mộ cha mẹ đại quốc nhũ, thôn hương
Thọ, xã Mỹ-Thọ, huyện Bình Lục,
tỉnh Hà-Nam, là vị chiếc tọa
chúng Đả Ni Công sản từ cùng.



Nguyễn Chí Thiện ra tù thì Cha Mẹ đã ra người thiên cổ; ông đến thăm mộ Cha Mẹ



Nguyễn Chí Thiện với chị là Nguyễn Thị Hảo (trái) và cháu gái (giữa) tại Hà Nội



Người bạn cùng tù ở trại giam Cổng Trời: Cựu Đại Úy Kiều Duy Vĩnh



Gặp lại bạn tù Võ Đại Tôn



Nguyễn Chí Thiện với anh, Nguyễn Công Giân, chị dâu, và hai cháu trai. Hình do bà Jean Libby chụp ngày 31 tháng 3 năm 2007. Ông Nguyễn Công Giân đã qua đời tại Việt Nam vào ngày 1 tháng 11 năm 2013

Nguyễn Chí Thiện hay Lý Đông A?

Minh Võ

*“Triệu cuộc đời khổ oan
Nát tan trăm ngàn mảnh
Chắp lại mới hóa thành
Mấy vần thơ ai oán.”*

Nguyễn Chí Thiện

Thoạt tiên chúng tôi nghĩ không nên xếp Nguyễn Chí Thiện cùng với những tác giả phản tỉnh trong soạn phẩm này. Thơ của ông là thơ chống cộng mạnh mẽ, đầy xác tín, như phát xuất từ tim gan, từ tiềm thức hay do trực quan huyền bí mà thành. Và tôi nghĩ ông đã đứng trong hàng ngũ những người quốc gia chống cộng ngay từ đầu. Nhưng rồi đọc kỹ tác phẩm của ông tôi thấy ông cũng đã có lần “lầm lỡ” như trong bài thơ: “Mỗi lầm lỡ” sau đây: “Cuộc đời tôi có nhiều lần lầm lẫn Lầm nơi, lầm lúc, lầm người. Nhưng cái lầm to uống phí cả đời Là đã nghe và tin cộng sản”

Vì vậy mà mới có chương này.

Cách đây hai chục năm, vào lúc 9 giờ sáng ngày thứ hai 16-7-1979, đúng lúc cửa tòa đại sứ Anh ở đường Lý Thường Kiệt, Hà Nội mở ra, có một người Việt Nam khoảng 40 tuổi chạy xồng xộc vào để trao một tập thơ mang tựa đề **Hoa Địa Ngục**, lại có mấy chữ Pháp: “Fleurs de l’Enfer” bên dưới. Bốn nhân viên Việt Nam và công an gác cửa đã không cản được, ông ta trao tập thơ tận tay các viên chức người Anh, kèm theo còn có một lá thư viết bằng Pháp văn đại ý nhân danh hàng triệu nạn nhân của chính quyền Hà Nội độc tài áp bức xin cho phổ biến tập thơ để tố cáo những tội ác của nhà cầm quyền. Người chuyển tập thơ và bức thư đã bị bắt ngay khi ra khỏi cửa tòa đại sứ. Ai cũng hiểu là sau đó chỉ có ngục tù, biệt giam hay cầm cố. Đó là chưa kể cho đến nay vẫn còn có người bảo ông đã bị thủ tiêu rồi. Có đọc bài “tôi không tiếc” ông viết năm 1971 có chép trong tập thơ đó ta mới hiểu được tại sao ông dám liều mạng làm một hành động điên rồ như trên. Bài “tôi không tiếc” chỉ vắn vắn có 5 câu:

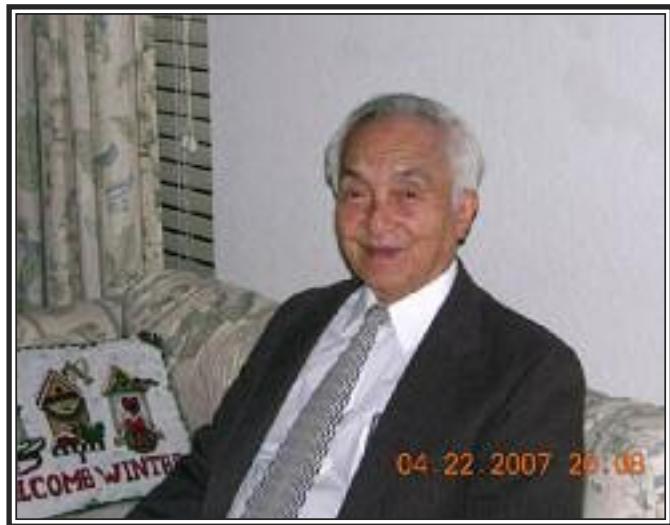
*“Tôi không tiếc khi bị đời sa thải,
Thân thể vùi tan rữa, hóa bùn đen.
Những vần thơ trong đêm tối dẽ hèn,
Cùng rệp muỗi viết ra mà bị mất.
Tôi sẽ tiếc khóc âm thầm trong đất.”*

Mười một năm sau nằm trong nhà lao dĩ nhiên ông không biết rõ số phận tập thơ mà ông liều chết trao cho người ngoài ra sao, nhưng ông tin tưởng ở Trời Phật, ở Thượng Đế:

“Mệnh ta có Trời, bay sao hại nổi ta”

Và

*“Thượng Đế nhân từ sẽ mở lối ra
Ta sẽ vượt qua
Thơ sẽ bay xa” (1982)(**)*



MINH VÕ

Tập thơ không mất. Và nó đã bay xa thật. Nó đã được chuyển về Luân Đôn rồi trao cho giáo sư Patrick Honey thông thạo Việt Ngữ (người đã giới thiệu cuốn From Colonialism to Communism của Hoàng Văn Chí, xin xem chương 1). Ông Honey có quan hệ mật thiết với đài BBC trong nhiều thập kỷ, nên tập thơ được chuyển tới tay Đỗ Văn, tức Đỗ Doãn Quỹ, là một trong những nhân viên cốt cán của ban Việt Ngữ đài BBC. Mùa hè năm sau, 1980, ông Châu Kim Ngân, cựu bộ trưởng Tài Chính VNCH(2), nhân chuyến viếng thăm Anh Quốc là nơi ông đã tu nghiệp hồi cuối 1963, đầu 1964 và đã từng có những liên hệ với đài này, đã được ủy thác để đem về trao lại ông Nguyễn Thanh Hoàng (bút hiệu Hồ Anh, chủ nhiệm bán nguyệt san Văn Nghệ Tiền Phong) để yêu cầu phổ biến ở Mỹ.

Một tháng sau, ở Mỹ xuất hiện một tập thơ mang tựa đề: “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực”, nhưng lại không phải do Văn Nghệ Tiền Phong in. Mãi đến tháng 10 Văn Nghệ Tiền Phong mới cho ra được một tập thơ nội dung hầu như y nguyên nhưng với tựa đề khác: “Bản chúc thư của một người Việt Nam” (tác giả: Khuyết danh). Cuối sách, Tạp Chí Văn Nghệ Tiền Phong có mấy lời gửi độc giả, giải thích vì sao chưa có bản dịch Anh ngữ, đồng thời cũng cho biết có người muốn tranh giành bản quyền in, nói thẳng ra là đánh cắp tập thơ. Văn Nghệ Tiền Phong cho in tập thơ với giá bán 150 xu, có thể là lỗ vốn, đồng thời tuyên bố “mọi người đều có toàn quyền in lại, phổ nhạc hoặc dịch thuật.”

Lúc ấy thì chưa ai biết tác giả của “Bản chúc thư”. Mãi đến tháng 11 năm 1985, hơn 6 năm sau ngày tập thơ được trao cho sứ quán Anh tại Hà Nội, nhờ có bà chị ông Thiện là Nguyễn Thị Hảo được phép vào tù thăm em, người ta mới biết tác giả tập thơ là Nguyễn Chí Thiện. Nhưng khi tin này loan ra ngoại quốc thì

có người tin có người không. Trong số những người không tin có các ông Lê Tư Vinh, Trần Ngọc Ninh (bác sĩ, giáo sư thạc sĩ y khoa cựu bộ trưởng) và nhà báo Nguyễn Thị Bình Thường. Những vị này đều viết trên tờ Vạn Thắng của ông Lê Tư Vinh rằng tác giả chính là lãnh tụ đảng Duy Dân, Thái Dịch Lý Đông A. Họ còn bảo đó là tiếng pháo lệnh của đảng trưởng ban ra để tổng tấn công vào thành trì cộng sản. Một trong những lý do được viện dẫn cho lập luận lạ lùng này là hào khí và văn phong của tập thơ giống hệt văn phong trong tập “Huyết Hoa” và những tác phẩm khác của Lý Đông A.

Cuối năm 1992 ông Trần Nhu, một bạn tù với Nguyễn Chí Thiện đã viết một cuốn sách mỏng bác bỏ những ý kiến trên. Chứng cứ mạnh nhất của ông là lý thuyết gia Lý Đông A đã mất năm 1946, lúc đó vai trò của Tôn Đức Thắng chưa ai biết và cũng chẳng có địa vị gì trong chính quyền. Trong thơ của Nguyễn Chí Thiện thì lại có nói đến “bác Hồ và bác Tôn” (*Bác Hồ rồi lại bác Tôn, cả hai đều thích ôm hôn nhi đồng. Nước da hai bác màu hồng, nước da các cháu nhi đồng màu xanh. Giữa hai cái mặt bành bành, những khăn quàng đỏ bay quanh cổ cò*). Như vậy không thể nào là của Lý Đông A được. Nhưng các tác giả trong “Vạn Thắng” không phục vì họ nghĩ Lý Đông A vẫn còn sống. Năm 1946 ông chỉ mất tích, tuy nhiều người lúc ấy quả quyết ông bị Việt Minh thủ tiêu rồi, cũng như trường hợp ông Trương Tử Anh, đảng trưởng đảng Đại Việt.

Gần đây ngay sau khi Nguyễn Chí Thiện xuất hiện tại Mỹ bằng xương bằng thịt, vẫn còn có người bảo đây chỉ là Thiện giả, vì Thiện thực đã bị cộng sản giết rồi. Và họ lý luận rằng cứ đọc thơ của Thiện sau này so với tập Hoa Địa Ngục thì thấy kém xa. Hơn nữa từ khi sang Mỹ không thấy ông Thiện làm thơ.

Nhắc lại những ý kiến trên chỉ là để thêm tin tức chứng tỏ ông Nguyễn Chí Thiện là người gây sôi nổi về nhiều mặt. Chứ thực ra đến nay thì những lập luận cho rằng đây là Nguyễn Chí Thiện giả không còn đứng vững được. Bằng chứng cụ thể nhất là khi tới Mỹ ông đã đến ở nhà người anh ruột ở Virginia trong một thời gian khá lâu. Mà người anh ruột này lại là trung tá quân lực Việt Nam Cộng Hòa bị “học tập cải tạo” 13 năm, gần bằng nửa thời gian ở tù của ông em “ngục sĩ”.



Để bình vực Nguyễn Chí Thiện đang bị kẻ xấu đánh phá và chụp mũ, Bút Vàng Đỗ Thị Thuần vẽ hình nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã thoát khỏi nhà tù VN (tượng trưng bằng rào kẽm gai) và qua Mỹ, nhưng vẫn bị kẻ tiểu nhân (tượng trưng bằng đám ruồi bay phía sau) làm phiền (10-2008).

Những Ngày Mới Tới Mỹ



Đại Tá người Mỹ gốc Nhật Noboru Masuoka ra đón Nguyễn Chí Thiện tại phi trường San Francisco ngày 1 tháng 11 năm 1995. Ông là người đã tận lực đấu tranh cho nhà thơ được thoát ra khỏi cảnh tù và được đi định cư tại Hoa Kỳ. Phía sau: Bác sĩ Thanh-Nguyet Mehlert, Giáo sư Nguyễn Văn Canh



Từ trái sang phải: Các anh Huỳnh Lương Thiện, Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, Trần Nhu tại phi trường San Francisco trước 1/11/95.



Tối 1/11/1995 tại phi trường Dallas. Từ trái sang phải: Các ông Bùi Dương Liêm, Sơn Tùng, Chữ Bá Anh, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, Nguyễn Việt Quang cùng gia đình người anh ruột: Cháu là Chí Nguyễn, anh là Nguyễn Công Giân và bà Giân, chị dâu.



Từ trái sang phải: Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, Trần Nhu, Đại tá Masuoka, Chị Đỗ Mùi, Giáo sư Nguyễn Văn Canh, trưa ngày 1/11/95 tại phi trường San Francisco.

Nguyễn Chí Thiện gặp lại 2 ân nhân vào tháng 11 năm 2007:

Từ trái sang phải: Đại Tá đã về hưu Noboru Masuoka, . U.S.A.F.; Đỗ Mùi, San Jose, Nguyễn Chí Thiện.



Việc ông Nguyễn Chí Thiện được sang Mỹ theo chương trình ODP là nhờ bà Đỗ Mùi, chủ nhiệm báo Việt Nam Tự Do tại San Jose đã yêu cầu ông Noboru Masuoka, đại tá không quân hồi hưu, người Mỹ gốc Nhật đứng ra can thiệp với đại sứ Việt Cộng Lê Văn Bàng tại Liên Hiệp Quốc. Ông Masuoka cũng gửi thư cho tổng thống Bill Clinton và ngoại trưởng Christopher cùng nhiều nhân vật có thể lực khác trong chính phủ Mỹ cho ông được đứng ra bảo lãnh cho nhà thơ Nguyễn Chí Thiện. Cuộc vận động và thủ tục tiến hành trong hơn một năm mới xong vì một vài trở ngại về

phía chính quyền Hà Nội cũng như phía Mỹ.

Mặc dù Nguyễn Chí Thiện đã được phóng thích khỏi nhà lao năm 1991 nhưng mãi đến năm 1995 thi sĩ mới phục hồi lại được phong thái và sức khỏe. Ông Noboru Masuoka, đã từng bị giam giữ trong trại cưỡng bức lao động miền Tây nước Mỹ trong suốt chiến tranh thế giới thứ 2 vì tổ tiên của ông là người Nhật, đã trở thành nhà khoa học và tham gia vào lực lượng Không Quân Hoa Kỳ. Ông cũng được thâu nhận làm sĩ quan của học viện Không Quân Hoa Kỳ tại Colorado trong thập niên 1980, cũng là lúc có những dân tị nạn Việt nam vừa đến. Ông thường cố vấn những người có cha mẹ còn đang bị giam giữ trong các trại cải tạo tại Việt nam và đã giúp được họ đoàn tụ với gia đình tại Hoa Kỳ. Đại tá Masuoka đã tham gia trong những trận đánh ngoạn mục của lực lượng không quân Việt nam, những chiến binh anh hùng.

Đỗ Mùi, phóng viên đài truyền hình tại San Jose, đã phỏng vấn Đại Tá Masuoka như sau: “Ông có thể cứu một nhà thơ ở Việt nam, người mà chưa hề tiếp xúc với chính quyền và quân đội của Hoa Kỳ sang đây hay không?”

Năm 1960, khi mới đi tù được ít tháng ông đã bắt năn vì cảnh tù tội quá cực khổ, nên đã nghĩ mình không thể chịu đựng được 10 năm:

“Thời gian hồi, ta van người nói thật.

Ngày bão bùng hoa nở có lâu không?

Năm, mười năm ta có thể chờ trông.

Có thể để cho người làm khổ.

Nhưng lâu quá ta dùng dao cắt cổ.

Chặt đứt đầu người dù đứt cả đời ta.” (1)

Nhưng rồi sau 27 năm tù tội, cuối cùng Nguyễn Chí Thiện đã thấy được bến bờ tự do. Tuy rằng Hoa Tự Do chưa thực sự nở trong nước cho bao người cùng cảnh ngộ với ông trước đây.

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đặt chân lên đất Mỹ ngày 1 tháng 11 năm 1995. Sau mấy tiếng đồng hồ dừng chân ở San Francisco, ông được đưa đến Thủ Đô Hoa Kỳ rồi về ở nhà ông Nguyễn Công Giân là anh ông ở thành phố Herndon, thuộc tiểu bang Virginia. Tại hai phi trường San Francisco và Dulles ông đã được nhiều nhà báo và những người ngưỡng mộ ông đón tiếp nồng nhiệt. Trong năm 1996 ông đã đi diễn thuyết nhiều nơi trên đất Mỹ rồi cả Âu châu và Úc châu. Ở đâu ông cũng được rất đông thính giả ca ngợi về những lời chống cộng đanh thép, hùng hồn của ông. Trong năm 1997-1998 ông ở cùng với nhà văn Vũ Thư Hiên trong một căn nhà do một tổ chức văn hóa Pháp cấp tại thành phố Strasbourg.

(1): Trích bài “Thời gian hồi” làm năm 1960. SDD trang 52. (Trích Minh Võ)



Hình trên:

Bà Ginetta Sagan. Hình: Bùi Văn Phú

Vài dòng hồi ức về Nguyễn Chí Thiện

Vũ Thư Hiên



Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện
(1939-2012)

NHÀ THƠ NGUYỄN CHÍ THIỆN ĐÃ ĐỌC THƠ CHO BẠN TÙ CÙNG NGHE.

Sau biết bao nhiêu cố gắng xuyên tạc, nhục mạ nhà thơ Nguyễn Chí Thiện là người đội lốt, đóng giả một người đã mất trong tù, nhưng trước những hình ảnh và nhân chứng sống không thể chối cãi, những người chống đối Nguyễn Chí Thiện đã thay đổi lập trường chống phá bằng luận điệu : “Nguyễn Chí Thiện là người thật, nhưng ông ta không biết làm thơ và chỉ lấy thơ của



Vũ Thư Hiên

người khác làm của mình.”

Luận điệu này quả là rất thâm độc vì vấn đề xác minh chuyện đạo thơ sẽ khó khăn hơn là xác minh một con người đang sống thực.

May thay, những bạn bè cùng sống trong tù với Nguyễn Chí Thiện vốn đã từng được nghe Nguyễn Chí Thiện đọc thơ, làm thơ ở ngay trong tù, nay đã công khai thuật lại trong sách vở, báo chí. Như vậy thì sự kiện “Nguyễn Chí Thiện không biết làm thơ” (!) vốn đang được loan truyền để tiếp tục chống phá Nhà Thơ Nguyễn Chí Thiện cũng không còn lý do để tồn tại nữa.

Xin mời đọc bài viết của nhà văn Vũ Thư Hiên, một bạn tù đã từng nghe Thơ và phê bình Thơ Nguyễn Chí Thiện ở “ngay trong tù”. Đây là một bằng chứng cụ thể nhất xác minh tính cách thi sĩ đích thực của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện. Bài trích từ cuốn hồi ký *Đêm Giữa Ban Ngày*.

Người bạn tù thân thiết của tôi, anh Nguyễn Chí Thiện đã trút hơi thở cuối cùng lúc 7 g 17 phút sáng ngày 2 tháng 10 – 2012, ở xa quê hương mà từng phút từng giây anh hướng về. Chúng tôi có với nhau nhiều kỷ niệm, của đời tù cũng như của cuộc sống ngoài đất nước. Anh là nhà thơ bất khuất của “phe nước mắt” (chữ của nhà thơ Dương Tường). Khóc bạn, tôi chia sẻ với các bạn trên FB vài dòng hồi ức về ... anh để các bạn hiểu thêm về con người đáng kính, và hơn nữa, đáng yêu này.

....

Cán bộ giáo dục trại tên Bưởi cũng nương nhẹ đối với những người cộng sản Trung Quốc thuộc “vụ Quảng Ninh”.

- Họ giữ tư cách đảng hoàng lâm – Bưởi nhận xét – Đáng phục.

- Căn cứ tuổi họ thì đây là những người đã tham gia giải phóng Trung Quốc. – tôi nói – Vào thời gian đó chỉ những người có tư cách mới lãnh đạo được quần chúng.

Những người cộng sản này đến Việt Nam bằng con đường khá vòng vèo. Khoảng đầu thập niên 60, tôi không còn nhớ rõ năm nào, vùng Hoa Nam bị lâm vào một nạn đói cực kỳ khủng khiếp. Người chết đầy đường. Dân đói ục ục kéo đi Hồng Kông, nghe nói cả triệu người. Chính quyền Trung Hoa lục địa không tài nào ngăn nổi một cuộc di dân ồ ạt như thế. Nó không thể xảy ra nếu không được những người dày kinh nghiệm đấu tranh lãnh đạo. Chính những người cộng sản địa phương đã tổ chức cuộc chạy trốn ấy. Chính quyền Hồng Kông giam dân di tản lại rồi báo cho Bắc Kinh biết. Bắc Kinh tuyên bố: “Không hề có chuyện các công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa bỏ chạy tới Hồng Kông”. Đảo quốc Đài Loan giang tay đón những đứa con đói khát của tổ quốc, nhưng không phải chỉ vì tình thương, mà còn vì những mục đích chính trị – họ nghĩ tới những đội biệt kích rồi đây sẽ được phái về “giải phóng tổ quốc”. Những người

cộng sản được lọc ra, được huấn luyện, rồi được bỏ lên những con thuyền buồm, nhằm hướng Hoa lục. Không hiểu là bàn hồng, thuyền trưởng tồi, hay vì những trục trặc nào khác, nhưng họ lại cập bến Quảng Ninh sau một cơn bão, tưởng mình đã ở trên đất đai của tổ tiên.

Tôi hỏi một cựu bí thư huyện ủy (huyện của Trung Quốc to bằng tỉnh của ta):

- Anh thất vọng về chủ nghĩa cộng sản, và chống lại nó?

- Đâu có. Tôi vẫn thích chủ nghĩa cộng sản. Tôi vẫn tin chỉ có nó mới mang lại cho chúng tôi công bằng và hạnh phúc.

- Thế mà anh đã ra đi khỏi nơi đang xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Tại sao?

- Mao Trạch Đông không phải cộng sản. Tôi có trách nhiệm trước dân chúng mà tôi lãnh đạo. Họ đói. Đã có những người chết. Chủ nghĩa cộng sản thì xa. Nồi cơm gần hơn.

Anh Nguyễn Chí Thiện, một tù nhân có thâm niên đáng kính, một nhà thơ được ưu ái trong tầng lớp trí thức của xã hội tù, bĩu môi:

- Các anh nói thôi bỏ mẹ: “trách nhiệm trước dân chúng mà tôi lãnh đạo”. Dân chúng chẳng cần tới sự lãnh đạo của các anh. Vì các anh dân mới đói. Vì các anh dân Trung Quốc mới thân tàn ma dại.

Ông bí thư huyện, anh hùng lao động nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, nhìn Thiện, nín lặng.

Những người cộng sản Trung Quốc sống trong nhà tù Việt Nam như khách. Họ chỉ quan tâm tới tình hình Việt Nam trong chừng mực những gì liên quan tới họ. Ngoại giả, họ mặc. Là tù đầy, nhưng họ không quy lụy cán bộ trại, cũng không hòa nhập với cộng đồng tù Việt. Cán bộ có quát nạt họ cũng giả vờ điếc, không nghe thấy, không hiểu. Thỉnh thoảng hứng lên họ hát đồng ca những bài hát cách mạng của Trung Quốc, như bài “Xi lai!” mà chúng tôi cũng biết. Hoặc “Quốc tế ca”. Nhưng không bao giờ họ hát bài “Đông phương hồng”. mặt trời lên. Trung Hoa chúng ta có Mao Trạch Đông!”.



Từ phải sang trái: Nguyễn Chí Thiện, Lê Diễn Đức, và nhà văn Vũ Thư Hiên (2003)

- Nạn đói là kinh niên đối với một nước như Trung Quốc. – tôi nói với Thiện – Không phải những người cộng sản là nguyên nhân duy nhất. Thời Tưởng, tôi biết, nạn đói còn xảy ra nhiều hơn. Hãy nhớ lại bọn Tàu phù sang ta năm 1945. Không phải chỉ đói, mà còn man rợ nữa...

Thiện trợn mắt nhìn tôi. Anh không thích một câu đề ngang xương như thế. Với anh, cộng sản là xấu, là tồi tệ, là kinh tởm, châm hết. Không một cái gì của cộng sản có thể là tốt. Cái cách tôi đánh đồng loạt chính quyền Tưởng Giới Thạch với chính quyền Mao Trạch Đông như thế là không được. Không hiểu sao anh vẫn chấp nhận tôi như một ngoại lệ.

Nguyễn Chí Thiện làm nhiều thơ. Chiều chiều chúng tôi tụ họp nhau ở sau trại ngắm hoàng hôn, uống trà và nghe thơ. Nhìn cảnh những Kiều Duy Vĩnh, Nguyễn Chí Thiện, Lê Trình, Văn Thợ Mộc, Phở Gián điệp, Tôn Thất Tàn... kẻ đứng người ngồi trong ráng chiều bằng bạc của một vùng rừng núi âm u bắt đầu ngả sang màu tím, tôi nhớ tới bức tranh nổi tiếng Những Người Tháng Chạp trong cảnh lưu đầy ở Sibir thời Sa hoàng.

Những bài thơ của Nguyễn Chí Thiện không hợp với tạng tôi. Thơ của anh trần trụi, bồ bã, nói thẳng vào vấn đề, mà tôi thì lại thích thơ gọi, thơ kích thích trí tưởng tượng, thứ thơ cho phép người đọc được tham

gia thêm vào cái đã có sẵn trong bài thơ, câu thơ, một chút tâm hồn mình. Nhưng cũng có bài của anh đọng lại trong trí nhớ:

*Không có chỗ trên con tàu Trái đất
Tôi là người hành khách bơ vơ.
Lỡ chuyến, làm ga, mất cấp, bây giờ
Tôi ủ rũ trên sàn toa lạnh ngắt,
Cái toa đen dành cho súc vật.*

hoặc:

*Người xưa ngẩng đầu nhìn trăng sáng
Rồi cúi đầu thương nhớ cố hương...
Còn tôi đây ngẩng đầu nhìn nhện chăng tơ vương
Rồi cúi đầu nhặt hạt cơm vương...*

Cao lệnh khênh giữa các bạn tù, Nguyễn Chí Thiện nhìn đời qua cặp kính trắng mà đằng sau chúng là cặp mắt lồi ngơ ngác. Bộ quần áo trại phát, dự tính cho người tù có chiều cao trung bình, quá cũn cỡn trên người anh, làm thò đôi cẳng chân khẳng khiu ra ngoài. Thiện không bao giờ đi dép, tứ thời anh diện đôi guốc mộc tự đẽo, làm anh cao thêm mấy phân nữa. Thiện không phải là người tù bướng bỉnh, chống đối bất cứ ai, vào bất cứ lúc nào. Anh còn thuộc loại hiền lành nữa là khác. Có vẻ lúc nào anh cũng ngơ ngác, cũng ngạc nhiên trước cuộc đời bụi bặm và ứ ế tạp. Anh ghê tởm nó, nhưng cũng không có ý định dọn dẹp nó hay sửa chữa nó. Nói tóm lại, anh chẳng gây sự với cán bộ trại giam. Nhưng đó là một người tù không thể bẻ gãy. Tinh thần bất khuất trong những người tù không biểu hiện ở thái độ ngang tàng mà ở thái độ bất cần, thái độ khinh mạn.

Có lần đi lao động về tôi thấy Nguyễn Chí Thiện đã bị khóa cánh tiên ngoài cổng trại. Trông anh như bộ xương người trong giờ học cách trí – lồng ngực ưỡn ra nhìn rõ từng rãnh sườn. Nhìn thấy tôi Thiện mặt đỏ gay còn cố mỉm cười thay lời chào.

Trình Hàng Vải thì thảo với tôi:

- Chúng nó bắt được mấy bài thơ của Thiện.

Những người tù số lẻ lạng lẽ đi ngang bạn mình đang bị hành hạ. Mặt họ đanh lại. Tôi nghĩ: chỉ cần nhìn thấy cảnh này chứ không cần nếm nó người dân cũng khó mà yêu được chế độ.

Kiều Duy Vĩnh đánh giá cao cái ngoại lệ mà người tù chống cộng đến cùng dành cho tôi:

- Thiện nó tin anh lắm đấy! Mà cũng trọng anh lắm đấy! Nếu không nó chẳng đọc thơ cho anh nghe đâu.

Tôi hiểu Kiều Duy Vĩnh quý tôi. Trong cái sự trọng tôi của Nguyễn Chí Thiện có ảnh hưởng tình cảm của Kiều Duy Vĩnh dành cho tôi. Nhưng không có Kiều Duy Vĩnh thì Nguyễn Chí Thiện cũng vẫn tin tôi không làm ăng-ten. Những người tù trí thức khác cũng tin như vậy.

Nguyễn Chí Thiện có trọng tôi hay không là chuyện không quan trọng. Trong tù tôi học được cách sống tự tại, mặc kệ người ta nghĩ về mình thế nào. Tôi mãi mãi vẫn là tôi, không phụ thuộc vào sự đánh giá của bất kỳ ai.

Vũ Thư Hiên

Trích trong Đêm Giữa Ban Ngày

Nguồn: Vũ Thư Hiên trên Facebook

Đôi Dòng Tiểu Sử - Nguyễn Chí Thiện: Nhà Thơ Đối Kháng

Nguyễn Chí Thiện sinh ngày 27 tháng 2 năm 1939 tại Hà Nội. Thân phụ ông, ông Nguyễn Công Phụng (1898-1976), làm lục sự Tòa Án Hà Nội. Thân mẫu ông, Bà Nguyễn Thị Yên (1900-1970) vừa là một người nội trợ truyền thống vừa là một nhà tiểu thương. Gia đình ông tản cư khỏi Hà Nội đến làng quê Mỹ Tho, Quận Bình Lục 4, Tỉnh Hà Nam, Miền Bắc Việt Nam vào ngày 19 tháng 12 năm 1946 và trở về Hà Nội năm 1949. Năm 1956, sau khi hoàn tất bậc Trung Học tại các trường tư thục, Thiện cùng thân phụ ông đến Hải phòng sống với người chị cả và gia đình. Mặc bệnh lao, Thiện tự học và bắt đầu làm thơ cùng bạn bè. Những bài thơ của ông va chạm càng ngày càng nghiêm trọng đến chế độ khi chính phủ Cộng sản đang đè nặng áp bức lên người dân và phát động chiến tranh chống Miền Nam Việt Nam. Nguyễn Chí Thiện là một tù nhân chính trị đã qua nhiều trại tù cải tạo và Khám Lớn Hỏa Lò của chế độ Cộng Sản hai mươi bảy năm, giữa 1961 và 1991. Trong thời gian tù tội, ông đã làm thơ bằng ký ức vì không được phép sử dụng giấy bút. Một thời gian ngắn sau khi được tha, ông chép lại những bài thơ này và ngày 16 tháng Bảy, 1979, mang bản viết tay dày 400 trang, “Hoa Địa Ngục,” đến Tòa Đại Sứ Anh. Ông bị từ chối tị nạn và bị bắt ngay trước cửa tòa đại sứ. Ông bị giam giữ mười hai năm, lần giam giữ này khắc nghiệt nhất trong các lần tù tội của ông.

Bản viết tay của ông được gửi đến Giáo Sư Patrick Honey (1925-2005), Đại Học Luân Đôn. Năm 1980, thơ ông được người Việt nam tị nạn tại Hoa Kỳ đăng tải trên nhiều báo chí và sách vở. Năm 1982, tổ chức Hành Động Cho Dân Chủ Việt Nam, “Quê Mẹ,” xuất bản Ngục Ca bằng Anh ngữ, Pháp ngữ, và Việt ngữ. Năm 1984, Huỳnh Sanh Thông trường Đại Học Yale dịch Hoa Địa Ngục ra Anh ngữ và tổ chức Lạc Việt xuất bản tập song ngữ. Năm 1985, Nguyễn Chí Thiện được Giải thưởng Thơ Quốc Tế tại Rotterdam. Lúc đó, người ta không biết ông còn sống, đã chết, hay đang bị giam cầm đâu đó - trong thực tế thì ông đang bị giam tại Khám Lớn Hỏa Lò Hà Nội từ năm 1979. Ông được đưa tới giữa rừng già năm 1985, gần chết vì đói và biệt giam.

Tổ chức Ân Xá Quốc Tế bắt đầu chiến dịch vận động viết thư vào đầu năm 1981, lúc tên của Nguyễn Chí Thiện đứng đầu danh sách của những Tù Nhân Lương Tâm tại miền Bắc Việt Nam. Năm 1988, sau khi nghe trình bày về việc bắt giữ ông năm 1979, Tổ chức Ân Xá Quốc Tế và Quan Sát Nhân Quyền phổ biến rộng rãi cảnh ngộ khốn khổ của ông. Chị của ông, bà Nguyễn Thị Hào (1924-2004) gửi ảnh của ông đến người tị nạn Việt nam ở hải ngoại yêu cầu giúp đỡ. Nhiều thư phản đối được gửi đến chính phủ Việt nam, Chủ tịch Leopold Senghor của Senegal, Vua Hussein của Jordan, và Thủ Tướng John Major của Anh Quốc. Năm 1990, Thiện được đưa đến trại tù Ba Sao và được chăm sóc thuốc men. Trong tháng mười năm 1991, ông được tha về dưới sự săn sóc của chị ông ở Hà Nội, ngay lúc trước cuộc thanh tra của Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế.

Nguyễn Chí Thiện di cư đến Hoa Kỳ ngày 1 tháng 11 năm 1995 với sự săn sóc tận tình của người anh ruột Nguyễn Công Giân (1932-), Trung Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, và cũng là cố vấn tại Hiệp Ước Hòa Bình Ba Lê năm 1972. Ông Giân là người độc nhất trong gia đình ông di cư vào Nam trong khoảng thời gian biên giới bỏ ngõ năm 1954-1955. Nguyễn Chí Thiện bị giam cầm mười ba năm sau



Với bà Jean Libby, người bạn thân đã giúp đỡ rất nhiều trong việc phổ biến Thơ Nguyễn Chí Thiện vào giòng chính Hoa Kỳ (Đại Học Yale). Hình chụp tại San Jose vào tháng 11 năm 2007.

năm 1975. Hoạt động đầu tiên của ông Thiện là viết lại và phổ biến những bài thơ ông đã sáng tác trong tù từ năm 1979 trong tập Hoa Địa Ngục thứ nhì. Những bài thơ này ông Nguyễn Ngọc Bích ở Virginia dịch ra và xuất bản trong những tập song ngữ năm 1996.

Trong năm 2005, Nguyễn Chí Thiện, tác giả nổi bật đầu tiên trong Kế Hoạch Văn Chương Việt Nam, đã viết “tự truyện” của ông bằng Anh ngữ (www.vietnamlit.org), và được xuất bản trong Beyond Words: Asian Writers on Their Works bởi Ban Báo Chí của Đại Học Hawai (Manoa Journal). Năm 2006, cơ quan East Coast USA Vietnamese Publishers Consortium xuất bản bằng Việt ngữ một tuyển tập toàn bộ 700 bài thơ Hoa Địa Ngục sáng tác từ năm 1957 đến năm 1996.

Năm 1998, Nguyễn Chí Thiện nhận Giải Thưởng Hội Nhà Văn Quốc Tế (International Parliament Of Writers Award), lưu lại tại Pháp ba năm và sáng tác Hỏa Lò Tập Truyện. Bảy câu chuyện của nhiều biến cố và nhân vật có thật bằng Việt ngữ đã được xuất bản năm 2001 tại Virginia và tái bản nhiều lần. Các bản dịch bằng Anh Ngữ đã được Cơ Quan Nghiên Cứu Đông Nam Á Châu, Đại Học Yale, xuất bản dưới nhan đề Câu Chuyện Hỏa Lò/ Hà nội Hilton năm 2007. Hai trong các câu chuyện này đã được Allies For Freedom Publishers tại Palo Alto, California xuất bản bằng song ngữ Anh-Việt năm 2008 dưới nhan đề Hai Truyện Tù- Two Prison Life Stories; Nguyễn Chí Thiện Prose Bilingual Text. ISBN 978-0-3638-6-5.

Nhà thơ, từ năm 2004, là một công dân Mỹ hiện cư ngụ tại Orange County, California. Vào đầu năm 2008, bản gốc viết tay của nhà thơ đã được những thân hữu người Việt tại Luân Đôn nhận được từ Giáo Sư Patrick Honey thuộc Đại Học Nghiên Cứu Phi Châu và Đông Phương trước khi ông qua đời năm 2005 hoàn lại. Bản viết tay nay bình an thuộc về sở hữu chủ của người sáng tác, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện.

Jean Libby, chủ bút

VietAm Review <http://www.vietamreview.net/>

November 2008

(Người dịch: Huỳnh Khuê)

Brief Biography of Nguyen Chi Thien, Vietnamese dissident poet

Nguyen Chi Thien was born in Hanoi on February 27, 1939. His father, Nguyen-Cong Phung (1898-1976), was a clerk in the Hanoi Tribunal. His mother: Nguyen-Thi Yen (1900-1970), was a traditional housewife and little merchant. The family fled war in Hanoi to their natal village My-Tho, in the district of 4 Binh-Luc, Ha-Nam Province, northern Viet Nam on December 19, 1946, and returned in 1949. In 1956, after completing high school at private academies (very common for the time), Thien and his parents moved to Haiphong to live with his elder sister and family. Ill with tuberculosis, Thien read his own education and began to compose poetry for his friends. These poems became more and more critical of the Communist regime as that government grew more repressive on its citizens and waged war on South Vietnam.

Nguyen Chi Thien was a political prisoner of the Communist regime in “re-education” prison camps and the Hanoi Central Prison for twenty-seven years between 1961 and 1991. During this time he composed poems in his memory, denied paper and pen. During a brief period of release Chi Thien wrote down and brought his manuscript of 400 poems, “Hoa Dia Nguc,” to the British Embassy in Hanoi on July 16, 1979. He was refused asylum and arrested outside the gate. He was imprisoned for a period of twelve years, the harshest of his incarceration.

The manuscript was sent to the University of London, in care of Professor Patrick Honey (1925 – 2005) In 1980 the poems were published in newspapers and books by Vietnamese exiles in the USA. In 1982 “Prison Songs” were published in English, French, and Vietnamese by Que Me (Action for Democracy in Vietnam). In 1984 “Hoa Dia Nguc” (Flowers from Hell) was translated into English by Huynh Sanh Thong of Yale University and a bilingual edition which re-established the Vietnamese Studies program (Lac Viet #1) published. In 1985 Nguyen Chi Thien received the International Poetry Award in Rotterdam. It was not known if he were alive or dead, or where he was imprisoned – in fact at the Hanoi Central Prison since 1979. He was moved to the interior jungle in 1985 and nearly died of starvation and solitary confinement.

Amnesty International began a letter-writing campaign as early as 1981, when the name of Nguyen Chi Thien headed their list of Prisoners of Conscience in North Vietnam. In 1988, after a hearing about his arrest in 1979, his plight was broadly publicized by Amnesty International and Human Rights Watch. His sister, Nguyen Thi Hao (1924 – 2004) sent his photograph to Vietnamese refugees abroad asking for help. Many letters of protest were sent to the Vietnamese government, including the President of Senegal Leopold Senghor (also a prison poet), King Hussein of Jordan, and Prime Minister John Major of the United Kingdom. By 1990 Thien was moved to the Ba Sao prison camp and given medical attention. In October 1991 he was released to the care of his sister in Hanoi, just ahead of inspection by the International Red Cross.

Nguyen Chi Thien immigrated to the USA on November 1, 1995, in the care of his brother, Nguyen Cong Gian (1932 -), who had been a Lieutenant Colonel in the South Vietnamese army and an adviser at the Paris Peace Accords in 1972. Mr. Gian was the only member of the family to migrate to South Vietnam in the 1954-1955 open border period. He was imprisoned for thirteen years after 1975. Mr. Thien's first action was to write down and publish the poems he composed in prison since 1979 in a second Hoa Dia Nguc. They were translated and published in bilingual editions by Nguyen Ngoc Bich of Virginia in 1996.

In 2005 Nguyen Chi Thien was the first featured author in the Viet Nam Literature Project, writing his "Autobiography" in English (www.vietnamlit.org), which has since been published in Beyond Words: Asian Writers on Their Work by the University of Hawaii Press (Manoa Journal). In 2006 a complete edition of the 700 "Hoa Dia Nguc" poems composed from 1957 to 1996 were published in Vietnamese by the East Coast USA Vietnamese Publishers Consortium.

Nguyen Chi Thien received an International Parliament of Writers Award in 1998, living in France for three years and writing in prose, Hoa Lo Tap Truyen. The seven stories of actual events and persons were published in Vietnamese in 2001 in Virginia and reprinted many times. English translations were published by Yale University Southeast Asia Studies as the Hoa Lo / Hanoi Hilton Stories in 2007. Two of these stories are published in bilingual English and Vietnamese text by Allies for Freedom publishers of Palo Alto, California, in 2008, entitled Hai Truyen Tu – Two Prison Life Stories; Nguyen Chi Thien's prose in bilingual text. ISBN 978-0-3638-6-5.

The poet is, since 2004, a U.S. citizen, living in Orange County, California. In early 2008 his original manuscript was returned by the widow of Professor Patrick Honey of the University of London, who gave it to a Vietnamese professor in Britain for this purpose.

The manuscript is now deeded to Yale University by Nguyen Cong Gian (October 2013)

Jean Libby, editor

VietAm Review <http://www.vietamreview.net/>

November 2008



Nguyễn Chí Thiện, những ngày miệt mài tranh đấu

Những hình trong trang này đã được chụp tại Úc Châu



Sau 17 năm miệt mài tranh đấu tại Hải Ngoại và canh cánh mong chờ một chế độ Tự Do cho quê hương ..



Trên: Những người bạn thân nhất của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện gặp gỡ trong đám tang: từ trái: Bà Jean Libby, chị Nhàn San Francisco, chị Hạnh và phu quân, từ phải: Nhạc sĩ Hồ Văn Sinh, người đứng sau ông Nguyễn Công Giân (anh ông Thiện)
Bên trái: Đưa tiền tro cốt nhà thơ ra nơi an nghỉ cuối cùng.



Trên: Đưa Nguyễn Chí Thiện đến nơi an nghỉ cuối cùng tại nhà thờ kiếng Garden Grove, California
Trái: nhạc sĩ Hồ Văn Sinh, ông bà Nguyễn Công Giân, anh và chị dâu của Nguyễn Chí Thiện, nhà văn Huy Phương



Trên: Nơi an nghỉ cuối cùng của Nhà Thơ Nguyễn Chí Thiện tại Nhà Thờ Kiếng, Garden Grove, California.

Bên phải: Bút Vàng Đỗ Thị Thuần tiễn Nhà Thơ Nguyễn Chí Thiện lần cuối



Một năm sau ngày Nguyễn Chí Thiện qua đời, nhà văn Trần Phong Vũ ra mắt cuốn sách NGUYỄN CHÍ THIỆN, TRÁI TIM HỒNG

Tác giả Hoa Địa Ngục qua đời

Ngọc Lan, thông tin viên RFA

2012-10-02

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, tác giả tập thơ nổi tiếng Hoa Địa Ngục, vừa qua đời lúc 7 giờ 17 phút sáng Thứ Ba, 2 tháng 10, 2012, tại một bệnh viện ở thành phố Santa Ana, quận Cam, California, thọ 73 tuổi.

Ông Nguyễn Chí Thiện sinh năm 1939 tại Hà Nội. Ông bị tù cộng sản tổng cộng 27 năm. Lần ra khỏi tù sau cùng của ông là ngày 28 Tháng Mười 1991.

Năm 1979, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện mang tập thơ tới Tòa Đại Sứ Anh tại Hà Nội xin tị nạn chính trị. Nhưng viên chức tòa đại sứ chỉ nhận tập thơ để chuyển ra ngoại quốc. Kèm trong tập thơ 400 trang viết tay này là lá thư mở đầu với lời ngỏ:

“Nhân danh hàng triệu nạn nhân vô tội của chế độ độc tài, đã ngã gục hay còn đang phải chịu đựng một cái chết dần mòn và đau đớn trong gông cùm cộng sản, tôi xin ông vui lòng cho phổ biến những bài thơ này trên mảnh đất tự do của quý quốc. Đó là kết quả 20 năm làm việc của tôi, phần lớn được sáng tác trong những năm tôi bị giam cầm.”

Vào năm 1980, “Ủy Ban Tranh Đấu cho Tù Nhân Chính Trị tại Việt Nam” xuất bản tập thơ mang tựa đề “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” mà tác giả được ghi là là “Ngục sĩ” hay khuyết danh. Ít tuần lễ sau, tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong đưa ra một ấn bản cùng một nội dung nhưng với tựa đề “Bản Chúc Thư Của Một Người Việt Nam”.

Tựa đề tập thơ Hoa Địa Ngục có từ khi Yale Center for International & Area Studies ấn hành bản Anh ngữ Flowers From Hell do ông Huỳnh Sanh Thông dịch. Sau người ta mới biết tác giả tập thơ là Nguyễn Chí Thiện.

Nhà thơ đã bị công an Việt Nam bắt giữ ngay sau khi ra khỏi tòa đại sứ. Nhờ sự can thiệp đặc biệt của nhiều nhân vật quốc tế, ông đã được chế độ Hà Nội thả cho đi Mỹ định cư Tháng Giêng 1995.



Nhà văn Trần Phong Vũ

Thông tin viên Ngọc Lan của đài Á Châu Tự Do đã có cuộc phỏng vấn nhà văn Trần Phong Vũ, người kề cận, chăm sóc nhà thơ Nguyễn Chí Thiện trong những ngày ở bệnh viện, về sự ra đi của nhà thơ.

Ngọc Lan: Được biết nhà văn Trần Phong Vũ là người đã ở bên cạnh nhà thơ Nguyễn Chí Thiện trong những ngày vừa qua, xin chú cho biết về tình trạng hiện tại của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện.

Nhà văn Trần Phong Vũ: Tôi rất lấy làm đau buồn để thừa rằng giây phút này thì người bạn

của cộng đồng Việt Nam tị nạn, người bạn riêng của cá nhân tôi cũng như một số anh em quý mến, anh Nguyễn Chí Thiện đã ra đi thực sự vào lúc 17 giờ 17 phút sáng hôm nay. Cá nhân tôi sau khi trao đổi với bác sĩ mấy lời trước khi vội vã ra xe chạy lên đây nhưng tôi vẫn không kịp gặp anh lần cuối. Nhưng anh vẫn còn mở mắt. Tôi đưa tay vuốt mắt anh thì anh khép mắt lại. Đây là niềm đau chung cho tất cả mọi người. Đó là điều chúng tôi muốn được thông báo đến tất cả quý vị thính giả, đặc biệt đến những anh em từng có quen biết với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện.

Ngọc Lan: Là người ở bên cạnh nhà thơ Nguyễn Chí Thiện trong những ngày cuối đời của ông, xin chú tóm tắt lại diễn biến tình trạng sức khỏe cũng như những ý nguyện của nhà thơ trong thời gian vừa rồi.

Nhà văn Trần Phong Vũ: Thực sự nhà thơ Nguyễn Chí Thiện là một người rất gan dạ, can trường về nhiều mặt, ngay cả cái chết đối với anh cũng coi thường. Ở anh có một sự quyết liệt,

kể cả sự quyết liệt trong những ngày cuối. Khi mà Thứ Tư tuần vừa qua khi anh được đưa vào cấp cứu ở trong này, thì anh gọi tôi vào và nhắc nhở với tôi vài điều là anh muốn được theo về với đạo Công Giáo. Anh nhắc tới cha Nguyễn Văn Lý là người đã dạy cho anh rất nhiều những bài học về giáo lý. Về người mà anh kính phục nhất là cha Chính Vinh là một linh mục đã bị chết ở trong nhà tù Cống Trôi. Anh cũng nhắc tới người bạn thân thiết của anh là anh Kiều Duy Vĩnh, người cùng ở tù với anh một thời gian, cũng là người đi trước anh theo về với niềm tin Công Giáo. Tâm nguyện của anh đã được thực hiện khi mà cách đây mấy ngày, theo yêu cầu của anh, Linh Mục Cao Phương Kỷ, linh hướng của Diễn Đàn Giáo Dân, đã tới để cử hành nghi thức bí tích cho anh và xức dầu lần cuối cho anh.



Linh Mục Nguyễn Văn Lý bị công an cộng sản Việt Nam bịt miệng tại tòa án

Ngọc Lan: Là một người bạn của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, chú có suy nghĩ như thế nào về con người nhà thơ Nguyễn Chí Thiện?

Trần Phong Vũ: Những suy nghĩ của tôi về Nguyễn Chí Thiện có lẽ đã gói ghém đầy đủ trong hai bài tôi viết vào những giây phút, những năm tháng mà anh bị người ta dùng những lời lẽ để mạt sát, miệt thị anh, tôi đã thẳng thắn trình bày những suy nghĩ của tôi rồi. Riêng trong giây phút này, tôi chỉ muốn nói một điều thôi: anh tên Nguyễn Chí Thiện, tôi nghĩ anh đã không hổ với song thân anh khi các ngài đã đặt cái tên đó cho anh. Anh là người chí thiện. Sáng hôm nay, tôi có nhắc lại điều này trước các bạn hữu của tôi và nói rằng: xin anh nếu hồn thiêng của anh còn phảng phất đâu đó và được Thiên Chúa đưa về với Người thì xin anh dạy cho chúng tôi bài học sống lương thiện như anh, sống ngay thẳng tròn đầy như anh với con người bởi vì anh đã sống trọn vẹn cái ân tình của người yêu thương trọn đời.

DUYÊN KỲ NGỘ NƠI MIỀN NGÔN NGỮ CỦA GOETHE

Diễn giả Bùi Hạnh Nghi

Kính thưa Ban Tổ chức
Kính thưa các bác, các anh chị

Lời đầu tiên tôi xin kính chào toàn thể quý vị nơi đây và quý khán giả đang xem chương trình này trên các đài truyền hình. Xin cảm ơn Ban Tổ chức đã có nhã ý mời tôi tham dự Lễ Giỗ Đầu của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện (NCT) và tạo cơ hội cho tôi chia sẻ cùng quý vị cơ duyên nào, duyên cớ nào đã thúc đẩy tôi dịch thơ NCT ra Đức ngữ để giới thiệu với quần chúng Đức và vợ chồng tôi đã có liên hệ nào, kỷ niệm nào với nhà thơ.

Tôi đã yêu thơ NCT khi còn chưa biết ông là tác giả của những bài thơ tôi yêu thích. Năm 1987 tôi tình cờ thấy tại nhà một người bạn "Bản Chúc Thư của một người Việt Nam" do Vivo tái bản và phát hành tại Hoa Kỳ năm 1981. Điều làm tôi ngạc nhiên là trên trang bìa không đề tên tác giả. Nhưng vốn yêu thơ và bị kích thích bởi tiêu đề hơi lạ "Bản Chúc Thư của một người Việt Nam" nên tôi mượn bạn mang về nhà đọc ngay. Mở đầu tác phẩm là bài trường thi "Đồng lầy". Tôi đã đọc một hơi hết bài thơ dài gần 500 câu này và tôi đã bị chấn động mãnh liệt bởi nội dung bi hùng và phẩm chất thi ca. Và tôi đã hứng thú đọc hết tác phẩm. Dầu chưa biết tác giả là ai, tôi vẫn hân hoan vì một sự tình cờ đã dun dùi tôi tự khám phá cho mình một thiên tài vừa là anh hùng chống cộng và là thi nhân tuyệt vời.



Bùi Hạnh Nghi và Nguyễn Chí Thiện

Anh hùng chống cộng

Điều đầu tiên gây hứng thú cho tôi là nội dung chống cộng của tập thơ. Càng đọc tôi càng có cảm tưởng đã may mắn gặp một chứng nhân vẽ lên được một cách tường tận, đầy đủ hơn ai hết bức tranh toàn cảnh về tính chất bạo tàn của chế độ mà chính tôi đã chứng kiến và trải nghiệm phần nào trong thời niên thiếu lúc còn sống ở quê tôi Hà Tĩnh là nơi chính quyền cộng sản thống trị từ năm 1945. Tôi đã từng là nạn nhân của sự khủng bố tinh thần, bị ép buộc phải học thuộc lòng để lập lại như vẹt những luận điệu tuyên truyền, đã sống những tháng ngày ngột thở đắm chìm trong sợ hãi âu lo, đã khiếp hãi trước uy quyền của Đảng và của các đảng viên càng ngu dốt càng hống hách luôn sẵn sàng ghép những ai có chút đầu óc vào thành phần phản động. Tôi đã đau lòng trước cảnh bà con bạn bè rình rập theo dõi tố cáo lẫn nhau. Và tôi sẽ không bao giờ quên những màn đấu tố cải cách ruộng đất rung rợn, những phiên tòa xét xử địa chủ mà con sen, thằng ở là chánh án, con cái là nhân chứng tố cáo cha mẹ và bản án tử hình đã được định sẵn, huyết đã được đào sẵn bên cạnh đấu trường trước khi bắt đầu phiên xử.

Cuộc sống thường nhật trong lao tù đã được NCT ghi lại bằng những hoạt cảnh vừa linh động vừa thương tâm, nói lên sự thật đau lòng là chế độ lao tù tàn bạo bắt nhân không những đày ải con người vào kiếp ngựa trâu mà còn làm con người mất hết cả nhân tính. Làm què quặt tâm hồn độc hại gấp trăm lần hành hạ thể xác.

Ngoài những nhà tù chính hiệu, NCT còn phác họa cái nhà tù khổng lồ bao trùm trọn miền Bắc Việt Nam (và như ta biết sau 1975 miền Nam cũng đã trở thành nhà tù bao la rập theo khuôn mẫu miền Bắc). Như người thợ nhiếp ảnh tài tình, NCT đã thu trọn vào ống kính bức tranh âm đạm của một xã hội ngột thở đắm chìm trong thấp thòm lo sợ. Chính sách bỏ tù cả dân tộc đã được áp dụng một cách triệt để trong hai lãnh vực : Tận diệt quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và dùng miếng ăn để nô lệ hóa. Mục tiêu của chính quyền Cộng sản vừa nhằm vô hiệu hóa đối lập, tiêu diệt mọi mầm móng chống đối từ lúc chưa phôi thai, vừa để bung bít tội ác trước dư luận, khoác lên nền chuyên chế một lớp áo tuyên truyền lừa bịp, đeo cho hỏa ngục chiếc mặt nạ khả ái của thiên đường.

Thi nhân tuyệt vời

Nội dung chống cộng của NCT mà tôi tâm đắc mới chỉ là một khía cạnh. Điều làm tôi thích thú hơn và thán phục tột đỉnh là phẩm chất thi ca và tính chất độc đáo của hình thức diễn đạt mà tôi không, tôi chưa tìm thấy trên văn thơ đấu tranh của một tác giả nào khác (xin quý vị thứ lỗi cho lời khẳng định rất chủ quan này).

Thật vậy, đặc sắc của NCT không chỉ nằm trong địa hạt tố giác tội ác của cộng sản. NCT còn làm cho tôi báỉ phục hơn vì tài nghệ siêu cường trong địa hạt thi ca. Với tài nghệ đó ông đã cống hiến cho ta một tác phẩm mà văn học sử nước nhà sẽ mãi mãi lưu danh. Và trên trận tuyến chống bạo quyền, thi phẩm tuyệt vời của ông đã trở thành một hệ thống vũ khí vô cùng sắc bén. Thơ NCT không phải là một tác phẩm đấu tranh có tác dụng nhất thời mà mãi mãi sẽ là tiếng nói của con người muôn thuở.

Hủy diệt tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, là đặc điểm của tất cả mọi thứ độc tài kim cổ và xưa nay đã có vô số người tố cáo. Nhưng bút pháp thần tình của NCT làm cho độc giả có cảm giác như sờ mó được cái độc hại, cái nguy hiểm của quái vật độc tài mà nhanh vuốt là thủ đoạn "bỏ tù tiếng nói" và dùng miếng ăn như một thứ xích xiềng để nô lệ hóa.

Thoát thai từ một thực tế phũ phàng cay đắng, toàn bộ thơ NCT đã lấy thực tế đó làm đề tài duy nhất, nhưng lời diễn tả thì thiên hình vạn trạng nhờ vào bút pháp phong phú linh động, chuyển biến theo từng cảnh ngộ trong cuộc sống và theo từng nhịp đập của con tim. Thơ NCT khi tả người và sự việc thì vẽ nên những bức tranh đậm nét chấn động não cân người đọc, khi than van thì khơi dậy niềm thương cảm xót xa vô hạn, khi buộc tội lên án thì tạo được niềm căm phẫn sục sôi, khi cổ vũ kêu gọi thì lời văn hùng hồn có một sức thu hút mãnh liệt. Toàn bộ tập thơ tạo thành một bản đại hòa tấu bi hùng tràn đầy máu lệ mà cũng hùng hực chí khí quật cường.

NCT đã có công tạo những danh từ, những hình ảnh để phơi bày bằng nét bút sắc và đậm bộ mặt đa dạng của bạo lực. Ngôn ngữ của NCT đã có tác dụng của những quang tuyến diệu kỳ, của những "chiếu yêu kính" khiến cho hồ ly phải hiện nguyên hình và những nguy trang lừa bịp không còn hiệu nghiệm. NCT vừa tố cáo tội ác trước công luận một cách hùng hồn vừa làm phong phú kho tàng ngôn ngữ chúng ta.

Lời diễn tả thần diệu của ông khi nói về tội trạng của chế độ, khi vẽ lên cảnh tù đầy, đói khổ, bệnh hoạn hoặc niềm khao khát vô vọng của những kẻ "không còn gan nghĩ tới tương lai" đã là một minh chứng cho câu nói bất hủ của thi hào Musset: "Lời ca tuyệt vọng nhất cũng là lời ca tuyệt vời nhất" (Les plus désespérés sont les chants les plus beaux).

Đáp ứng lời kêu gọi của NCT

Tinh thần chống cộng và tuyệt bút thi ca của NCT là hai điều làm tôi say mê nhưng vẫn chưa phải là động cơ chính thôi thúc tôi dịch thơ NCT để giới thiệu với quần chúng Đức. Động cơ chính là tôi muốn đáp ứng một lời kêu gọi, một thông điệp mà NCT đã gửi đến tất cả những người được may mắn đọc ông, đó là: phổ biến thơ ông thật rộng rãi để thế giới bên ngoài biết thêm sự thật về Cộng Sản Việt Nam. Khi trao tác phẩm của ông cho nhà ngoại giao Anh quốc tại Hà Nội, NCT đã kèm thêm bức thư ngắn trong đó có câu: „Tôi nghĩ rằng, hơn ai hết, chúng tôi – những nạn nhân – có nhiệm vụ phơi bày cho thế giới thấy những khổ nhục không ai tưởng tượng nổi của dân tộc“. Đọc lời tâm huyết này tôi đã nghe vang lên trong tâm tư lời mời gọi nhận lãnh sứ mạng thay ông gánh vác phần nào nhiệm vụ phơi bày cho thế giới thấy những khổ nhục không ai tưởng tượng nổi của dân tộc. Rồi khi đọc đến câu cũng trong thư ấy: „Cuộc đời tàn tạ của tôi chỉ còn lại một niềm ước mơ duy nhất là được thấy thật nhiều người nhận thức rằng Cộng Sản là hiểm họa của nhân loại“ tôi lại muốn góp phần giúp NCT đạt được phần nào ước mơ „duy nhất“ đó.

Qua mấy chục năm giam hãm tù đầy, khi mọi liên lạc với bên ngoài hoàn toàn bị gián đoạn, NCT vẫn hằng ấp ủ trong lòng hoài bão nối được nhịp cầu với đồng hương bên kia song sắt nhà tù và với tất cả những người yêu chuộng tự do khắp năm châu bốn bể, để những sự thật ông phơi bày, những tâm sự ông thổ lộ và những lời kêu than thống thiết mà ông phải "dùng tuổi thọ" để viết ra vượt mọi ngăn cách không gian,

vượt mọi hàng rào ngôn ngữ đến với độc giả càng nhiều càng tốt. NCT chỉ mong thơ ông được "tự do như gió/ bay khắp địa cầu kêu cứu nhân gian/ trừ Cộng Sản".

Phổ biến thơ NCT là một nhiệm vụ thiêng liêng và dịch thơ NCT là để khiêm tốn góp phần vào việc thực hiện hoài bão soi sáng dư luận quốc tế mà ông hằng ôm ấp. Việc này càng trở nên cần thiết đối với tôi vì thời gian sau khi thơ NCT phổ biến tại hải ngoại tôi đọc được một số hồi ký của nhiều nạn nhân của chế độ sau khi rời khỏi nước đã tố cáo chính sách bạo tàn của chế độ khiến tôi lại càng bị thôi thúc phổ biến “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” vì thơ NCT chứa đựng một bức tranh toàn cảnh, một bản cáo trạng hùng hồn đanh thép nhất và một hệ thống vũ khí ngôn ngữ sắc bén nhất từ trước đến nay về thảm họa cộng sản Việt Nam.

Dịch đã tốn nhiều thời gian và công sức, xuất bản lại càng khó khăn hơn. Có thể tự xuất bản và tự phát hành nhưng sách sẽ không được phổ biến rộng rãi, nghĩa là chỉ đến tay một số rất ít độc giả. Vì thế chúng tôi quyết định phải tìm cho được một nhà xuất bản Đức để có một hệ thống phát hành đi sâu vào thị trường sách tại Đức. Nhưng hỏi đến chỗ nào cũng chỉ nhận được trả lời: việc chọn tác phẩm để xuất bản thường không căn cứ vào tác phẩm hay hoặc dở mà chỉ căn cứ vào tên tuổi của các tác giả. Còn NCT là một tác giả ngoại quốc chưa ai biết đến tại Đức, xuất bản tác phẩm của ông dầu hay đến mấy cũng là một bấp bênh, một rủi ro thương mại. Sau một thời gian vất vả tìm kiếm tôi đã tìm được nhà xuất bản R. G. Fischer nhận xuất bản với điều kiện tôi phải trả 9.000 DM lệ phí. Một số tiền khá lớn đối với chúng tôi lúc đó, lại còn thêm điều lệ rất khắt khe về tiền trả cho dịch giả từ số sách bán được. Nhưng chúng tôi vẫn bấm bụng chấp nhận. Kết quả là sách đã được phổ biến rộng rãi và đã được báo chí và truyền thông chú ý.

Sự đón nhận dịch phẩm “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” tại Đức và Áo

Bây giờ tôi xin được phép kể lại cùng quý vị sự đón nhận dịch phẩm “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” tại Đức và tại Áo vì Áo cũng là vùng nói tiếng Đức. Xuất bản song ngữ lần đầu mùa hè 1989 500 cuốn, 100 cuốn dành tặng truyền thông báo chí và giới thiệu với các tiệm sách. Một số độc giả người Đức trực tiếp mua, một số đồng hương mua để tặng bạn bè Đức. Sau hai năm rưỡi sách bán hết và tái bản năm 1992.

Sau ngày xuất hiện trên thị trường, sách được một số báo chí đưa vào mục điểm sách. Thịnh thoảng vài bài thơ được chọn đăng vào một số tuyển tập thi ca Đức ngữ, gần đây nhất là năm 2011, nghĩa là hơn hai mươi năm sau ngày xuất bản.

Một trong các bài điểm sách đáng kể là bài bình luận của nhà văn Hans Christoph Buch ở Berlin, đăng ngày 1 tháng 9 trên tuần báo Die Zeit (Được biết cựu thủ tướng Đức Helmut Schmidt từng là đồng chủ nhiệm của tuần báo này). Hans Christoph Buch đã giới thiệu tường tận tiểu sử NCT với mấy chục năm tù đầy và quả quyết rằng cuộc đời đầy đau thương của NCT là biểu tượng cho con đường khổ nhục mà dân tộc ông đang phải trải qua. Hans Christoph Buch chọn đăng ba bài thơ của NCT trong bài bình luận của ông, đặc biệt là bài “Con tàu rêu” mà ông cho là có âm hưởng bài thơ tuyệt tác “Le Bateau Ivre” của Rimbaud và gợi lại cảnh nổi trôi trên biển cả của các thuyền nhân Việt Nam. Kết thúc bài bình luận ông viết: “Các sinh viên Trung quốc đã đặt tượng đài Tự Do tại quảng trường Thiên An Môn. Tượng đài ấy không thể bị nghiền nát bởi xe tăng và sẽ không mãi mãi bị cùm kẹp trong chốn lao tù. Thi ca NCT là bằng chứng sống cho chân lý đó”. Để chúng ta đánh giá đúng mức lời nhận định này nên biết rằng Hans Christoph Buch thuộc thế hệ 1968 tại Đức đã nhiều lần hăm hở xuống đường hò hét chống Mỹ và không ngớt gào thét điệp khúc “Ho Ho Ho Tchi Minh, Ho Ho Ho Tchi Minh”. Một nhà văn có quá khứ lầm lạc như vậy mà nay viết lên được nhận định sáng suốt kia chứng tỏ mình đã tỉnh ngộ và xoay chuyển lập trường chính trị 180 độ.

Một nhà văn khác đã viết bài bình luận rất đặc sắc về thơ NCT, đó là Erich Wolfgang Skwara, người gốc Áo và hiện đang là giáo sư văn chương Đức tại đại học San Diego. Tôi gặp văn sĩ Skwara trong kỳ Đại Hội Văn Bút Quốc Tế năm 1990 tại Madeira, Bồ Đào Nha. Hình như ông đã đọc đâu đó một vài bài điểm sách “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” nên trong khi trò chuyện ông đã hỏi tôi cặn kẽ về dịch phẩm. Và tôi đã

tặng ông một cuốn theo phép xã giao giữa bạn văn với nhau. Phản ứng của ông ngoài sức tưởng tượng. Ông đã viết một bài dài ca ngợi thi ca NCT mà ông gọi là “đại thi hào” và đồng ý cho tôi in bài này vào dịch phẩm lúc tái bản. Đúng ra phải đọc hết bài của Skwara để quý vị thưởng thức nhưng thời giờ eo hẹp tôi chỉ xin trích dẫn vài câu tiêu biểu. Skwara viết:

... Tôi đã đến Madeira để gặp nhà thơ NCT, một đại thi hào Việt Nam... Gặp, có nghĩa là tôi đã được biết ông qua một trong những sứ giả của ông, ông Bùi Hạnh Nghi, người đã dịch thơ ông ra Đức ngữ. Bùi Hạnh Nghi đã đến Madeira và đã tặng tôi tập thơ “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” sắp được tái bản.

... Sau khi đón nhận tập thơ tôi đã ở miết trong phòng đọc một hơi từ đầu chí cuối ... Và càng đọc tôi càng nhận rõ rằng tôi đã được biết thêm một nhà thơ mà tôi đặt ngang hàng với các thần tượng thi ca của tôi như Rimbaud và Trakl, như Benn và Hoelderlin, nghĩa là với những nhà thơ tuyệt vời nhất của chúng ta, của tôi, của mọi người.

... Lâu nay, mỗi lần nói đến Việt Nam là chúng ta liên tưởng ngay đến Mỹ hoặc Pháp. Từ nay hai chữ Việt Nam chỉ còn nhắc tôi nhớ đến một nền văn chương sán lạn và nhớ đến nhà thơ NCT. Không gì tốt đẹp bằng được dịp tìm hiểu một dân tộc qua một thi hào của dân tộc này. Chuyến đi Madeira của tôi đã trở thành một chuyến du lịch Việt Nam.

... Từ ngày “gặp” NCT tôi đã nhiều lần giở tập thơ ra đọc lại. Những dòng thơ đầy tình thương trong thơ NCT đã mang lại cho tôi nhiều thú vị. Tình thương trong thơ NCT đã chọc thủng tường thành tù ngục và đã vượt mọi chướng ngại của đồng lầy để đến với chúng ta ở Đức, ở Cali, ở Madeira hay bất cứ nơi nào khác.

... Sau khi đọc NCT, tất nhiên người ta sẽ lên án chủ nghĩa cộng sản và chính sách ngu xuẩn bạo ngược của chúng một cách gắt gao hơn ... Chúng là biểu tượng cho những sự trật đường rầy của lịch sử và trí tuệ. Nhưng những lầm lạc ấy làm sao thắng được một đại thi hào, bất quá chúng chỉ có thể bắt nhà thơ chịu giam cầm đầy đọa mà thôi.

Văn Bút Đức và NCT

Trong một kỳ Đại hội Văn Bút Quốc Tế tôi đã tặng nhà văn Heidenreich lúc đó là chủ tịch Văn Bút Đức dịch phẩm “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực”. Ngay ngày hôm sau ông tìm gặp tôi để cho biết cảm tưởng tốt đẹp về cuốn sách và bày tỏ tình liên đới với người đồng nghiệp NCT bị đầy đọa, đồng thời ông mời tôi gia nhập Văn Bút Đức. Từ đó ông luôn hỏi thăm tin tức NCT và tìm hiểu thêm về sự nghiệp về vang của nhà thơ (nhất là các giải thưởng quốc tế) cho đến một ngày ông cho biết Văn Bút Đức muốn nhận NCT làm hội viên danh dự và nhờ tôi thông báo cho nhà thơ. Thông thường Trung Tâm Văn Bút của các nước không tự động nhận hội viên danh dự mà phải do sự giới thiệu và yêu cầu của hội viên. Trường hợp NCT là một luật trừ vinh dự. Sau ngày NCT ra khỏi tù và xuất ngoại Văn Bút Đức đã nhờ tôi chuyển lời mời ông đến tham dự đại hội thường niên tại Heidelberg. Bên cạnh những cuộc tiếp xúc và phỏng vấn riêng, Văn Bút Đức đã tổ chức hai buổi sinh hoạt đặc biệt để đón tiếp xứng đáng hội viên danh dự của mình ngày càng được nổi danh tại Đức và trên trường quốc tế: Một là buổi phát biểu của NCT trước khoáng đại hội nghị với sự hiện diện của mấy trăm văn sĩ Đức và của truyền thông và hai là buổi đọc thơ vào buổi tối bên lề các cuộc hội chính thức. Thường chỉ đọc thơ văn tiếng Đức trong giờ sinh hoạt này nhưng hôm ấy ban tổ chức đã ưu ái mời NCT đọc thơ mình bằng tiếng Việt và tôi đọc lên bản dịch tiếng Đức khiến khán thính giả vừa người Đức vừa người Việt rất hoan nghênh. Ngay sau kỳ đại hội này NCT đã được đài phát thanh Cologne phỏng vấn và phát thanh bài phỏng vấn này.

Vài sự việc đáng nhớ

Còn nhiều điều đáng kể về sự đón nhận thơ NCT tại Đức và Áo, nhưng thời giờ không cho phép nên tôi chỉ xin tóm tắt mấy sự việc sau đây:

* Hàng năm Bộ Giáo dục tiểu bang Bayern (Bavaria) xuất bản một thư mục “Sách hay cho học đường” gồm các sách xuất bản trong năm qua mà Hội Đồng Tuyển Chọn của Bộ (gồm 30 giáo sư) cho là đáng đưa vào thư viện các trường trung học tại Bayern. Năm 1990 “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” được đưa vào thư mục với lời giới thiệu: Tác giả NCT sinh năm 1939. Ông bị chính quyền Cộng Sản Bắc Việt bỏ tù năm 25 tuổi và cho đến nay cuộc đời tù tội đã kéo dài trên 25 năm. Những bài thơ ông sáng tác trong tù được ông lưu giữ trong ký ức và đã được viết ra những thời gian ngắn ông được tạm tha.

* Năm 1995 một nhạc sĩ người Áo, ông Günter Mattisch, đã làm 1 Album gồm 2 CD, 1 trong hai CD này dành riêng cho 14 bài thơ Đức ngữ của NCT do chính ông phổ nhạc và đã cho lưu hành trên thị trường âm nhạc Áo. Trên bìa của CD này có ghi đầy đủ tiêu đề của cả 14 bài thơ. Khi ông xin phép phổ nhạc thơ NCT tôi vô cùng ngạc nhiên và vui mừng đồng ý ngay. Sau khi phát hành ông có gửi tặng tôi 1 Album và từ đó đến nay tôi không còn nhận được tin tức gì của ông nên cũng không biết quần chúng âm nhạc Áo đã đón nhận CD này ra sao.

* Hằng năm Hiệp Hội các nhà Xuất Bản Đức và Văn Bút Đức tổ chức “Ngày Văn Nghệ Sĩ bị cầm tù” tại Frankfurt với sự yểm trợ của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang Hessen. Trọng tâm của ngày này là buổi sinh hoạt dành cho một số nhà văn đã từng bị khủng bố hoặc tù đầy được mời tới giới thiệu và trình đọc tác phẩm của mình. Có lần tôi cũng đã được mời tới nói chuyện về NCT và trình đọc thơ ông. Đài truyền hình của tiểu bang Hessen đã làm một thiên phóng sự về buổi đọc thơ này và đã phát hình ngay hôm đó.

* Tại Đại Hội Văn Bút Quốc tế năm 1991 ở Vienna, trong một buổi hội thảo thơ văn mệnh danh là “Hội ngộ, trình đọc và ứng khẩu”, một số văn thi sĩ, trong đó có Joseph Brodsky, người Hoa Kỳ gốc Nga giải Nobel Văn chương 1987, được mời tới trình bày tác phẩm hay dịch phẩm của mình. Hân hạnh cho NCT là tôi cũng được mời tới nói chuyện về con người và thi ca của ông trong buổi sinh hoạt văn chương quốc tế về vang này.

* Nhìn chung tôi rất mãn nguyện vì sự đón nhận “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” tại Đức và Áo đã vượt quá sự chờ đợi của vợ chồng tôi. Cả hai điều chúng tôi ước mong đã được thực hiện là cho thế giới bên ngoài biết thêm về cộng sản Việt Nam và biết đánh giá đúng mức phẩm chất thi ca của nhà thơ mà Giáo sư Skwara trên đây đã xưng tụng là đại thi hào quốc tế .

Kỷ niệm với NCT

Bây giờ xin trình bày đôi điều về kỷ niệm của vợ chồng tôi với NCT.

* Khi xuất bản và tái bản “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” tại Đức nhà thơ còn ở trong tù nên chúng tôi không thể liên lạc được với ông. Phải chờ đến khi khi NCT ra khỏi tù, tôi mới có dịp gặp gỡ ông trên thư từ qua một người cháu gái của ông tên Phương ở Berlin. Cháu Phương trước đây qua lao động ở Đông Đức, sau ngày nước Đức thống nhất cháu và chồng con xin tị nạn để khỏi về Việt Nam nhưng không được chấp thuận. Theo lời khuyên của cậu Thiện cháu Phương gửi thư xin Văn Bút Quốc Tế can thiệp dùm (Sau này mấy lần gặp NCT tôi đã quên hỏi nhờ đâu mà ở trong nước ông đã biết được Văn Bút Quốc Tế để khuyên cháu liên lạc). Văn Bút Quốc Tế chuyển sự việc cho Văn Bút Đức vì biết NCT là hội viên danh dự của Văn Bút Đức và cháu Phương sinh sống tại Berlin. Văn Bút Đức một mặt can thiệp với cơ quan có thẩm quyền tại Berlin để xin cho cháu Phương được tị nạn, một mặt nhờ vợ chồng tôi làm trung gian liên lạc với cháu và qua cháu với NCT . Vậy là nhờ cháu Phương mà chúng tôi đã có một đường giây an toàn để gửi thư và tiền về biểu NCT. Không thể tả hết nỗi xúc động của tôi lúc nhận lá thư hồi âm đầu tiên của nhà thơ. Thư viết tay với nét chữ y hệt như chữ trong lá thư gửi nhà ngoại giao Anh quốc. Cũng qua đường giây của cháu Phương tôi gửi về NCT dịch phẩm song ngữ “Tiếng Vọng Từ Đáy Vực” vừa tái bản. Trong thư cảm ơn NCT cho biết ông rất xúc động về bài giới thiệu của tôi và nhất là về bài bình luận của nhà văn Skwara.

Ông viết: “Tôi thật không ngờ một người sống ở hải ngoại lâu năm như anh mà còn biết tường tận về cộng sản trong nước như vậy. Còn ông Skwara thì đã hiểu tôi hơn cả chính tôi.” NCT còn xin chúng tôi gửi cho ông một cuốn văn học sử Đức bằng tiếng Pháp (Sau này qua mấy lần tiếp xúc tôi mới biết NCT rất giỏi tiếng Pháp và biết rành rọt về văn chương Pháp). Khi gặp nhau ở bên này ông kể đã chôn dấu cuốn sách ấy dưới nền nhà của bà chị ở Hà Nội, trước khi lên đường ra hải ngoại vì không mang theo được.

* Một thời gian sau khi qua Mỹ, NCT đến Frankfurt và được đồng hương tiếp đón vô cùng nồng hậu và ngưỡng mộ như một chính khách triển vọng. Vợ chồng tôi tổ chức liên hoan mừng NCT tại nhà, khách mời độ năm chục người vừa Đức vừa Việt, đặc biệt là ông Said Chủ tịch Văn Bút Đức và bà Setzer Chánh văn phòng thường trực cũng của Văn Bút Đức.

* Buổi liên hoan tại nhà được bắt đầu bằng giờ đọc thơ và thảo luận. Khách Việt hân hoan nghe chính tác giả NCT đọc thơ của mình và khách Đức thích thú lắng nghe dịch giả đọc bản Đức ngữ.

* Trong số khách mời còn có bà đại diện của nhà xuất bản R. G. Fischer. Có lẽ bà muốn nhân cơ hội này quảng cáo cho hãng mình với những tác giả/dịch giả chưa tìm được nhà xuất bản nên đã trình bày chi tiết về thể lệ xuất bản và phát hành sách, về số tiền phải đóng cũng như tiền chia cho tác giả 20 % từ mỗi cuốn sách bán được (bà lấy ngay ví dụ trường hợp sách Tiếng Vọng Từ Đáy Vực: đóng 9.000 Đức mã (DM), sách giá 29,80 DM, 20 % là 5,96 DM; chỉ cần làm một bài tính đơn giản cũng biết bán hết cả 400 cuốn sách tôi cũng chưa thu lại được một phần ba số tiền đã bỏ ra).

* Lúc mới ra hải ngoại NCT nhận lời của bất cứ ai tại Đức muốn mời ông nói chuyện với đồng hương hoặc tổ chức cho ông những buổi du thuyết. Vì chưa nắm vững tình hình nhân sự nên ông thiếu dè dặt và đã bị một số người lợi dụng muốn chiếm đoạt ông để làm bình phong quảng cáo cho cá nhân và phe nhóm của mình. Tôi đã lưu ý NCT nhưng ông không mấy lưu tâm mà còn sẵn sàng để bất cứ ai lợi dụng vì xem đó là dịp để ông cống hiến cho đại cuộc.

* Tôi đặt nhiều kỳ vọng ở NCT không chỉ trong lãnh vực thi ca mà cả trong môi trường chính trị. Là vì tôi nghĩ với uy tín càng ngày càng tăng trưởng ông có thể thực hiện được vấn đề kêu gọi đoàn kết các phe nhóm quốc gia đang cực kỳ chia rẽ nhằm tạo thành một khối người Việt lớn mạnh ở hải ngoại khiến quốc tế nể nang (như Do Thái) và có sức yểm trợ đắc lực việc đấu tranh của đồng bào trong nước. Khi tôi bàn với NCT về hoài bão này ông tâm sự với tôi là từng nghĩ tới chuyện đó và một đôi lần đã làm thử nhưng đã thất vọng và ông nói trong tiếng thờ dài: “Cả đến Chúa Phật tái thế cũng không thể làm cho các ông ấy chịu ngồi lại với nhau đâu anh ạ.”

* Ai đã từng quen thân với NCT đều phải công nhận rằng ông rất quý tình bạn và khi bạn bè cần đến ông thì việc vất vả đến mấy ông cũng chẳng từ nan. Chỉ xin đan cử một ví dụ: Lần chúng tôi đến Cali giới thiệu cuốn tiểu thuyết Ngược Giòng Thời Gian của nhà tôi, ông đã vui vẻ đảm nhận vai trò chủ chốt trong việc giới thiệu sách. Sau đó, mặc dầu sức đã yếu, ông đã cùng anh Trần Phong vũ đi xe Bus từ Quận Cam lên San Jose để giới thiệu sách trên đó.

Thay lời kết

Nhìn lại sự xuất hiện và sự đón nhận thơ NCT tại Đức và Áo, tôi thấy đó là một cuộc gặp gỡ, một cuộc trao đổi lạ kỳ. Quả là mối duyên kỳ ngộ của NCT nơi miền ngôn ngữ của Goethe, đệ nhất văn hào Đức quốc.

Ghi chú: Đây là bài nói chuyện của Tiến Sĩ Bùi Hạnh Nghi trong ngày giỗ đầu của Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện.

Báo Người Việt Số 32 và Nỗi Oan Khuất Của Nhà Thơ

Năm 1979 sau khi giao được tập thơ cho nhân viên toà đại sứ Anh, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã bị đưa ngay vào Hoả Lò nhận thêm 12 năm tù nữa, nâng lên đến con số 27 năm trong vòng lao lý. Với một người mà thế giới biết đến và ngưỡng mộ thì Cộng Sản không đại gì dùng súng đạn cho đi nhanh chóng, như thể là nhân đạo mà còn mang tiếng xấu với thế giới bên ngoài. Ăn ít, làm nhiều, đói rét, bệnh tật, chuyển trại liên miên, cắt nguồn tiếp tế của gia đình dần dà sẽ chết, đó là kế hoạch dành cho tội chống Đảng, phi báng lãnh tụ của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện.

Nhưng rồi, thật là một nhiệm màu mà Trời đã ban cho ông! Năm 1991 cái nôi Liên Xô bị sụp. CSVN đang choáng váng mất đi chỗ dựa, đã thế, trong tương lai còn phải đương đầu với kẻ thù phương Bắc, thêm vào đó, đối với thế giới bên ngoài kể từ khi tập thơ xuất hiện tại hải ngoại, Nguyễn Chí Thiện đã trở thành biểu tượng “tù nhân của lương tâm”, được biết bao nhiêu đoàn thể chính trị, các tổ chức thế giới đã vận động can thiệp cho ông, CSVN bắt buộc phải cho ông ra định cư nước ngoài. Hành động này CSVN muốn cho thế giới thấy được Việt Nam có nhân quyền và mong muốn Hoa Kỳ ban cho Tối Huệ Quốc nhưng lại không lường trước được ảnh hưởng Nguyễn Chí Thiện với người Việt hải ngoại sâu đậm to tát đến như thế!

Ngay khi tập thơ phát hành tại hải ngoại năm 1980, một tổ chức nhân danh chống cộng mang tên Mặt Trận Cách Mạng Hưng Phục Việt (MTCMHPV) do Lê Tư Vinh cầm đầu đã lên tiếng chống đối và lúc nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đến Mỹ thì sự chống phá càng mãnh liệt đến nỗi tờ báo San Jose Mercury News phát hành tại Bắc Cali số ra ngày 15-12-1995 đã phải viết rằng :

" Trong khi nhà cầm quyền CSVN đủ tin rằng Nguyễn Chí Thiện là tác giả của những bài thơ chống đối để bỏ tù hết nửa đời nhà thi sĩ 56 tuổi, thì một số người Việt di dân lại không tin rằng chính ông thi sĩ đang nổi tiếng quốc tế này, trong thế kỷ này, lại là người đã viết lên những vần thơ đó. Thậm chí họ còn tin rằng Nguyễn Chí Thiện vừa tới Hoa Kỳ với lý do chữa bệnh, thật ra chỉ là tay sai cộng sản do Hà Nội đưa qua".

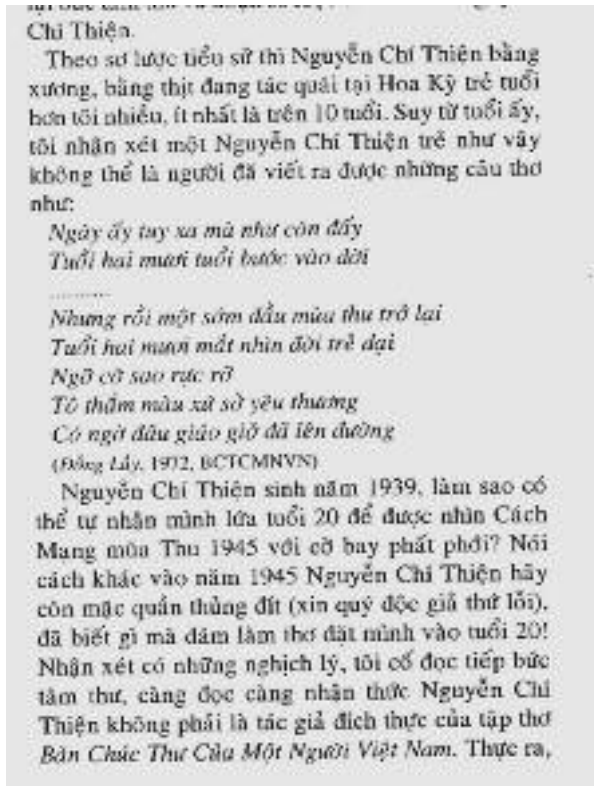
Bất bình trước sự đánh phá Nguyễn Chí Thiện, ông Masuoka, người bảo trợ cho Nguyễn Chí Thiện qua Mỹ, đã phải lên tiếng cảnh giác " Tôi gọi những người này là những kẻ phân tán. Làm như thế cộng đồng người Việt sẽ không bao giờ có được sự đoàn kết. Nhóm người này hoặc bất cứ một nhóm nào như thế thì cũng chỉ làm cho các nhân vật trong trung ương Đảng Cộng Sản ở Hà Nội mỉm cười"

Tất cả bài đăng trên tờ Vạn Thắng, tiếng nói của MTCMHPV, đều qui tụ vào một điểm chứng minh cụ Lý Đông A mới thật sự là tác giả tập thơ Hoa Địa Ngục theo lý luận của họ dưới đây:**(coi hình 1 trang sau)**

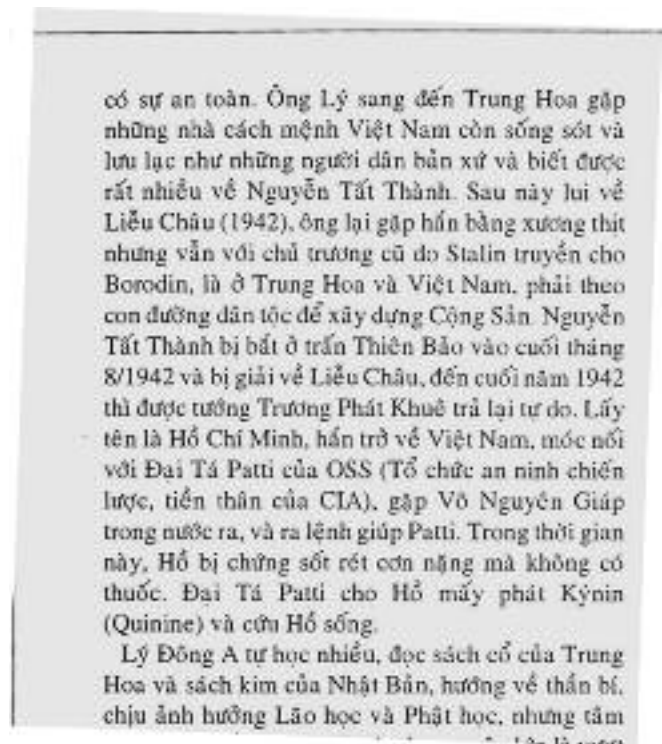
Họ cố quên đi rằng “ Nhưng rồi một sớm đầu Thu mùa Thu trở lại” chính là mùa Thu 1954 nên trong Đồng Lầy mới có cảnh “ Bọn giết người giao hoạt / Nâng cốc mừng thắng lợi liên hoan” (Điện Biên Phủ), mới có “ Ngàn vạn đầu trường mọc dậy giữa ban mai” (Cải Cách Ruộng Đất). Thêm nữa Nguyễn Chí Thiện là một thanh niên mới lớn tin tưởng vào cách mạng nhưng sau khi chiếm được miền Bắc, Hồ Chí Minh đã tiêu diệt quyền tự hữu thi hành những cải cách đầm máu tiền tới Xã Hội Chủ Nghĩa nên Nguyễn Chí Thiện mới phải than “...Ngỡ cò sao rực rỡ / Tô thắm màu xứ sở yêu thương / Có ngờ đâu giáo giới đã lên đường / Hung bạo phá bờ kim cổ...”. Ngược lại, tài liệu của Vạn Thắng lại cho biết cụ Lý chống cộng từ năm 1943, biết Nguyễn Tất Thành hồi còn ở Liễu Châu (Trung Hoa) đang hoạt động chung với CS Nga, biết 1942 Thành về nước đổi tên Hồ Chí Minh..vv..**(coi hình 2 trang sau)**. Nếu thế thì cụ Lý Đông A không thể nào "Ngỡ cò sao rực rỡ. / Tô thắm màu xứ sở yêu thương..." và nhất là không thể nào cụ lại tự trách mình như thế này :

*“...Cuộc đời tôi có nhiều lầm lẫn
Lầm nơi lầm lúc lầm người
Nhưng cái lầm to uống phí cả đời
Là đã ngốc nghe và tin Cộng Sản!
(Mỗi Lầm Lỡ - 1963)*

(nguồn : tuyển tập " Nguyễn Chí Thiện Là Ai Trong âm Mưu Của Tập Đoàn CSVN và Chính Phủ Hoa Kỳ" do Vạn Thắng phát hành)



hình 1



hình 2

Thất bại với bằng chứng về Lý Đông A, Vạn Thắng lui về ở ẩn trong website “Dominotrongcong” để rồi cứ mỗi năm lại xuất hiện một nhân vật mới nào là Bách Linh, Lê Văn Xương, là Chu Sa, là Nguyễn Văn Ruộng, là cư sĩ Nhất Hạnh....tên thì có thay đổi nhưng đánh phá thì cũng chỉ “bỏn củ soạn lại”. Cho mãi đến khi Đào Nương Hoàng Dược Thảo của báo Saigon Nhỏ (SGN) nhập cuộc thì câu chuyện trở thành đề tài nóng bỏng. Với hai tờ báo Tuần và Ngày trong tay, bà Đào Nương Hoàng Dược Thảo tha hồ loan tin giật gân tung hoả mù qua những bài viết ký tên Triệu Lan. Thế là, Lý Đông A được thay bằng Vô Danh, Thiện không còn “giả” nữa mà là Thiện “ăn cắp thơ”, “Khai mạc Vụ Án Văn Của Cuối Thế Kỷ Hai Mươi” mà Lê Tư Vinh của MTCMHPV tung hô năm 1992 nay được Saigon Nhỏ pha trộn sơn phết thêm nhiều chi tiết trở thành “Nghĩ Án Văn Học lớn nhất thế kỷ”. Vì lớn nhất thế kỷ nên bài đăng trên SGN cho biết đã thu thập “ròng rã trong 13 năm trời với khoảng 1279 bài viết” liên quan đến nhà thơ NCT, từ đó đi đến kết luận

“...quá nhiều mâu thuẫn trong lời “tự khai” của Nguyễn Chí Thiện” và khẳng định “Nguyễn Chí Thiện không phải là tác giả tập thơ Vô Đề”

Tài liệu lấy từ báo Người Việt số 32?

Năm 2008 cùng thời gian SGN phát động “Nghĩ Án Văn Học”, một tài liệu được đưa lên trang mạng nguyên văn như sau:

<http://groups.yahoo.com/group/thaoluan9/message/22921>

Bao Người Việt #32 24-11-1980: NCT Mo Dong Diem Quan Ba Mau - Hai Phong

Lê Trần

Cám ơn Bru điện từ Miền Bắc Cali gửi đến chúng tôi một số tài liệu về NCT, xin gửi lên đây bản tin báo Người Việt số 32 ngày 24 tháng 11, 1980 bản tin Nguyễn Chí Thiện mở động điểm Quán Bà Mậu, Hải Phòng.



Nội dung cột báo này đưa ra hai điểm : nguyên nhân tù tội của Nguyễn Chí Thiện vì hoạt động trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm và Nguyễn Chí Thiện mở động điểm quán Bà Mau Hải Phòng sau khi ra tù. Đây là hai mục tiêu đã được Lê Tư Vinh cho đăng trên bản tin Vạn Thắng cách đây 22 năm và được Đào Nương Hoàng Dược Thảo sao chép lại trên SGN ngày 26-9-2008, 16 năm sau đó.

(Chú thích: Trong phần sau quý vị sẽ coi lại bức hình của cái gọi là trích trong "báo Người Việt" - bên trái này có thật đúng là của báo Người Việt hay không)

1/ Vạn Thắng (MTCMHPV) năm 1992

Kế tiếp là ông Minh Thi nào đó tự nhận có ở tù với ông Thiện và gởi tập thơ Vô Đề và Khuyết Danh là của Đồng Chí Thiện, nhưng ông Minh Thi này là ai? Trong đám Nhân Văn Giai Phẩm năm 1956? còn là điều bí mật! Chúng ta hãy đọc báo Người Việt số 32 ngày 24/11/1980. Nội dung bài viết Minh Thi cho biết: *Tác giả Vô Danh tên thật là Nguyễn Chí Thiện, sinh năm 1937 (?), đậu Tú Tài Pháp (BAC), thông suốt Anh, Pháp, Hán ngữ. Minh Thi, Nguyễn Chí Thiện, Phùng Cung cùng hoạt động trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm miền Bắc, bị bắt giam và mang bệnh ho lao rất nặng, từ năm 1966 đến 1978 được tạm phóng thích... Sau đó Minh Thi và bằng hữu có quyền góp một số tiền chuyển về giúp. Được tiền bạc Nguyễn Chí Thiện mở nhà thổ (tại quán Bà Mầu, Hải Phòng) chứa gái buồn thân kiếm sống, sáng rượu tối trà (thật tại nửa chót) như người thất chí thời không còn làm thơ chống đối chế độ phi quyền Hà Nội nữa!!!*

Đọc đoạn này mở hời tôi thoát ra dầm dề tưởng mình dãi sên trong quần (xin lỗi quý vị), và tự nhủ tác giả tập thơ Vô Đề (siêu văn chương) văn phong bén sắc như Hịch Bình Ngô Đại Cáo (Nguyễn Trãi) mà đốn mạt đến mức cúi đầu đi làm cái nghề ti tiện nhất xã hội *Chùa Thổ Đổ Hồ???*

Bản Tin VT/04

2/ Saigon Nhỏ ngày 26-9-2008

dang hoạt động). Vào **ngày 24 tháng 11 năm 1980 trên báo Người Việt số 32** một cán bộ Cộng sản đặt trách về văn hóa hải ngoại tên là *"Minh Thi viết bài"* tự nhận y là bạn đồng tù với tác giả tập thơ Vô Đề nói trên, Minh Thi cho biết: tác giả Vô Danh của tập thơ "tên thật" là Nguyễn Chí Thiện sinh năm 1937 tại Hải Phòng, Bắc Việt, đậu Tú Tài Pháp (BAC), thông suốt Anh, Pháp, Hán ngữ. *"Minh Thi, Nguyễn Chí Thiện, Phùng Cung cả ba (3) người là bạn và cùng hoạt động trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm ở miền Bắc"*, bị bắt giam và Nguyễn Chí Thiện mang bệnh Ho Lao rất nặng từ năm 1966, đến 1978 Thiện được tạm phóng thích. Sau khi được thả, Minh Thi và bằng hữu có quyền góp một số tiền chuyển về giúp Thiện, được tiền bạc Nguyễn Chí Thiện mở nhà thổ (nhà chứa đi) chứa gái buồn thân kiếm sống, sáng rượu tối trà như người thất chí nên Thời không

A2 - The Little Saigon News, EDITORIAL SI

còn làm thơ chống đối chế độ Việt Gian Cộng sản Hà Nội nữa. Cùng phu hợa với Minh Thi còn có “nhà văn” Trần Nhu cũng tự nhận là bạn thân thương và thường có liên lạc với Nguyễn Chí Thiện! *Báo Người Việt* số 32 viết nhiều và dài, nhưng *Triệu Lan* chỉ trích một đoạn. Điều này nếu muốn làm sáng tỏ vấn đề, đồng bào miền Nam *California* nên “yêu cầu” *báo Người Việt* cho đăng lại bài viết này của Minh Thi.

Sau khi sang Hoa Kỳ Nguyễn Chí Thiện thường đi khắp nơi để “diễn thuyết” chính Nguyễn Chí Thiện đã khai là Thiện: “*Sinh năm 1939, bị bắt giam 27 năm tù vì tội tham gia trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm chống đối bạo quyền Cộng Sản Việt Nam*”. Ai cũng biết với chiến dịch Trăm Hoa Đua Nở đã tạo ra vụ án Nhân Văn Giai Phẩm vào năm 1956. Thi bấy giờ tên Nguyễn Chí Thiện được 17 tuổi. Vậy Nguyễn Chí Thiện bị bắt bởi tác phẩm nào? và bị bắt năm nào (từ năm 1955 đến 1961). Trong số văn nghệ sĩ bị giết hại, bị bắt tù đầy chưa ai nghe thấy có tên Nguyễn Chí Thiện bao giờ. Vì

(ngưng trích)

Thêm vào đó SGN còn cho đăng lại một bài phỏng vấn Nguyễn Chí Thiện mà SGN cho là do chính Nguyễn Văn Ruộng thực hiện, nhưng trên diễn đàn Thảo luận ngày 4-1-2004 ông này lại cho biết “*Chúng tôi thu thập được một số câu hỏi và trả lời đã được hỏi trực tiếp đến ông NCT, xin post lên quý vị suy nghĩ....*”

* Từ khi tập thơ *Vô Đề* ra đời năm 1980 cho đến nay, chúng ta đã bị bọn Cộng sản lừa bịp quá nhiều. Hôm nay chúng ta không thể cầm nín để cho chúng tiếp tục lừa bịp mọi người thêm nữa. Và để so sánh thêm con người “rất thật” của “về sĩ” Nguyễn Chí Thiện. Triệu Lan mời đọc giả xem tiếp một đoạn được trích nguyên văn trong buổi phỏng vấn Nguyễn Chí Thiện trên diễn đàn Thảo Luận (nay là Thảo Luận 9) do bạn *Nguyen Van Ruong* thực hiện được đăng trên web Thảo Luận vào tháng 1 năm 2004. Nguyễn Chí Thiện đã trả lời cuộc phỏng vấn như sau:

(Trích)

1 - Hỏi: Ông bị Việt cộng bắt năm nào về tội gì?

Nguyễn Chí Thiện trả lời: Bị Việt cộng bắt năm 1960, về tội Nhân Văn Giai Phẩm.

2 - Hỏi: Ông sinh năm 1939, vụ án Nhân Văn Giai Phẩm vào năm 1956, lúc đó ông mới 17 tuổi. Vậy ông đã viết bài nào trong đó?

Nguyễn Chí Thiện trả lời: Tôi không có viết bài, chỉ có phân phối báo.

3 - Hỏi: Những người có liên quan đến Nhân Văn Giai Phẩm bị bắt vào các năm 1957-1958, sao ông bị bắt năm 1960?

Nguyễn Chí Thiện trả lời: Không tin thì thôi.

4 - Hỏi: Tại sao ông được thả năm 1963 trong khi những người khác của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm chỉ được thả sau 20 năm (1978 và 1982)?

Nguyễn Chí Thiện trả lời: Câu hỏi này không quan trọng.

5 - Hỏi: Sau khi được tự do, ông cho biết ông sống bằng nghề dạy ngoại ngữ tại miền Bắc. Xin cho biết ông dạy ở đâu, dạy cho ai (khi cán bộ không dám học, dân thường không dám học)?

Nguyễn Chí Thiện trả lời: Không trả lời.

6 - Hỏi: Ông bị Việt cộng bắt lại năm 1966, về tội lật đổ “chánh quyền cách mạng”. Ông bị bắt với ai, có ai biết?

Nguyễn Chí Thiện trả lời: Tôi chỉ bị bắt một mình.

7 - Hỏi: Ông đã từng làm 1000 bài thơ trong tù và cho biết chỉ trong 1 đêm ông chép lại hơn 100 bài để thấy vào tù đại sứ Anh?

Nguyễn Chí Thiện trả lời: Không tin thì thôi.

8 - Hỏi: Sở trường của ông là làm thơ, khi qua Hoa Kỳ, sao ông không làm bài thơ nào nữa mà chỉ viết văn?

Nguyễn Chí Thiện trả lời: Vì viết văn diễn tả được chi tiết hơn. Trong tù làm thơ tiện và gọn. (ngưng trích)

Ngày 21- 11- 2008, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã trả lời cuộc phỏng vấn của người bạn trẻ Mỹ Thanh, trong đó câu hỏi thứ tư liên quan đến vấn đề này như sau :

(https://groups.yahoo.com/neo/groups/Nuoc_VIET/conversations/messages/151536)

Mỹ Thanh: Thưa còn câu hỏi tiếp theo là tờ SGN đưa ra nhiều dẫn chứng là thi sĩ tuyên bố, trả lời những câu phỏng vấn tiền hậu bất nhất. Do đó họ kết luận là thi sĩ không phải là tác giả của Hoa Địa Ngục I, tức Vô Đề, thi sĩ nghĩ như thế nào ạ?

NCT: Như tôi đã nói ấy. Cái tờ SGN là tờ báo điều tra, nó không nói sự thật, rất là gian dối. Những cái mà họ gọi là tiền hậu bất nhất ấy thì sự thật có nhiều cái họ bịa ra. Tôi thí dụ như thế này: Tôi không bao giờ tôi nói tôi là trong Nhân Văn Giai Phẩm cả, nhưng mà họ bịa ra là một cuộc phỏng vấn của một ông Nguyễn Văn Ruộng nào đó, tôi cũng không biết, là tôi nói là tôi ở trong phong trào NVGP, mà sự thực thì từ khi ra ngoài, tôi chưa bao giờ nói như vậy vì thực tế tôi chưa hề bao giờ ở trong phong trào đó. Năm ấy tôi mới có 17, 18 tuổi, không ở trong NVGP. Bằng cứ xác thực nhất ấy là trong cái bài tôi viết về ông Phùng Cung, bạn tôi, ông mất năm 97, trong cái chuyện Phùng Cung trong Hỏa Lò, tôi có nói rõ là tôi chưa bao giờ gặp Phùng Cung cả, đến ảnh tôi cũng còn chưa được nhìn. Nếu tôi ở trong NVGP thì tôi phải biết ông Phùng Cung chứ?

Lại có những chuyện bịa khác nữa, là bảo tôi là cái người kêu gọi "hòa hợp hòa giải", kêu gọi không phản đối văn công văn nghệ sang đây, rồi lại nói là tôi nói là biểu tình là vô ích. Toàn những chuyện bịa đặt. Tôi hoàn toàn không nói như thế. Họ bịa ra rồi họ bảo tôi là tiền hậu bất nhất. Còn nhiều những cái bịa đặt khác nữa. Vì thế nên tôi không muốn trả lời. Hơn nữa, những cuộc phỏng vấn của tôi, qua điện thoại thì nhiều khi có những người ghi lại, nó bị ghi sai đi một tí. Những cái sai này là chuyện thường. Tôi thí dụ như là ông Minh Võ, ông chẳng phỏng vấn tôi bao giờ cả, ông viết về tôi, ông có viết sai. Ông viết là sau khi tôi vào sứ quán Anh thì tôi bị chờ về Hải Phòng để giam. Sự thực thì tôi sau khi ở sứ quán Anh ra đó, tôi kể nhiều lần là tôi bị chờ về Hỏa Lò, (Ngưng trích)

Xin mời quý vị đọc ba bài viết về nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đăng trên tờ Người Việt số 32 phát hành ngày 31-11-1980. Sau khi đọc xong thì chính quý vị sẽ là Quan Toà đưa ra một lời công đạo giải oan cho nhà thơ điều mà trước đây không một ai kể cả chính nhà thơ cũng không làm được! Phải chăng một lần nữa **Trời Cao Chưởng Phụ Người Lành ?**

Số 32
Ngày 24-11-80
Số 32 NGUYỄN CHÍ THIÊN

NGƯỜI VIỆT

NGƯỜI VIỆT là tờ báo hàng tuần - 1000 chữ
Số 32 NGUYỄN CHÍ THIÊN
Số 32 NGUYỄN CHÍ THIÊN
Số 32 NGUYỄN CHÍ THIÊN

NĂM THỨ BA - SỐ 32

SỐ 32 NGÀY 24 - 11-80
NHÀM NGÀY
14 THÁNG 10 CÁNH TRÊN

TUYÊN BỐ THAM GIA NGƯỜI VIỆT TỰ DO
Tự do cho tất cả người Việt
Chống lại chế độ Cộng Sản
Số 32 NGUYỄN CHÍ THIÊN
Số 32 NGUYỄN CHÍ THIÊN

NGƯỜI VIỆT là tờ báo hàng tuần - 1000 chữ
Số 32 NGUYỄN CHÍ THIÊN
Số 32 NGUYỄN CHÍ THIÊN
Số 32 NGUYỄN CHÍ THIÊN

LUẬT CŨ NGƯỜI MỚI :CALI RÁO RIẾT DỨT ĐIỂM OEN-PHE QU

California (CA) là 1
tên của 1 tỉnh thuộc
quốc gia Mỹ. Nó có
tên là California. Nó
có 10 triệu người
trên 1 triệu người
trên 1 triệu người

"Ông Reagan" là 1
tên của 1 người Mỹ.
Ông Reagan là 1
tên của 1 người Mỹ.
Ông Reagan là 1
tên của 1 người Mỹ

Ông Reagan là 1
tên của 1 người Mỹ.
Ông Reagan là 1
tên của 1 người Mỹ.
Ông Reagan là 1
tên của 1 người Mỹ

NGUYỄN CHÍ THIÊN

TÁC GIẢ TẬP THƠ TỰ MIỄN BẮC

Thơ là một loại văn
học. Nó là một loại
văn học. Nó là một
loại văn học. Nó là
một loại văn học

Thơ là một loại văn
học. Nó là một loại
văn học. Nó là một
loại văn học. Nó là
một loại văn học

Thơ là một loại văn
học. Nó là một loại
văn học. Nó là một
loại văn học. Nó là
một loại văn học

NGƯỜI VIỆT

Ba Bài Viết trên Báo Người Việt Số 32

Bài 1: (Trang 1 & trang 6)

Nguyễn Chí Thiện,

Tác Giả Tập Thơ Từ Miền Bắc

Duy Sinh



NGUYỄN CHÍ THIÊN

TÁC GIẢ TẬP THƠ TỪ MIỀN BẮC

Thi sĩ miền Bắc Việt Nam, tác giả tập thơ "Tiếng Vọng Từ Đáy Vực" đã từng gây chấn động trong dư luận nghệ thuật hải ngoại, tên thật là Nguyễn Chí Thiện, sinh năm 1937 tại Hải Phòng Bắc Việt, địa chỉ vào cuối năm 1978 tại số 36 đường Nhà Ga Hải Phòng, Bắc Việt Nam.

Tuần báo Người Việt đã tìm ra tung tích chính xác của tác giả qua cuộc tiếp xúc với ông Minh Thi một cựu tù nhân cộng sản đã đào thoát tới Hoa Kỳ. Ông Minh Thi / 45 tuổi là một binh loạn gia rất am hiểu về chủ nghĩa Cộng Sản và phương thức áp dụng chủ nghĩa đó. Ông Thi hiện sinh sống trong thị trấn Santa Ana, quận Orange, tiểu bang California.

TÙ NHÂN TRONG TRẠI PHONG QUANG

Nguyễn Chí Thiện đã được chuyển từ trại giam cải tạo II Yên Bái tới trại Phong Quang. Lão Kai đầu năm 1966 và bị giam tại trại này suốt 11 năm cùng với tù nhân Minh Thi. Trại Phong Quang nằm trong rừng rậm cách thị xã Lào Kai khoảng 28, 30 cây số. Trại giam Phong Quang quy tụ nhiều thành phần tù nhân nhưng phần đông là chính trị phạm, biệt kích miền Nam. Hiện diện trong trại này còn có một cây bút trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm tên Phùng Cung (với đoạn văn Con Ngựa Già của Châu Trinh). Thành phần quản lý trại giam gồm công an BV và đội bảo vệ là dân quân địa phương. Trại trưởng

là đại úy Thiệp (sau này khi chuyển chuyển về Hà Nội đã thăng tới cấp Trung Tá), trại Phó là Trung úy Huệ và công an khất mẩu chuyên "sặt phạt anh em" (danh từ của tù nhân Minh Thi) tên là Tạng.

HÌNH DẠNG

NGUYỄN CHÍ THIÊN

Nguyễn Chí Thiện là một trung niên (43 tuổi) cao hơn 1m70, lông hơi

cong, có một hàng ria trên máu nâu hung, một mắt (trái) hơi lè. Tác giả "Tiếng Vọng Từ Đáy Vực" xuất thân từ một gia đình công chức, học hết trình độ Trung Học chương trình Pháp (BAC). Hiện ông Thiện vẫn sống độc thân, cha mẹ đã mất, còn lại một người chị gái ngụ tại đường Nguyễn Công Trứ Hà Nội. *Như*

Xem tiếp trang 6.

SAO QUÀ TẠ LIÊN T

PHẦN NÀN D

ĐƠN ĐÀI NH

SAN FRANCISCO (Times) —

NGƯỜI VIỆT

Thân thể tác giả

(tiếp trang 1)

thiên từ về ngoại ngữ và sử học hỏi trau dồi thêm nền NCT, thông suốt hai thứ tiếng Anh Pháp. Ông còn am hiểu Hán Văn và đặc biệt thích tìm hiểu cổ văn, nhất là thơ Đường.

Với tâm vóc cao hơn 1m70, theo sự tiết lộ của ông Minh Thi thì thời còn trẻ, Thiện ham tập thể dục, đột quyền anh nên Thiện có thân hình to lớn của một lực sĩ. Khi nhập trại Phong Quang, Thiện đã nhuộm bệnh lao, thân hình đã phần nào tiêu tụy.

Thiện có phong thái ngông nghênh dễ gây ác cảm cho người mới gặp. Một cá tính đặc biệt tại trại cho Thiện là tính tình thẳng thắn, cương trực của Anh. Thiện thẳng thắn đến độ tàn nhẫn.

Thiện ham mê trà đàm, Thiện đòi hỏi để lấy trà, từ vật dụng tùy thân đến quần áo đồ có trà. Cũng vì mê trà nên anh em tù nhân đặt cho Thiện biệt hiệu Nguyễn Chí Chát, để cực tả sự đậm chất cay cú trong anh.

SINH HOẠT NGỤC SĨ TRONG NHÀ TÙ

Thiện là tù nhân chuyên nghiệp, đời sống của Thiện là những trại tù kế tiếp nên Thiện am hiểu cách tồn tại trong nhà tù. Thiện thuộc toàn đàn lặt nhặng trong tổ lao động, công tác của Thiện là hoạt náo viên, kể chuyện cho anh em nghe. Thiện có biệt tài về "biếm Cộng Sản" (danh từ của Minh Thi để chỉ sự mỉa mai chua cay của T.)

Đa số thì phẩm trong tập Tiếng Vọng Tự Do Vực là Thiện đã viết trong trại tập trung và Thiện ghi lại trong óc (đời sống khắc nghiệt tại nhà giam CS không cho phép Thiện viết ra giấy) và chép lại khi được am phóng thích. Thiện giao cho ai? đầu ơ đầu? là liệu bạn Thiện, ông Thi không biết được.

Tuy nhiên, ông Thi nhận định rằng toàn thể

hơn 300 bài thơ trong tập "TVTDV" do một mình Thiện viết. Đó là cả cuộc đời Thiện, đó là xương máu, mồ hôi, nước mắt, và ước nguyện Thiện, đó là toàn bộ linh hồn, tư tưởng Thiện để đúc kết thành thông điệp kết án vĩnh viễn Cộng Sản chủ nghĩa.

Tập thơ của T. ban đầu còn mỏng, được phóng thích Thiện đi tìm đến các trại ngoại quốc nhờ chuyển những không thành tựu. Và lần cuối cùng Thiện đã hoàn thành ý nguyện, chuyển được tập thơ vào tay một nhà ngoại giao Anh quốc và tập thơ đó đã được trao tay cho ông Đỗ Đoàn Quý biên tập viên đài BBC. Ông Quý trao tập thơ này cho ông Châu Kim Nhân và từ đó tới nay một số người tại Hoa Kỳ.

XU HƯỚNG ĐẤU TRANH CỦA NGỤC SĨ

Theo lối tưởng thuật của ông Nguyễn Kỳ thì Thiện có tư tưởng quốc gia cực đoan quá khích. Thiện chủ trương đấu tranh dứt khoát phụ nhận chế độ CS mà ông ấy coi là một chủ thuyết tai hại nhất trong lịch sử loài người, một thảm họa kinh hoàng nhất cản trở diệt băng bất cứ phương cách nào.

Thiện ảnh hưởng nặng tư tưởng Dostoevsky. Anh quan niệm dứt khoát rằng Bản chất của CS là bạo tàn và chủ thuyết bạo tàn đó không khi nào có thể làm được điều thiện.

Nguyễn Chí Thiện được liệt vào thành phần "chày" không thể cải tạo được, có nghĩa là loại hết thuốc chữa và cộng sản đã phóng thích T. vào cuối năm 1978.

Trước khi ông Minh Thi đào thoát khỏi VN, ông còn gặp ngục sĩ NCT để ru nhau đi ăn phở, uống nước trà đàm. Thiện đã tâm sự rằng ông sẵn sàng chấp nhận mọi hy sinh khi tập thơ của ông được phổ biến tại ngoại quốc. (Duy Sinh)

Bài 2 : (trang 1, 3, 12 & 10)
Hai Buổi Nói Về Ngục Sĩ Với Ông Minh Thi
Nguyễn Đức Quang



HAI BUỔI NÓI VỀ NGỤC SĨ VỚI ÔNG MINH THI

Một tuần là trước 2 người bạn ở Garden Grove hồi hè đến thăm tôi. Một người ở BI đồng qua cũng một lần, nhưng một người trẻ hơn vừa mới qua sau 18 tháng ở trại. Qua vài câu thăm hỏi, anh Tuấn, người lớn tuổi, chợt nói tôi: “anh có biết tác giả tập thơ Trường Vọng Tử-Đầy Vực là ai không?” Bạn tôi hay đùa, làm tôi hỏi ngược lại vì anh nói như thể có nghĩa là anh ta đã biết – “Tôi biết, nhưng thật ra không phải tôi, một người khác biết, một bạn tù của tác giả đang có mặt ở đây đây”.

Đấy giờ thì tôi bàng hoàng. Hẹn một buổi gặp thật sớm.

nguyễn đức quang

Hai ngày sau, một tối chủ nhật hồi hè sau những giờ phút với hội hè, bạn hữu khác, tôi chờ đợi nòn nao. Dưới ánh đèn mờ trước cửa, một người đàn ông tầm thước, đen, không gầy lắm, bước đi giữa hai người bạn tôi, dáng vẻ nhanh nhẹn. Lát sau tôi mới được biết tên người đó, Minh Thi, người bạn tù của Ngục Sĩ, tác giả những bài thơ đang gây chấn động từ Âu Châu sang Mỹ Châu trong những tuần lễ qua, người đã khởi hứng nên những nét nhạc tào Ngục Ca mà anh Phạm Duy mới hát đêm hôm qua ở Long Beach.

Rất giản dị, cặp kính trắng làm nổi bật lên cặp mắt đen sáng, khả sắc hèn của một người nhiều suy nghĩ, nụ cười hồn nhiên nhưng già dặn của tuổi 45.

Chúng tôi đi vào câu chuyện, anh nói liên hồi. Sức nói khỏe, bền bỉ tuy không âm vang lắm.

Tôi nghe nhớ mê mẩn những câu chuyện từ, một số từ tưởng, một số lý luận trong những nhân định thời gian bị tù đầy. Tránh một cuộc phỏng vấn thô kệch, tôi lặng nghe nhiều hơn là hỏi trong khối thuốc ngủ 4 người. 11 giờ đêm tôi báo tin cho các bạn đồng sự, tất cả như bị một luồng điện co giật chới dờ một cái tên, một nhân vật lịch sử trong lúc này, nhưng tôi cố đùa chơi bằng sự im lặng và chỉ loan báo sẽ gặp tất cả trong một ngày thuận tiện.

Xem tiếp trang 3

HAI BUỔI NÓI VỀ NGỤC SĨ



tiếp trang 1

Đó là đêm hội ngộ tại tòa soạn ngày 10-11-80
6 người quây quần ngay trong phòng làm việc, điều
lạ nhất từ trước đến nay. Văn giản dị, anh bước vào
và đi ngay vào câu chuyện:

— “Người nhà tôi để nghị đến gặp gỡ các anh để
nói chuyện về tác giả tập thơ, đây là một vốn chung,
tôi góp được những gì xin phụ lục cùng các anh.”

— Anh ở chung trại tù cùng tác giả tập thơ?

— Suốt từ 67 đến 78 ở Phong Quang, tỉnh ra
khỏi 11, 12 năm.

— Làm sao anh biết được người viết chính là bạn
anh trong tù?

— Một buổi tôi ở nhà, cháu tôi về hỏi rằng tôi có
biết đến 1 tập thơ của một người tù miền Bắc mới
chuyển qua đã được viết xong ra trong hơn 20 năm.
Tôi hỏi có bài nào tiêu biểu không? Cháu tôi đọc
một câu mà nó nói: “Bác Hồ rồi lại Bác Tôn, cả hai
đều thích ôm hôn nhi đồng...”. Tôi buột miệng đọc
theo: “Nước da hai bác màu hồng, nước da các cháu
nhi đồng màu xanh...” Cháu tôi ngạc nhiên còn tôi
thì chỉ nói vồn vồn rằng: “chính nó rồi, cậu biết
chính là nó rồi!”

Anh có thể cho thêm chi tiết để chúng
mình

— Nhiều lần, xin tử tử, chẳng hạn như tôi nói về
xuất xứ một số bài thơ trong đó. Khi tác giả hoàn
thành hầu hết anh em trong nhóm đều biết. Đây,
trường hợp 4 câu: “Vợ con có thể bỏ, cha mẹ có thể
tử”, cũng sản thời sinh tử, mới thoát về tự do” đã
thành hình sau một cuộc bàn cãi khá dõ dỏi giữa các
anh em chúng tôi về dụ tại: “nếu như còn cộng sản
thì sao? Tôi hôm ấy, hầu hết anh em đều cương
quyết tiêu diệt, kể cả cha mẹ, trong đó có ý kiến của
chính nhà thơ, một người trong đó tự ra nhân đạo
hơn làm cho anh phần chỉ tuôn ra 4 câu thơ trên.

Xem tiếp trang 12.

HAI BUỔI NÓI tiếp trang 3

Trưởng hợp thứ hai, bài "Một tay em trở: đôi xưa đôi, một tay em trở: hận vô bờ..." (Chú thích bài Một Tay Em Trở, tr 47) anh đã sáng tác trong một buổi lãnh cơm, có bọn trẻ bị tù ở trại bên cạnh chạy sang chen lấn vào trong nhà bếp giành giật đồ rơi vãi, c. đm thừa canh cần..."

— Anh biết rõ thời gian tù và các trại mà tác giả tập thơ đã trải qua?

— 11 năm chung sống tại trại Phong Quang cách Lào Kay 30 cây sò, trên con đường mang tên Hữu Nghị. Trước đó anh với tôi ở 2 trại khác nhau nên tôi không rõ lắm, hình như anh từ trại Yên Báy chuyển qua. (Trại Phong Quang còn gọi là Trại Cải Tạo II Yên Báy). 11 năm tù ở trại này cũng là đợt chốt của anh nghĩa là trong thời gian đó anh không được thả ra lần nào. Năm 1978 anh được thả trước tôi 2 tháng

Câu chuyện miên man về thân thế người làm thơ, những tính tình ngộ nghĩnh, thẳng thắn, và có đôi nét lạ lùng của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện. Anh Thi rất ít nói về mình, ngoại trừ một vài câu tổng quát.

"Thiện rất lạ, anh là người đầu tiên đem đến cho các anh em yêu thơ một số ý niệm mới là làm thành một nhóm. Anh chủ trương không dùng sáo ngữ, không theo vết mòn, lời thơ phải thật, phải hiện thực. Dùng chính hiện thực để thể hiện toàn bộ nét xấu xa, phi lý của chế độ mà anh thù ghét. Thế mà anh lại là một nhà giáo tinh anh, thông thạo Anh Pháp văn đến độ viên chánh văn phòng Báo Đại ở chung trong nhà tù vẫn phải nhờ anh dịch dùm các chủ khó. Chưa hết, người thầy giáo sinh ngữ đó lại là một tay săn thơ cò, nhất là thơ Đường, anh luôn luôn mở tới thơ Đường, rất giỏi.

— Thế anh ấy có nói tới văn chương mới tư tưởng Tự Lực văn đoàn đến thời Nhân Văn Giai Phẩm không?

— Không. Nhân Văn Giai Phẩm bị mấy người dõng, chế là cải lương, Còn anh chả nhắc đến một tên tuổi nào trên văn đàn VN cả. Có lẽ thần tượng của anh là Dostoevsky. Theo anh thường nhắc, Dost. là người cũng thời với Lenin, cũng đ. tu với nhau nên hiểu biết rất rõ về chủ nghĩa CS, nên ông đã thốt ra câu "Chế độ xấu như CS thì không thể làm được việc gì tốt".

Anh Thi kể rõ mọi chi tiết về đời tư của Nguyễn Chí Thiện, về nhà cửa, gia đình thân thích, bạn bè cá tính... Mỗi nút bật của anh là một hình ảnh phong phú, tạo ra đầy đủ bức tranh về nhân vật bí ẩn mà giới văn học đang tìm kiếm. Một người cao lêu nghêu lưng khom, một hàng râu mấp màu hung hung với con mắt trái hời hợt một chút làm việc trong toán

đan ở trại Phong Quang suốt bảy nhiều năm vì bệnh ho lao nên cứ tiếp tục lao động nhẹ mà thôi. Suốt ngày làm bạn với ấm trà, nghiền trà đến độ các bạn gọi anh là Nguyễn Chi Chát (người lúc nào cũng phải có chát chát, nghĩa bóng là con người chua chát, anh nổi tiếng về châm biếm, còn gọi là 'vua biếm' trong tù). Anh đã từng đổi hết cả quần áo, thực phẩm để có trà uống mỗi ngày, kể cả đồ tiếp tế của gia đình.

Xem tiếp trang 10

NGƯỜI VIỆT BỎ MỖI SỞ 32 NGÀY 24-11-80

5 GIỜ VỀ NGỤC SĨ

Ann Thi nói tiếp:

tiếp trang 12.

— Thiện trông có vẻ dị tởm, tính bốc trực có gì nói này, kể cả đối với bạn cán bộ, mới gặp thì khó ưa nhưng dẫu lâu thì bạn sẽ lại thương mến.

Anh Duy Sinh, người hơi nhiều, chủ nhiệm, Đạt Việt Dũng và tôi cũng hai người bạn cũ khi thi hỏi tôi tập, ngắt câu lung tung để tìm cho ra những chi tiết, khi thì im lặng như tờ nghe một cách thú vị như hồi còn bé nghe kể chuyện Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thu.

— Anh liệu có gì nguy hiểm cho tác giả không?

— Đó là chắc chắn rồi. Nhưng Thiện nói với chúng tôi sau 2,3 lần đã từng thất bại trong việc gửi ra nước ngoài: "được một lần rồi thì chết cứng sướng!". Còn nói dẫu điếm lúc này, khi mà tập thơ đã phổ biến thì chẳng khác nào cho bọn cộng sản nó không có mặt. Quan trọng là phải xúm nhau lại xem có cứu được anh Thiện hay không. Một trách nhiệm chung mà cũng là thử thách chung.

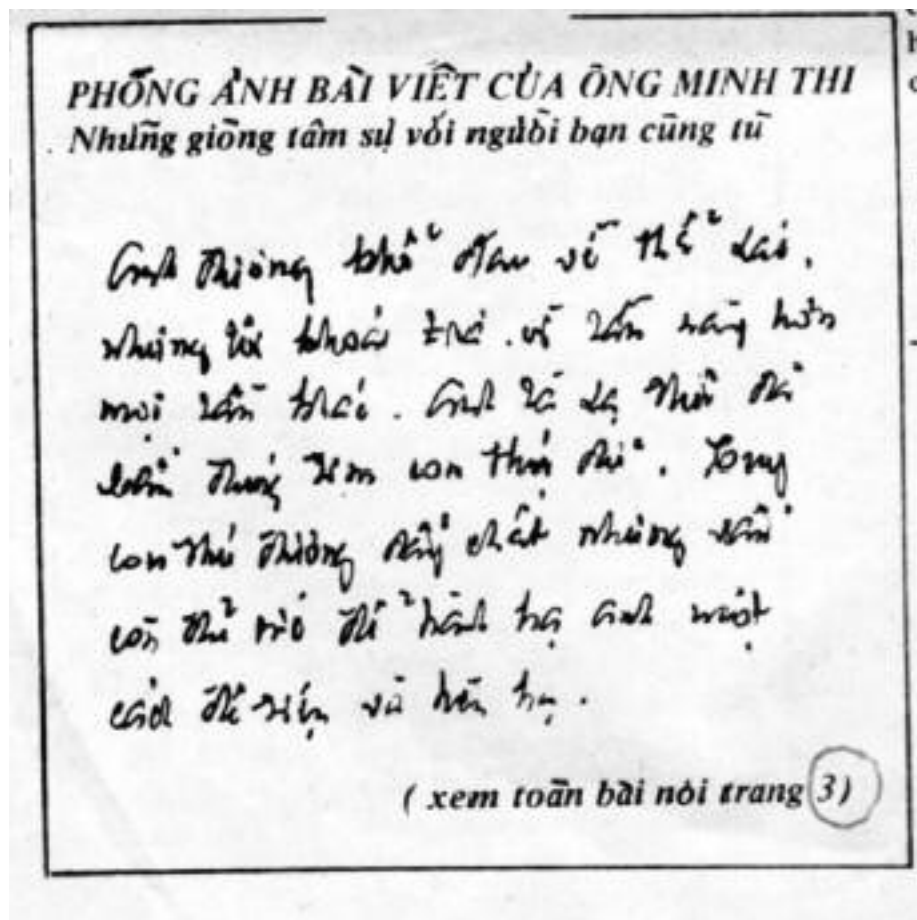
— Quên hỏi anh, lý do từ của Nguyễn Chi Thiện?

— Tham dự vào một cuộc cướp tàu vượt biển bị bại lộ. Anh bị bắt và bỏ tù.

Anh đưa tiếp một ý kiến: "không thể ngừng lại trong khi đang đánh nhau với cộng sản, nên trong việc làm sáng tỏ giá trị tập thơ của Nguyễn Chi Thiện tôi xin góp một phần, xin làm một nhân chứng"

3 tiếng đồng hồ nói chuyện với nhau không phải là ngắn, thế mà vẫn hẹn nhau nói tiếp, nói thêm nữa. Hết phang hai gói thuốc, anh ra về, vẫn nhanh nhẹn khi đến.

Bài 3 (trang 1, 3 & 6)
Phóng Ảnh Bài Viết Của Ông Minh Thi
Những Giọng Tâm Sự Với Người Bạn Cùng Tủ



Những Giọng Tâm Sự Với Người Bạn Cùng Tu Minh Thi

NHỮNG GIỌNG TÂM SỰ VỚI NGƯỜI BẠN CÙNG TU

3

Khi cầm bút viết ít giọng dưới đây gửi cho anh, tôi biết rõ không thể tới tay anh được, dù anh còn đứng sống ở một nơi mà bạn Cộng Sản gọi là xã hội để phân biệt với nhà tù.

Tôi cũng như anh, cứ ra ra vào vào hàng 15, 16 năm trời tại những nơi mà chúng ta thường gọi là "nằm mồ nôi" hoặc nơi chôn sống.

Tôi đã hồi tưởng lại những giờ phút lên lút ngôi bên bờ nước trà để nhâm nháp và nghe thơ của anh, đồng thời tôi cũng đổi những mẫu chuyện tâm sự cùng nhau trong trại giam.

minh thi

Mọi người nơi đây khi đọc tập thơ của anh đều băn khoăn và có phần lo âu cho số phận của anh, nhưng riêng tôi sau một phút ngỡ ngàng và sửng sốt tuyệt nhiên không một chút băn khoăn mà tiếp đó phản vui mừng nhiều hơn.

Tôi cười một cách khoái trá, vì anh đã đập vào đầu con rắn Hồng cho bể những ngày náo chúng đã siết cùm đến vết máu trên thân thể chúng ta. Thơ anh sống lại trong tôi hình ảnh anh qua những mẫu chuyện biếm chúng để quên đi, những lần anh chửi thẳng vào mặt chúng cho hả giận hoặc chúng ta âm thầm hiểu nhau, cô chịu đau và đói mà không chịu cúi đầu bán rẻ danh dự, lương tâm.

Xem tiếp trang 6.

.....
Cả ba bài viết trên hoàn toàn không hề nói gì đến chuyện nhà thơ Nguyễn Chí Thiện nằm trong nhóm **“Nhân Văn Giai Phẩm”** và, **“mở động điểm quán Bà Mau”** cũng như không đề cập gì đến **“những năm tháng bị bắt và ra tù lần đầu cũng như lần thứ hai”** của nhà thơ. Minh Thi là một nhân chứng sống, đã từng trải qua 11 năm tù cùng trại giam Phong Quang với Nguyễn Chí Thiện nên những gì Minh Thi biết chỉ nằm trong giai đoạn từ 1966 – 1978, rõ ràng nhất là những bài thơ (trong tập thơ Hoa Địa Ngục) làm xong đọc lên cho các bạn tù cùng nghe góp ý. Điều này xác nhận Nguyễn Chí Thiện chính là tác giả của tập thơ Hoa Địa Ngục. Để phủ nhận sự kiện này, nhóm Vạn Thắng – Saigon Nhỏ đã phải đưa ra một tài liệu giả, nhưng họ khôn mà lại không ngoan. Nếu để ý đến phần đánh số trang trên đầu cùng của hai tài liệu, sẽ thấy có sự khác biệt. Năm 1980 Người Việt chỉ là Tuần báo, tin tức không nhiều nên số trang được đánh theo thứ tự 1, 2, 3.....12. Ngày nay Người Việt trở thành báo Ngày, thông tin phong phú nên báo được phân ra từng mục một theo mẫu tự A, B, C.... Mỗi mục lại có A1, A2...B1, B2. ..C1, C2...v.v.. Thế thì báo Người Việt của năm 1980 làm gì có **“trang A4. ..tiếp trang A1”** như lối trình bày của cột báo đã được bịa đặt kia ?*

Kính thưa quý bạn đọc,

Năm 1980, khi tập thơ “Hoa Địa Ngục” đến tay người Việt hải ngoại thì những chống đối đánh phá nổi lên, lúc rầm rộ, lúc âm ỉ và bùng nổ mạnh nhất vào thời điểm báo SGN nhập cuộc với “Nghị Án Văn Học lớn nhất thế kỷ” (2008-2009). Một trong cáo buộc của SGN là dựa cột báo copy (mà họ cho là copy từ tờ báo Người Việt số 32) kết luận rằng những câu trả lời của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, “tiền hậu bất nhất”. Sau cuộc họp báo ngày 21-11-2008 của Nguyễn Chí Thiện, coi như đây là lời cảnh báo cho tờ SGN, bà Đào Nương Hoàng Dược Thảo bắt buộc phải chịu rút lui. Nhưng trước khi cho “Nghị Án Văn Học Lớn Nhất Thế Kỷ” chìm xuống, bà ta còn cố gắng hốt cho được “ván hụi chót” bằng cách thông báo cho sự tằm chữ ký của người Việt tị nạn cộng sản, bảo họ điền vào phiếu gọi là *“Phiếu Không Tin Ông Nguyễn Chí Thiện Là Tác Giả Tập Thơ Vô Đề”*. Bà hứa sẽ chuyển giao danh sách cho cơ quan điều tra FBI và Quốc Hội Hoa Kỳ để xin các cơ quan này mở lại hồ sơ về Nguyễn Chí Thiện và cho rằng chấm dứt Nghị Án theo lối này là một hành động *“văn minh, dân chủ khoa học của những công dân hiểu biết của một quốc gia tiên tiến”* (?). Từ đó đến ngày nhà thơ Nguyễn Chí Thiện ra đi đã 3 năm và tính đến nay là 5 năm rồi, bà Đào Nương Hoàng Dược Thảo thu thập được bao nhiêu chữ ký?, đã giao cho FBI và Quốc Hội Hoa Kỳ chưa? Hoàn toàn không ai biết, không ai nghe bà nhắc đến hành động “văn minh dân chủ khoa học” này nữa mà chỉ thấy báo Người Việt số 32 đưa ra hôm nay là một bằng chứng xác thực nhất cho thấy hành vi nguy tạo, “Gấp Lửa Bỏ Tay Người!” với ác ý gán cho báo Người Việt số 32 phát hành ngày 24-11-1980, dựng đứng chuyện xấu xa không hề có để bôi nhọ nhân cách nhà thơ Nguyễn Chí Thiện. Thiện nghĩ chính báo Người Việt phải có trách nhiệm đưa ra ánh sáng hành vi đê tiện, phi pháp của kẻ chủ mưu, kể cả những cơ quan ngôn luận đã tiếp tay phổ biến để minh oan cho hương hồn người quá cố.

Xin thấp một nén hương lòng nhân ngày giỗ thứ hai cho nhà thơ Nguyễn Chí Thiện
10-2-2014

Nhóm Thân Hữu Nguyễn Chí Thiện

*Đọc đến đây hẳn độc giả sẽ có người nêu lên câu hỏi: tại sao Vạn Thắng và báo Sài Gòn Nhỏ lại khù khờ đến độ bịa đặt một cột báo không hề có trên tờ Người Việt số 32 để lừa báo này trưng ra nguyên văn số báo 32 phát hành ngày 24-11-1980 rồi thuê luật sư đưa vấn đề ra trước tòa án thì sao?

Câu hỏi này thật chính xác. Nhưng điều ít ai nghĩ tới là: có lẽ vì chuyển đổi tòa soạn quá nhiều lần nên nhật báo Người Việt đã bị thất lạc số báo 32! Chính nhà thơ Nguyễn Chí Thiện thuở sinh thời và một số thân hữu của ông đã hơn một lần ghé toà soạn Người Việt để xin tìm giúp số báo này, nhưng nơi đây thú nhận là không tìm thấy. Theo phỏng đoán của chúng tôi thì rất có thể kẻ gian cũng đã đến nhật báo NV hỏi xin số báo 32 và sau khi biết rõ rằng tòa soạn không có số báo này thì họ mới dám thực hiện mưu gian để không những bôi bẩn nhà thơ Nguyễn Chí Thiện mà còn gán cho báo Người Việt là thủ phạm vụ bịa đặt để vu oan giá họa này. Đúng là một mũi tên bắn ra hạ hai con chim cùng một lượt!

May thay, "thiên bất dung gian" nhờ hồn thiêng của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện phù trợ, rất tình cờ số báo này đã được tìm thấy trong một trường hợp thật hy hữu. Nhờ thế mọi chuyện nay đã được bạch hóa.

Sau đây là những tấm hình và bản báo cáo kết quả so sánh nhân dạng giữa Nguyễn Chí Thiện (bên Mỹ) với tác giả cuốn thơ Hoa Địa Ngục cho thấy cùng là một người.



Stutchman Forensic Laboratory

Audio & Video Forensics . Forensic Photography

421 Walnut Street, Suite 120 . Napa, CA 94559

707 257-0828 . Fax 707 257-3240

www.stutchmanforensic.com

email: stutchman@earthlink.net

Gregg M. Stutchman

Stephen C. Buller

TO: Jean Libby

FROM: Gregg Stutchman
Chief Forensic Analyst

SUBJECT: Examination, Analysis and Comparison of Photographs

DATE: 6-29-06

BACKGROUND

I received a series of photographs from Jean Libby with the request to conduct analysis to determine if the person depicted in a picture from a book cover was the same person as the man pictured in other pictures provided on a photo CD.

PHOTOGRAPHS USED FOR ANALYSIS

1. A photograph of Mr. Nguyen Chi Thein wearing a muffler and an overcoat. The picture was taken by a professor at Yale University.
2. A photograph of Mr. Nguyen Chi Thein standing in front of a sculptured wall or doorway. It was taken by Jean Libby
3. The photograph in question of Mr. Nguyen Chi Thein in 1991 which was scanned from a book cover.

COMPARISON

The images were opened on a lab computer using digital imaging software and examined. The pictures used for comparison were printed on a dye sublimation printer for additional examination and marking of shared characteristics.

This lab regularly conducts forensic examination of suspect images taken from security video systems of crimes, for analysis and identification of class characteristics and individual characteristics in order to identify or eliminate a suspect. The same procedures which we use in those cases were used in the analysis and comparison of facial and other features of the male subject contained in the above described pictures. I have testified as an expert witness numerous times regarding this type of analysis.

Using Adobe photoshop CS, the image of the man in the book cover photograph was used, in addition to empirical analysis, to compare with the of the man in picture No. 1. An overlay process was used with various levels of transparency to compare the facial features and the features of the left ear.

MATCHING CHARACTERISTICS

Pictures used for comparison are marked #1, #2 and "Book Cover Photo." The male in the book cover shares numerous ear and facial characteristic with the picture #1 and #2 of Mr. Nguyen Chi Thein. Those characteristics are described below:

- A. A prominent bone configuration above the left eye.
- B. A unique shape of the Tragus and cartilage above it on the front of the left ear.
- C. Narrowing of the cartilage of the Pinna, the midway down the back edge of the ear flap of the left ear.
- D. A prominent knob configuration of the Antitragus, the cartilage just above the ear lobe the left ear.
- E. The ear lobe of the left ear which attaches to the face.
- F. The shape of his nose and left nostril.
- G. The shape of the lower lip including a ridge on the lower rim of the lip.
- H. The prominent high cheek bone which is seen on his right cheek.

CONCLUSION

There are 8 distinctive shared facial and ear characteristics which are present on the man in photograph #1, #2 and the book cover photo. Based on my examination, comparison and analysis, it is my opinion that the man in the photographs compared is the same person.

EXHIBITS

- Dye sublimation print of photograph #1, #2 and the book cover photograph. Labeling using letters A-G have placed on photographs #1 and #2 indicating the facial features and the features of the ear that correspond with the same points of the face of the man in the book cover photos.
- DVD containing the facial comparison overlay.
- Diagrams of the anatomy of a human ear.


Gregg Stutchman
Chief Forensic Analyst

Sau đây là kết quả giáo nghiệm chữ viết của Nguyễn Chí Thiện (bên Mỹ) và chữ viết trong bản thảo cuốn thơ Hoa Địa Ngục được đưa vào tòa Đại Sứ Anh, cho thấy Nguyễn Chí Thiện chính là tác giả của cuốn thơ Hoa Địa Ngục.

A and M Matley

Examiner of Documents & Handwriting

MARCEL B. MATLEY
BOARD CERTIFIED, NADE
PUBLICATIONS, SEMINARS
www.handwritingexpertsofcalifornia.com

(3092 ARMY STREET, 94110)
POST OFFICE BOX 882491
SAN FRANCISCO, CA 94188

PHONE: (415) 753-2832
FAX: (415) 753-3245
TOLL FREE: 1-800-367-8403
E-MAIL: MMATLEY@AOL.COM

October 15, 2008

Thien Chi Nguyen
9501 Oasis Avenue
Garden Grove, CA 92844

RE: *Writer of Certain Vietnamese Poetry*
My File Ref.: 081006-A

Dear Mr. Nguyen:

I am issuing this letter of opinion pursuant to your request.

A. THE COMMISSION.

You represented that there was a claim that you had not handwritten certain poetry in Vietnamese with a cover letter in French. You asked if I could determine whether samples of handwriting [hereinafter: the exemplars] provided to me by you and by Ms. Jean Libby were sufficient to prove the matter one way or the other. You and Ms. Libby represented that the exemplars were all your genuine handwriting.

I have concluded that the exemplars are sufficient to establish that:

- (a) There are no reliable indicators that anyone else but the writer of the exemplars was the writer of the handwritten Vietnamese poetry and cover letter in French; and
- (b) All reliable handwriting evidence available to me at this time is that the one and same person wrote the exemplars and the questioned Vietnamese poetry with its cover letter in French.

*(From Marcel B. Matley to Thien Chi Nguyen, re: Writer of Certain Vietnamese Poetry,
October 15, 2008, page 1 of 6 pages.)*

B. THE DOCUMENTS EXAMINED.

In making my handwriting comparative examination I have relied on certain documents, copies of which are attached hereto as the following exhibits.

EXHIBIT A, of five pages, is a copy of the original questioned writings that I have examined. The first page of **Exhibit A** is the cover letter in French, and the following four pages are part of the complete manuscript of Vietnamese poetry that is in question. Observations and opinions expressed herein are, of course, limited to the materials I personally examined.

EXHIBIT B, of one page, is a letter in Vietnamese that you represented to me you had written. I examined a copy of **Exhibit B**.

EXHIBIT C, of one page, is written in English with pencil. Ms. Libby represented to me that you had handwritten **Exhibit C** yourself. I examined **Exhibit C** in the original.

EXHIBIT D, of four pages, is my current Curriculum Vitae.

EXHIBIT E, of six pages, is a current list of my professional publications.

C. THE OPINIONS.

1. There are no reliable indicators that the writer of the exemplars, **Exhibits B** and **C**, did not also write **Exhibit A**, the Vietnamese poetry and cover letter in French.
2. All reliable handwriting evidence presently available to me supports the conclusion that one and the same person wrote both the Vietnamese poetry with its cover letter in French shown in **Exhibit A** and the exemplar writings shown in **Exhibits B** and **C**.
3. I had available other exemplars writings represented to me as having been written by you. They yield the same evidence and support the same conclusions as did **Exhibits B** and **C**.

D. BASES FOR THE OPINIONS.

1. THEORETICAL BASES.

Whatever language a handwritten text is in, its identification is based on the same

*(From Marcel B. Matley to Thien Chi Nguyen, re: Writer of Certain Vietnamese Poetry.
October 15, 2008, page 2 of 6 pages.)*

general principles as that in any other language. Some scripts have their own special principles in addition to the general principles that apply to all languages. Since French and Vietnamese writing are based on the same Roman alphabet as English and are executed in the same manner with the same kind of writing instrument and paper, the procedure in making an identification of the writer would be the very same as for English or any other language employing the Roman Alphabet with similar writing instruments and paper.

Based on the writings of Ordway Hilton, particularly *Scientific Examination of Questioned Documents*, revised edition, 1982, it can be stated that, in order to identify an individual as the writer of a questioned handwriting, it must be shown that there are sufficient significant similarities between the individual's exemplar writings and the questioned writing so as to eliminate the reasonable probability of another writer, and there should be no significant difference between the individual's exemplar writings and the questioned writing that cannot be reasonably explained.

In order to prove a disputed or denied handwriting to be false, it must be proved that there are one or more significant differences between the disputed or denied handwriting and the genuine handwriting of the purported writer for which there is no reasonable explanation.

Since this case involved writings in three languages, I add these additional points:

(a) Whatever names that letters, punctuation and diacritics might have in French or Vietnamese, I will use the English names for those characters that have the same form in all three languages;

(b) Specific traits that are carried over from one language to the next by the same writer would be especially identifying; and

(c) Any significant difference between writings in different languages would have to be reasonably explained the same as significant difference between writings in the same language.

2. METHODOLOGICAL BASES.

Assuming there are sufficient authentic writings by the person who purportedly made the questioned writing, it must be determined what are the identifying characteristics of the writings in question and of the exemplars. To do so in this case, the pages of **Exhibit A** were examined together and in isolation from the

*(From Marcel B. Matley to Thien Chi Nguyen, re: Writer of Certain Vietnamese Poetry.
October 15, 2008, page 3 of 6 pages.)*

exemplars in order to determine what significant traits characterize **Exhibit A**. These traits characterizing **Exhibit A** were then compared to the exemplar writings.

In this case the examination is hampered by having only a few exemplars that postdate the questioned writings by approximately 20 years. When more contemporaneous exemplars become available, a reexamination can provide a reliability test for the current examination. However, it is highly improbable that two different writers, separated by 20 years, should manifest the same identifying traits as are common between **Exhibit A** and the exemplars. Thus, the separation in years with communality in identifying traits is strong supportive evidence for the opinion expressed herein, namely, that there is one writer for **Exhibit A** and the exemplars.

3. OBSERVATIONAL BASES.

As I studied **Exhibit A**, I made a list of characteristics I found common among the four pages of Vietnamese poetry and the one-page cover letter in French. I transcribe them here exactly as I listed them, with minor editing:

- a) Pen scope is of one word, unless the word is more than four or five letters long, then there are multiple pen scopes for that word.
- b) There is a tendency for the base line to drop at ends of words.
- c) Lower case "e" is often written taller than accompanying lower case, mid zone letters.
- d) Some exclamation points have their period set off to the right of the stem.
- e) The comma tends to begin with a slight adductive curvature and then is made straight at a reverse angle.
- f) What in English is called an accent mark most often begins with a pressured dot; it then has approximately the same reverse angle as the comma.
- g) At times the period rises above the base line.
- h) There is a consistent master pattern for the formation of the letters.
- i) There is a variety of lower zone forms, often depending on position of the letter in the word.
- j) Size/ratio proportions are within certain limits.
- k) The dominant slant is slightly to the right of vertical.
- l) There is tendency to a clockwise curvature for lower zone forms at the end of words.

(From Marcel B. Matley to Thien Chi Nguyen, re: Writer of Certain Vietnamese Poetry, October 15, 2008, page 4 of 6 pages.)

m) Most of these features have variations, and the similarity in variations would be additional identifying evidence.

n) Word spacing varies from one to 3 letters, with the wider being visually more dominant.

o) Line spacing is such as to avoid tangling, but without room to write a mid zone letter between the lower zone of one line and the upper zone of the next.

p) The writing tempo is moderate.

q) Left margins are fluid yet consistent, neither rigid nor ragged.

4. TRAITS IN THE EXEMPLARS.

The exemplar writing in **Exhibit B** is characterized by these same traits as listed above for **Exhibit A**. Therefore, the available, reliable handwriting evidence supports the conclusion that the same person wrote **Exhibits A and B**, and there is no reliable evidence that a different person wrote **Exhibit A** than wrote **Exhibit B**.

The exemplar writing in **Exhibit C** is characterized by these same traits as listed above for **Exhibit A** in so far as the writing permits them to occur. Some traits are not applicable to **Exhibit C**, for example, there is no left margin since the handwritten text begins as the mechanically printed terms permit, nor is there any exclamation point or accent mark. Otherwise, there is no reliable indicator that a different person wrote **Exhibit A** than wrote **Exhibit C**, and all available and reliable handwriting evidence supports the conclusion that **Exhibits A and C** were written by the same person.

E. QUALIFICATIONS.

Attached hereto and incorporated herein as if set forth in full, **EXHIBIT D** is a copy of my current curriculum vitae stating my background and experience that qualify me to undertake the examination requested and form the opinions expressed herein.

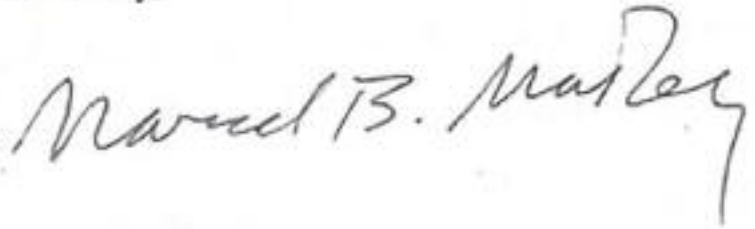
Attached hereto and incorporated herein as if set forth in full, **EXHIBIT E** is a listing of my published writings in the field of questioned documents. There may be other journal papers that I have authored and that have been published but of which I have not been informed by the journals to whom they were submitted.

*(From Marcel B. Matley to Thien Chi Nguyen, re: Writer of Certain Vietnamese Poetry.
October 15, 2008, page 5 of 6 pages.)*

E. CONCLUSION.

If called upon to do so, I would testify under oath in a legal proceeding that all the statements and representations made herein are true and accurate to the best of my knowledge and belief, and I would be prepared to demonstrate and explain the cogent reasons for the opinions expressed herein. If court testimony is required, I would prepare appropriate court exhibits by which to illustrate and explain my observations, opinions and reasons.

Sincerely,

A handwritten signature in black ink, reading "Marcel B. Matley". The signature is written in a cursive, flowing style with a large, prominent 'M' and a long, sweeping tail on the 'y'.

Marcel B. Matley

cc: Jean Libby
1222 Fulton Street
Palo Alto, CA 94301

*(From Marcel B. Matley to Thien Chi Nguyen, re: Writer of Certain Vietnamese Poetry.
October 15, 2008, page 6 of 6 pages.)*

Virginia ngày 7-11-1995

Thăm gửi đồng bào hải ngoại

Tôi rất Việt Nam từ thuở tôi của thơ gửi từ da tôi đến gần một tuần. Hôm nay xin viết mấy lời cảm tạ tất cả các bạn. Số là có sự chậm trễ đó là do sau một chuyến bay dài, tôi phải nghỉ, lại phải làm thủ tục giấy tờ, mong các bạn thông cảm. Tôi hiểu rất rõ việc tôi ra tù năm 1991, và việc tôi sang Hoa Kỳ chủ yếu là nhờ sự đấu tranh vận động không ngừng nghỉ của các bạn, cũng như của các bạn ngoại quốc. Tình cảm nồng nhiệt của các bạn khiến tôi hết sức cảm kích. Tôi khôn khéo được rời khỏi Việt-Nam, cũng như các bạn, không phải vì ở hải tập trên Mafia Việt cộng, mà vì tình yêu Tự do. Sống giá không được lương lương, hải tập không làm các bạn chán buồn. Biết bao người đã làm việc cho cá nhân, nhiều người chết cả gia đình! Đối với tất cả những người cảm biết cá nhân tôi, Tự do ngôn luận là không khi, không thể thiếu. Tôi nhớ Việt Nam, nhớ đặc biệt chủ yếu là chưa được cho học, chưa được đi tới nơi tiếp tục công việc chính trị. Tôi nhớ mà tôi đã bắt đầu từ thiếu thời, Voltaire có nói: "Kẻ nào tha thứ cho tội ác, kẻ đó là đồng phạm". Lâu sau có thể học tập được với những kẻ xấu không lương, để không tha, những kẻ đó bắt đầu giết, từ đây hàng triệu đồng bào, những kẻ làm tay sai cho Nga Tàu đẩy cả dân tộc xuống thảm họa lạc hậu, phá hoại luân thường đạo lý, những kẻ coi: Nhân quyền là chuyện hư

Nhân dân Việt ơi khi
 Nhân dân không cần biết
 Luôn luôn mới nhân dân!

Các cách mạng từ năm 1955, sắc lệnh tập trung năm 1962, hàng triệu đồng bào miền Nam bị lừa đẩy sang 1975. Kêu gọi Việt-Nam ngày nay lạc hậu nhất hoàn toàn v.v... Những thuộc từ không khí ở ai có thể phân biệt? Đúng là "Trái này không ghi hết lợi, nước biển không rửa sạch mùi tanh!" Hết lòng ở trong nước, tôi cũng biết bạn rất nhiều muốn khi sang qua đây nhưng nhân vật họ học học tập, học hỏi với cộng sản thì rất thất vọng! Chúng tôi nghĩ có thể như người đó thật lòng, có thiện chí, nhưng ở xa, không hiểu rõ bản chất cộng sản. Nếu bạn có mặt

sống, họ sẽ thay đổi quan điểm. Lúc đầu tôi cũng có câu: "Thức ăn
 hắt như kiến từ, kiến từ bít như cái từ, nghĩa là nghĩa
 mà biết. Nếu vì sao cho rồi tôi vì thức ăn nó quá lớn, xem
 mới hay vì thức ăn ở Việt-Nam. Dù lính về thấy chưa biết mấy sao!
 Ở trong chùa mới biết chùa có ruộng, là lẽ chôn bị ông cha ta ở từ hết
 Thưa các bạn, tôi không thức ăn ai cả, tôi thấy họ ăn gì thì tôi ăn
 tại tại đó với ông tôi. Biết yêu thiên nhiên, phải biết giữ thiên nhiên
biết tôn kính đạo đức, phải biết kính ông già mồm. Những thầy thầy
 thêm nữa là không thể tách rời, từ từ kết dính. Tuy nhiên, vì lợi
 ích tôi cần cần tất nhiên, chú ý ta có thể đến lòng ông già, ông già
 chứ không quên! Nếu không họ đang cần đến cái cơ thể của ông, biết
 mới, không mới như ông, chịu biết xướng ngôn ngữ ông với nhân dân
 để từ việc này ông thấy mới. Nghĩa là phải chấp nhận là người, là
ông, từ đó, thấy lòng họ. Những từ này chỉ có thể thấy ở khi
 ông bị đang từ ông người phải học từ ông, ông từ ông chỉ lại từ ông
 vùng lên. Học từ ông từ ông học từ ông từ ông, ông từ ông chỉ
 phải chờ đợi các người từ ông từ ông.

Đang từ thầy thầy, thầy từ, khi học, phải thầy
 thầy thầy thầy thầy thầy thầy thầy.

Khi từ chúng ta nói anh cả người đang

thì ở ngoài anh như một người bị từ thầy!

- Nhiệm vụ của chúng ta là thấy một cái thầy thầy thật nhiều từ
 phải học từ. Tôi không có thầy, vậy gì cả ngoài thầy thầy! Thấy
 thầy thầy thầy thầy, từ đó, nó là. Thầy của tôi cũng chỉ như thầy thầy
 cái đó, từ cho cái thầy thầy thầy thầy.

Các bạn thầy thầy, một từ thầy muốn biết từ việc từ thầy thầy
 Hoa địa học ra ngoài như thầy nào. Tôi xin từ thầy thầy.

Thầy từ thầy thầy thầy, không viết ra thầy, về từ từ thầy thầy
 thầy thầy thầy thầy thầy thầy thầy thầy.

Tháng 6-
 1999 tôi đi một, thầy thầy thầy thầy thầy thầy, từ ở thầy thầy thầy thầy
 Tôi đi một từ thầy thầy thầy thầy thầy thầy, nghĩa là thầy thầy thầy
 thầy thầy thầy thầy thầy thầy thầy thầy, viết thầy thầy thầy thầy
 thầy. Tôi từ thầy thầy thầy. Ngày 12-7-1999, tôi từ thầy thầy thầy

9

5

46

G

78

⑥



9

19

4

Đời tôi bị vướng mắc chỉ có một vấn đề là tôi không có công an thường
phục vụ thế này, nhất là đến xa cảnh sát. Tôi biết đến. Hai công an ở
mặt tôi, 2 công an ở xa tiếp theo sau. Họ đưa tôi thấy vào Hoa' là
vết hời này này. Tôi H gọi choet tôi bị đưa vào Bưu' 4 Xà lăm
đ, ~~thời gian~~ gần đây Kỵ niệm Hoàng Văn Thụ với Trần - thầy Hinh, hai
lần họ cùng đi gần 1' tôi đến 1945. Tôi ở Hoa' là 1' đến 1985
thì chuyển về Xà lăm bộ ở Xà Thanh liệt, Huyện Thanh Trì. Trong 6
năm ở Hoa' là, 3 năm nữa Xà lăm, 3 năm sống chung với bạn mang
ở Bưu' chung. Các bạn thêm anh; Tôi muốn vào nơi mới của tôi
không làm một ai làm tự là đang là cái mới, đừng bao giờ nói tôi
chuyện nhân đạo, lương tâm và cộng sản! Chúng chỉ hành động theo chính sách
lành lành, tôn nhân. Năm 1991 chúng tôi bị bị chuyển vào các địa điểm ở
tên của của lịch sử, và mới ở của Thủ' giới, và của tên là Việt' tự. Năm 79, khi
đi tới, chúng tôi thấy vào một tài là giết ngay quá nhân đạo! Phải cho chết
lên chết mới! Ra từ chúng tôi thấy bị. Để dọa chúng tôi thì mới
tới. Nay chúng tôi đi từ từ chỉ thấy Hoa' là cho tôi học giỏi, cần phải
làm như người thật là là chúng tôi sống mới về chính trị, và để tôi thấy
mười ngày học hỏi. Chúng tôi biết chết là ai mới người chết về bị tôi
vào một thời. Nhưng ngày nay cái mới của chúng tôi quá bị nói, H gọi mới
thấy cái cái xa cái mới trong thế giới! Thấy các bạn, tôi từ này trong thế
Kỵ là này, tôi gọi chúng ta ở Tự do, dân chủ thực sự. Đó là một thời
thế giới. Các bạn hãy kiên nhẫn. Trước khi người là tôi xin tặng các bạn
4 câu thơ tôi làm khi vào vào Xà lăm năm 1999, và vừa tuyên ngôn thơ của tôi.

- Thêm mấy chục năm sống như thế là gì?

Khi sống phải có đời sống tận tụy

Nay biết là từ mới là ngày nay

Thơ về Trung tâm, bây giờ biết thấy bây giờ!

- Nhân loại: Ngươi nên biết

Đi phải: Ngươi nên biết

Người là con của Trời

: Thiên tại do bất diệt!

Thân ái học hỏi lại các bạn trong những dịp khác.

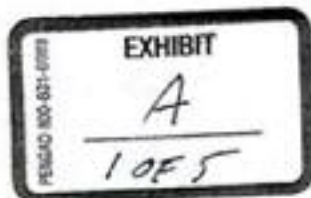
Virginia ngày 7-11-1995

Chị Hinh

Monsieur !

C'est au nom des millions de victimes innocentes de la dictature, déjà succombées ou subissant encore une mort lente et douloureuse dans les bagnes Communistes, que je vous prie de faire publier ces poèmes dans votre pays libre. C'est le fruit de mes vingt ans de travail. La plupart en ont été créés dans mes années de détention. Je pense qu'à nous, les victimes, il appartient plus qu'à personne d'autre de montrer au monde les souffrances incroyables de notre peuple opprimé et torturé à merci. De ma vie brisée, il ne reste qu'un seul rêve, c'est de voir le plus grand nombre possible d'hommes prendre conscience de ce que le Communisme est un grand fléau de l'Humanité.

Veuillez agréer, Monsieur, l'expression de ma profonde reconnaissance ainsi que celle de mes compatriotes infortunés !

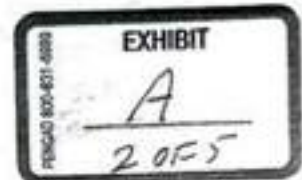


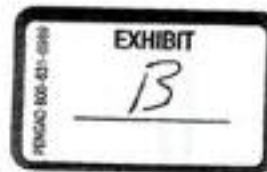
Đồng lay.

Ngày ấy, Tây xa mà như còn đây
 Tuổi hai mươi, Tuổi búp măng tươi
 Hồn lông cao, gió thổi chơi vơi
 Bôn phia lau lã chỉ thấy
 Chân mây, rông mồi tuyết rơi!
 Ngất ngậy, Lầu sao ngổ ngời
 Bùn lòng hồ ao ~~một~~ mạn dưới phước chờ!
 Tuổi hai mươi, Tuổi của không ngổ
 Không sợ!
 Viễn vọng đẹp tựa bãi thơ
 Mò dòi
 Đợi chờ
 Vội vơi...

✱

Nhưng rồi một hôm đầu thu mưa thu trở lại
 Tuổi hai mươi mất nhìn trời thể đại
 Ngổ cò sao róc róc
 Tô khảm màu xà xà yêu thương.
 Có ngổ đầu giáo giờ đã lên trường
 Hừng hực như lửa kim cò
 Tiếng môi giởng rung to chuyển non sông
 Mặt trời đã hồng
 Thở ra từng vũng máu hồng
 Bề thế thương bao mùa lúa vàng hồng
 Một mùa thu nước lủ
 Trở thành bùn nước mênh mông
 Lấp lóp sóng hồng man dại
 Chim trời quá khứ trường lại
 Máu, lệ, mồ hôi rớt rã
 Đi về ai nhận ra ai!
 Khiếp sợ, rùng rợn, Tê oại!
 Lịch sử quay từ vòng người? lại
 Thở hừng hực vẫn rết công khai
 Ngàn vạn đầu tương mọc dậy giữa ban mai
 Đường lúc cắt trời nhất nhất





Thân gửi bạn bè Nguyễn Ngọc Bích
 Chân thành cảm tạ bạn bè đã cất công dịch
 thơ tôi ra tiếng Anh ngay từ nhiều năm nay.
 Việc làm cho thơ tôi biết tới thực trạng Việt Nam
 thế này: nó nó cứ là một việc cần thiết, chúng
 tôi Cộng sản vẫn cần thấy họ đến tại ta.
 Tôi hoàn toàn đồng ý việc bạn bè cho xuất
 bản tập thơ "Hoa - địa ngục" bằng song ngữ Anh - Việt,
 như là một dấu ấn về những đau thương của một
 nước Việt Nam dân chủ, tự do.
 Chúc bạn bè vui, khỏe, thành đạt trong công việc.

6-12-1995.

Nguyễn-Chí-Thiện

Chí Thiện

Dear Professor Nguyen Ngoc Bich,

I sincerely thank you for having gone to the trouble of translating my poems into English all these years. To get the world to clearly understand the reality of Vietnam has been, is, and will remain a necessary thing to do as long as the Communists are still ruling our nation.

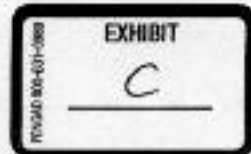
I completely approve of your publishing *The Flowers of Hell* in a bilingual Vietnamese-English edition, in furtherance of our common struggle for a free and democratic Vietnam.

May I wish you joy, health and success in your work.

December 6, 1995

(Signed) Nguyen Chi Thien

Glossary of Prison Terms



Antenna = an informant, informer

Bear-head = bully

Bullies

Cadre = any official in communist regimes is called CADRE

Camps = concentration camps

Cells = small room about 3m² which encloses 2 prisoners dark at day time, but lit by electricity for surveillance at night.

Dark cell = a closed cell, without light

Driving = sending gifts from one cell to another

Informant: a prisoner who secretly reports everything to inquirer on

Irons = shackles, fetters, stocks

Inside = inside the room

Outside = outside the room

Phenom = a female bear-head, bully

Rooms = a large room where many prisoners live together.

Rustic tobacco = very heavy tobacco smoked through a water pipe

Security guard = a soldier who watches prisoners, preventing them from escapes

Shackles = a fetter for a prisoner's ankles

Sheepdog = informer

Stocks = a wooden or cement frame with holes for the legs

Supervisor = the chief of a prison, a concentration camp

Trusty = a privileged prisoner

Warden = a jailer

Supervisor: the chief administrative officer of a prison, or concentration camp.

Handcuffs = a fetter to lock two prisoners' wrists by their wrists.

Thưa Ông

Nhân danh hàng triệu nạn nhân vô tội của chế độ
Độc tài đã gây chết hoặc đang chết dần chết mòn
đau đớn trong các trại Khố rai cộng sản, tôi mừng
Ông cho xuất bản tập thơ này trên đất nước tự do
của Ông. Đây là kết quả hai mươi lăm việc
của tôi. Phần lớn những bài thơ này được
lưu lại trong những năm tôi bị giam cầm.

Tôi nghĩ rằng hơn ai hết, chính những nạn nhân
chúng tôi phải phải bày tỏ nỗi thất vọng
đau cùng cực của dân tộc chúng tôi, một dân tộc
bị đầy đọa, bị chôn vùi hết nước.

Trong quang đời tàn tạ của tôi, chỉ còn sót lại
một giấc mơ. Đó là được nhìn thấy ngày càng
có nhiều người hiểu rằng chế độ cộng sản là một
tai họa của Nhân loại.

Mong Ông nhận nơi đây tấm lòng biết ơn sâu
sắc của tôi, cùng như của những đồng bào
bất hạnh của tôi!

Chữ của tôi

Giáo sư Đặng Văn Hai
chưa đi lại lại do
Thần, Thiên lương cụ Hai
Sợ khổ già, cò ha!

Thủ Bút của Thủ sĩ
Nguyễn Chí Thiện
Manuscript de
Nguyễn Chí Thiện

Bác Hồ rồi lại bác Tôn!
Cả hai đều thích ăn hến nhồi lòng
Nhưng da hai bác mới lành
Nhưng da các cháu nhồi đồng nhồi xương
Giữa hai cái mặt trái trái
Nhưng khấn nguyện đi bay quanh cò cò!

Sir:

In the name of the millions of innocent victims of dictatorship, of those who have already fallen and of those who are still dying a slow and painful death in Communist prisons, I beg you to publish these poems in your free country. They are the fruit of 20 years of work, and most of them were written during my years in detention. I think it's for us, the victims, rather than anyone else, to show to the world the unbelievable suffering of our oppressed and tortured people.

From my broken life there remains but one dream: to see the largest possible number of men awakened to the fact that Communism is a great calamity for mankind. Please accept, sir, my deep gratitude as well as that of my unfortunate compatriots.

(Translation of Nguyễn Chí Thiện's manuscript by Index on Censorship London, Vol. 11, No 3 June 1982.)

Monsieur !

C'est au nom des millions de victimes innocentes de la dictature, déjà succombées ou subissant encore une mort lente et douloureuse dans les bagnes Communistes, que je vous prie de faire publier ces poèmes dans votre pays libre. C'est le fruit de mes vingt ans de travail. La plupart en ont été écrits dans mes années de détention. Je pense qu'à nous, les victimes, il appartient plus qu'à personne d'autre de montrer au monde les souffrances incroyables de notre peuple opprimé et torturé à merci. De ma vie brisée, il ne reste qu'un seul rêve, c'est de voir le plus grand nombre possible d'hommes prendre conscience de ce que le Communisme est un grand fléau de l'humanité.

Veuillez agréer, Monsieur, l'expression de ma profonde reconnaissance ainsi que celle de mes compatriotes infortunés !

*Những bài viết trong cuốn sách này được in với sự đồng ý của các tác giả.
Một chút tiểu sử của các tác giả sẽ được trình bày trong những trang sau.
Các tác giả là: Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh, Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích,
Giáo Sư Nguyễn Thanh Trang, Nhà văn Nhật Tiến, Nhà văn Trần Phong
Vũ, Nhà văn Minh Võ, Nhà văn Vũ Thư Hiên, và Tiến sĩ Bùi Hạnh Nghi*

NGUYỄN XUÂN VINH

Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh nguyên là Tham Mưu Trưởng Không Quân Việt Nam Cộng Hòa (1957) và Tư Lệnh Không Quân Việt Nam Cộng Hòa (1958-62).

Ông là tiến sĩ khoa học hàng không và không gian của Đại học Colorado (1965), tiến sĩ quốc gia toán học của Đại học Paris VI (1972), Giáo sư Đại học Michigan (1968-1999). Giáo sư Vinh cũng là tác giả ba cuốn sách chuyên môn và hơn 100 bài khảo cứu về Cơ Học Không Gian và Quỹ Đạo Tối Ưu.

Ông được bầu làm viện sĩ ngoại quốc của Hàn Lâm Viện Hàng Không và Không Gian Pháp (Académie Nationale de l'Air et de l'Espace) và viện sĩ chính thức của Hàn Lâm Viện Không Gian Quốc Tế (International Academy of Astronautics).

Ông được tặng Huy Chương Danh Dự của Viện Hàng Không và Không Gian Hoa Kỳ (American Institute of Aeronautics and Astronautics) năm 1994 về môn Cơ Học và Điều Khiển Phi Hành.

Năm 2006 giáo sư Vinh lại được chọn để nhận giải Dirk Brouwer về Cơ Học Phi Hành Không Gian của Hội Khoa Học Vũ Trụ Hoa Kỳ (American Astronautical Society) về những đóng góp xuất sắc và trường kỳ của ông về môn này.

Giáo sư Vinh đã được mời thuyết giảng và làm giáo sư thăm viếng ở nhiều Đại học ở Hoa Kỳ và các nước Pháp, Anh, Đức, Ý, Đài Loan, Nhật Bản, Úc châu và Ba Tây, Thành tích của ông đã được trình bày tại phòng du khách thăm viếng ở Trung Tâm Không Gian Phi Hành NASA ở Houston vào tháng 9 năm 1989, và từ năm 1982 giáo sư Nguyễn Xuân Vinh là một trong số 14 nhân vật Hoa Kỳ gốc Á châu được in hình và tiểu sử vào tập tranh dùng làm tài liệu giáo dục ở các trường Tiểu và Trung học trên toàn quốc.

Đối với người Việt Nam thì giáo sư Nguyễn Xuân Vinh lại còn là một nhà văn có tài năng. Cuốn “Đời Phi Công” ông viết dưới bút hiệu Toàn Phong đã được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1961. Cuốn “Theo Ánh Tinh Cầu” của ông do nhà xuất bản Đại Nam ấn hành năm 1991 và cuốn truyện tình cảm “Tìm Nhau Từ Thuở” viết dưới tên thực năm 2008, cũng là những đóng góp quý giá vào nền văn học Việt Nam ở hải ngoại.

NGUYỄN THANH TRANG

Ông Nguyễn Thanh Trang sinh năm 1942. Nguyên cựu huynh trưởng Hướng Đạo, từ năm 1970, ông là Phụ Tá Viện Trưởng đặc trách Ngoại Vụ, Viện Đại Học Huế. Đến năm 1973, ông vào Sài Gòn và giữ chức Phó Khoa Trưởng Trường Kinh Thương, Viện Đại Học Minh Đức.

Tỵ nạn tại Hoa Kỳ năm 1975, ông tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội và đấu tranh ngay từ những ngày đầu tại Mỹ. Đặc biệt, ông đã bảo lãnh cho trên một trăm bà con thuyền nhân từ Thái Lan và Mã Lai sang định cư tại Hoa Kỳ. Năm 1991, ông tổ chức Ban Vận Động Thành Lập Đài Phát Thanh Á Châu Tự Do (RFA) để cùng với Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam, Nghị Hội Người Việt Toàn Quốc Hoa Kỳ và nhiều nhân sĩ, tổ chức của người Việt khắp nơi tại Hoa Kỳ đẩy mạnh công cuộc vận động Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua dự luật thành lập đài phát thanh RFA để phá vỡ sự bùng bít thông tin của các chế độ độc tài cộng sản và quân phiệt tại Việt, Miên, Lào, Trung Hoa, Miến Điện, Tây Tạng và Bắc Hàn.

Năm 1997, tại Đại Hội Thành Lập Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam tổ chức tại California, ông đã được bầu làm Trưởng Ban Phối Hợp và liên tục giữ chức vụ đó trong 8 năm.

Tham gia Lực Lượng Dân Tộc Cứu Nguy Tổ Quốc, GS Nguyễn Thanh Trang giữ nhiệm vụ Chủ Tịch Ủy Ban Nghiên Cứu Sách Lược Hưng Quốc, cơ quan nghiên cứu và hoạch định các chính sách xây dựng đất nước thời hậu cộng sản.

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Dịch-giả, tác-giả biên tập của những tác-phẩm nổi tiếng như *A Thousand Years of Vietnamese Poetry*, *Trường Ca Lời Mẹ Ru / A Mother's Lullaby* (thơ Trương Anh Thụy), *War & Exile: A Vietnamese Anthology* (tuyển-tập thơ văn cận-hiện-đại VN), *Cung Oán Ngâm Khúc / Complaints of an Odalisque* (thơ Nguyễn Gia Thiều)... Giới-thiệu thơ Nguyễn Chí Thiện trên *Asiaweek* từ tháng 7/1982, làm lời Anh hát được theo nhạc Phạm Duy phổ 20 bài thơ Nguyễn Chí Thiện trong *Ngục Ca / Prison Songs* (tháng 9/1982), đặc-biệt dịch 5/6 cuốn *Hoa Địa Ngục / The Flowers of Hell* (1996) và gần 100 bài từ tập *Hạt Máu Thơ / Blood Seeds Become Poetry* (1996), chưa kể hai truyện trong tập *Hỏa Lò / Hanoi Hilton Stories* (do Đại-học Yale in ra năm 2007). Ông cũng là tác-giả mục viết về Nguyễn Chí Thiện trong sách *Who's Who in Twentieth Century Poetry* (Ai Là Ai trong Thơ Thế Kỷ 20) do Mark Wilhardt chủ-biên (ấn-bản Anh 2002, ấn-bản Đức 2004). Nguyễn Ngọc Bích cũng đã đi một vòng nước Úc với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện để đọc thơ ông trong tiếng Anh (cuối năm 1996), chưa kể đi nhiều nơi đọc thơ với ông tại một số đại-học nổi tiếng của Mỹ.

Ông Bích nguyên là Quyền Viện-trưởng Viện Đại-học Cửu Long (Sài-gòn), Trung-tâm-trưởng Trung-tâm Dân-vụ, Cục-trưởng Cục Thông tin Quốc-ngoại, và Tổng-giám-độc Việt Tân Xã (trước năm 1975). Sang Mỹ, ông đã từng giảng dạy tại các đại-học George Mason, Trinity và Georgetown University (ở vùng DC), được bổ nhiệm Phó rồi Quyền Tổng-giám-độc Giáo-dục Song ngữ tại Bộ Giáo-dục Liên-bang Hoa-kỳ (thời Tổng-trưởng Lamar Alexander, 1991-1993), và trước khi về hưu làm Giám-độc tiên-khởi Ban Việt-ngữ Đài Á Châu Tự Do (Radio Free Asia), 1997-2004.

NHẬT TIẾN

- Tên, Họ: **Bùi Nhật Tiến**, bút hiệu **Nhật Tiến**, sinh ngày 24-8-1936 tại Hà Nội; di cư vào Nam năm 1954; viết truyện ngắn, truyện dài trên các tạp chí: **Văn Hóa Ngày Nay, Tân Phong, Đông Phương, Bách Khoa, Văn, Văn Học...** chủ trương **nhà xuất bản Huyền Trân** (từ năm 1959), chủ biên **tuần báo Thiếu Nhi** (1971-1975); năm 1979 vượt biển qua Thái Lan rồi định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1980.

- **Tác phẩm đã in ở trong nước trước 1975:** *Những Người Áo Trắng* (1959), *Những Vì Sao Lạc* (1960), *Thềm Hoang* (1961), *Mây Hoàng Hôn* (1962), *Người Kéo Màn* (1962), *Ánh Sáng Công Viên* (1963), *Chuyện Bé Phượng* (1964), *Vách Đá Cheo Leo* (1965), *Chim Hót Trong Lồng* (1966), *Giọt Lệ Đen* (1968), *Tay Ngọc* (1968), *Giấc Ngủ Chập Chờn* (1969) *Quê Nhà Yêu Dấu* (1970), *Theo Gió Ngàn Bay* (1970), *Tặng phẩm của dòng sông* (1972), *Thuở mơ làn văn sĩ* (1974)...và một số truyện viết cho tuổi thiếu nhi như: *Lá Chúc Thưa, Đường lên Núi Thiên Mã, Săn trong thành phố..v...v...*

- **Tác phẩm đã in ở hải ngoại:** **Tiếng kèn** (1981), **Hải tặc trong vịnh Thái Lan** (viết chung với Dương Phục và Vũ Thanh Thủy, 1981), **Một thời đang qua** (1985), **Mồ hôi của đá** (1988), **Cánh cửa** (1990), **Quê nhà Quê người** (viết chung với Nhật Tuấn, ấn hành ở trong nước, 1994), **Thân Phận Dư Thừa** (2002), bản dịch cuốn *The Unwanted* của Kiên Nguyễn, **Hành Trình Chữ Nghĩa, Sự Thật Không Thể Bị Chôn Vùi, Một Thời Như Thế** (*Tư liệu Văn Học*-2012), **Mưa Xuân** (*Tập Truyện và Kịch*- 2013)

Hoạt động Văn hóa: :

- Nguyên Phó Chủ tịch Trung tâm Văn Bút Việt Nam (1963-1975).
- Nguyên Hội viên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa (nhiệm kỳ II, 1974)
- Nguyên Phó Chủ tịch Hội Cựu Giáo Chức Việt Nam Hải Ngoại (1982-1985)
- Nguyên Chủ tịch Ban Chấp hành Lâm thời Văn Bút Việt Nam Hải ngoại Nam California (1988)
- Chủ biên cơ sở xuất bản Huyền Trân (từ năm 1959).
- Cộng tác thường xuyên với tuần báo Việt Tide phát hành ở Nam Cali

(từ năm 2001 đến 2010)

Hiện cư ngụ ở Nam California.

MINH VÕ

Minh Võ là bút hiệu của cựu Thiếu Tá QL/VNCH Vũ Đức Minh. Ông sinh năm 1931, nguyên trưởng phòng 5 Trường Võ Khoa Thủ Đức, Tổng thư ký nguyệt san Tinh Thần, dịch giả nhiều sách Anh, Pháp về các vấn đề tôn giáo, chính trị, văn học, lịch sử, tâm lý giáo dục. Ông cũng từng là Quản Đốc đài Phát Thanh Quân Đội. Trong thời gian phụ trách Sở Chương trình đài Phát Thanh Quốc Gia (và một thời là Phó Giám Đốc), ông là sĩ quan liên lạc của Hiệp Hội Vô Tuyến Truyền Thanh, Truyền Hình Á Châu & Thái Bình Dương. Với cương vị này, đã nhiều lần ông được mời làm giám khảo các giải thưởng lớn về Truyền Thanh Quốc Tế.

Ngót 10 năm tù cộng sản, ông mang nhiều chứng bệnh trầm kha, nhưng sau khi qua định cư tại Hoa Kỳ, tình trạng sức khỏe ông dần dần hồi phục, nhờ thế ông bắt đầu cầm bút trở lại.

Sau đây là một số tác phẩm của Minh Võ:

* ***Sách Lược xâm lăng của cộng sản.*** - Tác giả xuất bản tại Sài Gòn năm 1963.

* ***Ngô Đình Diệm lời khen tiếng chê.*** - Thông Vũ xuất bản năm 1998 – tái bản năm 2002 tại nam California, Hoa Kỳ.

* ***Phản tỉnh phản kháng, thực hay hư?.*** - Thông Vũ xuất bản năm 1999 – tái bản năm 2003 tại nam California, Hoa Kỳ.

* ***Tâm sự nước non (Ai giết Hồ Chí Minh?)*** – Tủ sách Tiếng Quê Hương (Virginia, Hoa Kỳ) ấn hành năm 2002.

* ***Hồ Chí Minh, nhận định tổng hợp.*** – Tủ sách Tiếng Quê Hương (Virginia, Hoa Kỳ) ấn hành lần đầu năm 2003, tái bản năm 2006.

* ***Ngô Đình Diệm và chính nghĩa dân tộc.*** – Hồng Đức xuất bản lần đầu năm 2008 - Nguyệt san Diễn Đàn Giáo Dân tái bản năm 2009 tại nam California, Hoa Kỳ.

* ***Tâm Sự Nước Non 2 (Hồ Chí Minh – Ngô Đình Diệm & cuộc chiến Quốc Cộng)*** – Nguyệt san Diễn Đàn Giáo Dân ấn hành năm 2011 tại nam California, Hoa Kỳ

Nhà biên khảo Minh Võ Vũ Đức Minh hiện ở định cư ở San Diego, tiểu bang California, Hoa Kỳ.

VŨ THƯ HIÊN

Vũ Thư Hiên sinh ngày 18 tháng 10 năm 1933 tại Hà Nội, cha là Vũ Đình Huỳnh và mẹ là Phạm Thị Tề đều là thành viên của Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Năm 1953, công tác trong lĩnh vực điện ảnh.

Từ 1954 đến 1959, đi học viết kịch bản điện ảnh tại Liên Xô.

Năm 1959, làm việc cho Xưởng phim Việt Nam tại Hà Nội.

Năm 1960, làm biên tập viên và phóng viên Báo Ảnh Việt Nam.

Từ năm 1967 đến 1976, ông bị chính quyền Bắc Việt Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bí mật bắt sau cha (là ông Vũ Đình Huỳnh) 2 tháng, trong Vụ án Xét lại Chống Đảng. Công an chìm bắt giữ ông lên ô tô và đưa về nhà tù Hỏa Lò ngay trong lúc ông đang đạp xe trên phố Hà Nội, gia đình ông mãi về sau mới được biết. Ông bị giam 9 năm, trong đó bị giam trong xà lim cá nhân bốn năm rưỡi, qua các nhà tù Hỏa Lò, Bất Bạt (Sơn Tây), Tân Lập (Phú Thọ). Chính quyền thả ông không án cũng như không xét xử. Ra tù năm 1976, nhưng còn bị quản thúc bằng lệnh miêng của nhà cầm quyền mãi cho tới mùa thu năm 1980 mới được phép vào Nam.

Năm 1990, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Năm 1993, ông qua Nga với tư cách phiên dịch cho một công ty thương mại. Trong khi làm việc ông bắt đầu viết cuốn hồi ký Đêm giữa ban ngày về chín năm bị giam cầm, trong đó ông muốn chia sẻ với người đọc những điều suy ngẫm về mô hình nhà nước chuyên chính vô sản. Đến cuối năm 1996, ông qua tỵ nạn tại Pháp. Tại đây, ông đã hoàn thành tập hồi ký Đêm giữa ban ngày.

Năm 1997, xuất bản hồi ký Đêm giữa ban ngày vào tháng 4.

JEAN LIBBY

Jean Libby là một giảng viên về Lịch Sử Hoa Kỳ và các Dân Tộc Thiểu Số tại các trường đại học cộng đồng ở miền bắc Cali nhưng nay đã về hưu. Bà đã sống ở Palo Alto, Santa Clara County, California từ năm 1964.

Bà đã kết hôn với quân thủ thư viện Ralph Libby và sống ở nhà với con theo truyền thống trong những năm đầu của hơn năm mươi năm kết hôn. Ông đã giúp bà tiếp tục học tại UC Berkeley những năm 1980, khi bà quay trở lại trường. Ralph, một cựu chiến binh trong Thế chiến II, đã qua đời tại nhà riêng ở Palo Alto tháng tám năm 2012.

Những nghiên cứu và xuất bản của bà chuyên về đề tài bãi bỏ chế độ nô lệ ở Mỹ và cuộc Nội chiến Hoa Kỳ. Trong hai thập niên 1960 và 1970, bà biên tập cho tạp chí của những tổ chức địa phương đấu tranh cho dân quyền như NAACP và Nghị Hội Bình Đẳng Chủng Tộc. Bà đã viết và xuất bản năm cuốn sách về nhà đấu tranh bãi nô John Brown, người đã bị nhóm chủ nô treo cổ năm 1859 và trở thành một anh hùng vì những lời ông đã viết và phát biểu tại phiên tòa xét xử và trong tù tại Virginia.

Năm 2003 bà bắt đầu tìm hiểu lịch sử đích thực của người Mỹ gốc Việt từ các sinh viên. Điều này không có trong các sách giáo khoa. Bà bắt đầu sửa các bài dịch sang tiếng Anh cho nhà thơ Nguyễn Chí Thiện vào năm 2005 theo yêu cầu của ông. Bà không biết tiếng Việt nên công việc của bà chỉ là chỉnh lại sau khi bài văn đã được dịch xong. “Tôi tin rằng thế hệ tới của người Việt tại Mỹ, những người đến từ lúc còn nhỏ hay đã được sinh ra tại Hoa Kỳ sẽ có thể vừa dịch và sau đó chỉnh sửa lại được thành một thứ tiếng Anh tự nhiên. Hãy giao phó việc dịch và chỉnh lại những cuốn hồi ký viết và nói của bạn cho những người của thế hệ này, bởi vì con cái của họ sẽ không có được sự lưu loát bằng tiếng Việt cần thiết cho nhiệm vụ quan trọng này nữa.”

TRẦN PHONG VŨ

Trần Phong Vũ tên thật là Trần Ngọc Vân, sinh ngày 15-3-1932 tại Thái Bình, Bắc Phần Việt Nam

Tại Việt Nam, trước tháng 4-1975:

* Bình Luận Gia, Chủ Biên Các Chương Trình Bình Luận Thời Sự, Kiến Thức Phổ Thông, Đài Phát Thanh Quốc Gia, từ 1957 đến tháng Tư năm 1975.

* Tổng Thư Ký Nguyệt San Chiến Hữu, Nha Tuyên Úy Công Giáo Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, 1961-1968.

* Tổng Thư Ký Tuần Báo Công Lý Hòa Bình (Sau được đổi tên thành Tuần Báo Phát Triễn), Sài Gòn, 1968-1970.

* Bình Luận Gia Thời Sự Trên Các Nhật Báo Sài Gòn Thời Báo (1959-1963), Sóng Thần (1968-1975).

* Giảng dạy Văn Chương Đề Nhị Cấp Các Trung Học Thủ Khoa, Tân Khoa, Xuân Thu, Hưng Đạo, Nguyễn Bá Tòng, Lasan Taberd, Sài Gòn (1959-1975).

Hoa Kỳ, sau tháng 4-1975:

- * Chủ Bút Nguyệt San Đường Sống, nam California, Hia Kỳ từ năm 1980-1992.
- * Chủ bút nguyệt san Diễn Đàn Giáo Dân. Nam California, Hoa Kỳ từ năm 2001-2012.
- * Cùng với nhà văn Uyên Thao chăm sóc tủ sách Tiếng Quê Hương từ năm 2000.

Sách đã xuất bản trong nước và tại hải ngoại:

Mùa Hợp Tấu (Trường Ca - Giải Nhất, Văn Hóa Vụ, Bộ Thông Tin Việt Nam Cộng Hòa, Sài Gòn, 1956).
 Quốc Văn Đệ Tứ, Chủ Nghĩa Anh Hùng Cách Mạng Cộng Sản, Niềm Đau Của Huế, “Quê Hương Còn Đó” (Tuyển Tập Truyện Ngắn và Tạp Văn - Bách Việt, Hoa Kỳ, 1983). “Dấu Chân Trên Cát”, “Một Thoáng Nhìn Về Giáo Hội Việt Nam Qua Biểu Tượng Đức Gioan Phaolô II” (Biên Khảo – Tin Vui, Hoa Kỳ, 1997), “Bên Vực Tử Sinh”, “Một Thời Mê Hoặc” (Truyện Dài – Tin Vui, Hoa Kỳ, 1998)., “Thánh Thể Trung Tâm Đời Sống Giáo Hội” (Biên khảo – Tin Vui, Hoa Kỳ, 2000 – tái bản lần thứ nhất 2004)., “Phan Văn Lợi, Người Là Ai?” (Biên khảo – Tin Vui, Hoa Kỳ, 2001)., Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, Vĩ Nhân Thời Đại (Biên khảo – tủ sách Tiếng Quê Hương, Hoa Kỳ, 2005 – tái bản lần thứ nhất 2006)., “Tuyển Tập Trần Phong Vũ” (Truyện ngắn – Tâm bút – Thơ – tủ sách Tiếng Quê Hương, Hoa Kỳ, 2012)., “Nguyễn Chí Thiện, Trái Tim Hồng” (Biên khảo – Nhận định – tủ sách Tiếng Quê Hương, Hoa Kỳ 2013).

BÙI HẠNH NGHI

Sinh ngày 12.12.1936 tại Hà Tĩnh.

Nguyên giáo sư Đức ngữ tại Goethe-Institut (Trung Tâm Văn Hóa Đức), Sài Gòn và trường Regina Mundi, Sài-Gòn;

Nguyên giám đốc ngân hàng tại Frankfurt, Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Tiến sĩ Văn chương Đức;

Tiến Sĩ Luật;

Cao học Kinh tế.

Tác phẩm và dịch phẩm đã xuất bản:

1. Zu Max Frischs Begriff “Das Wirkliche Leben” (Quan niệm của Max Frisch về đời sống đích thực)
2. Weckt die Vergangenheit noch Sehnsüchte, Wehmut oder Alpträume ? (Mitherausgeber) (Quá khứ còn gợi lại những khát khao, hoài niệm hay là ác mộng?)
3. Echo aus dem Abgrund (Dịch “ Tiếng Vọng Từ Đáy Vực“ của Nguyễn Chí Thiện)
4. Hoffnungswege (Dịch “Đường Hy Vọng“ của Cố Hồng Y FX Nguyễn Văn Thuận)
5. Das vietnamesische Familienrecht zwischen Tradition und Moderne (Tương quan giữa Truyền Thống và Hiện Đại trong Luật Gia Đình Việt Nam)
6. Góp Nhặt Đông Dài (Tuyển tập một số bài thuyết trình và đăng báo về những đề tài văn chương, chính trị, kinh tế, tài chánh)